

Hà Nội, ngày 11 tháng 11 năm 2023

## **THÔNG BÁO MỜI THẦU**

Ban Quản trị Tòa nhà Sky City Towers 88 Láng Hạ chuẩn bị tổ chức mời thầu cạnh tranh gói thầu "Cải tạo sửa chữa ngoại thất Tòa nhà Sky City Towers - 88 Láng Hạ" và kính mời quý Công ty/đơn vị có đầy đủ tư cách pháp nhân, đủ điều kiện và năng lực tham gia chào thầu cạnh tranh gói thầu dịch vụ nêu trên.

1. Bên mời thầu: Ban Quản trị Tòa nhà Sky City Towers 88 Láng Hạ.
2. Nguồn vốn: Quỹ Bảo trì Cư dân
3. Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi trong nước (theo quy định về đấu thầu của Luật Thương mại).
4. Phương thức lựa chọn nhà thầu: một giai đoạn một túi hồ sơ.

Đơn vị quan tâm và đáp ứng đủ điều kiện sẽ được phát miễn phí một bộ hồ sơ mời thầu tại Ban Quản lý Tòa nhà - Tầng KT – Sky City Towers - 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội.

Thời gian phát hồ sơ mời thầu từ 8 giờ 30 phút, ngày 11 tháng 11 năm 2023, thời điểm đóng thầu là 16 giờ ngày 21 tháng 11 năm 2023.

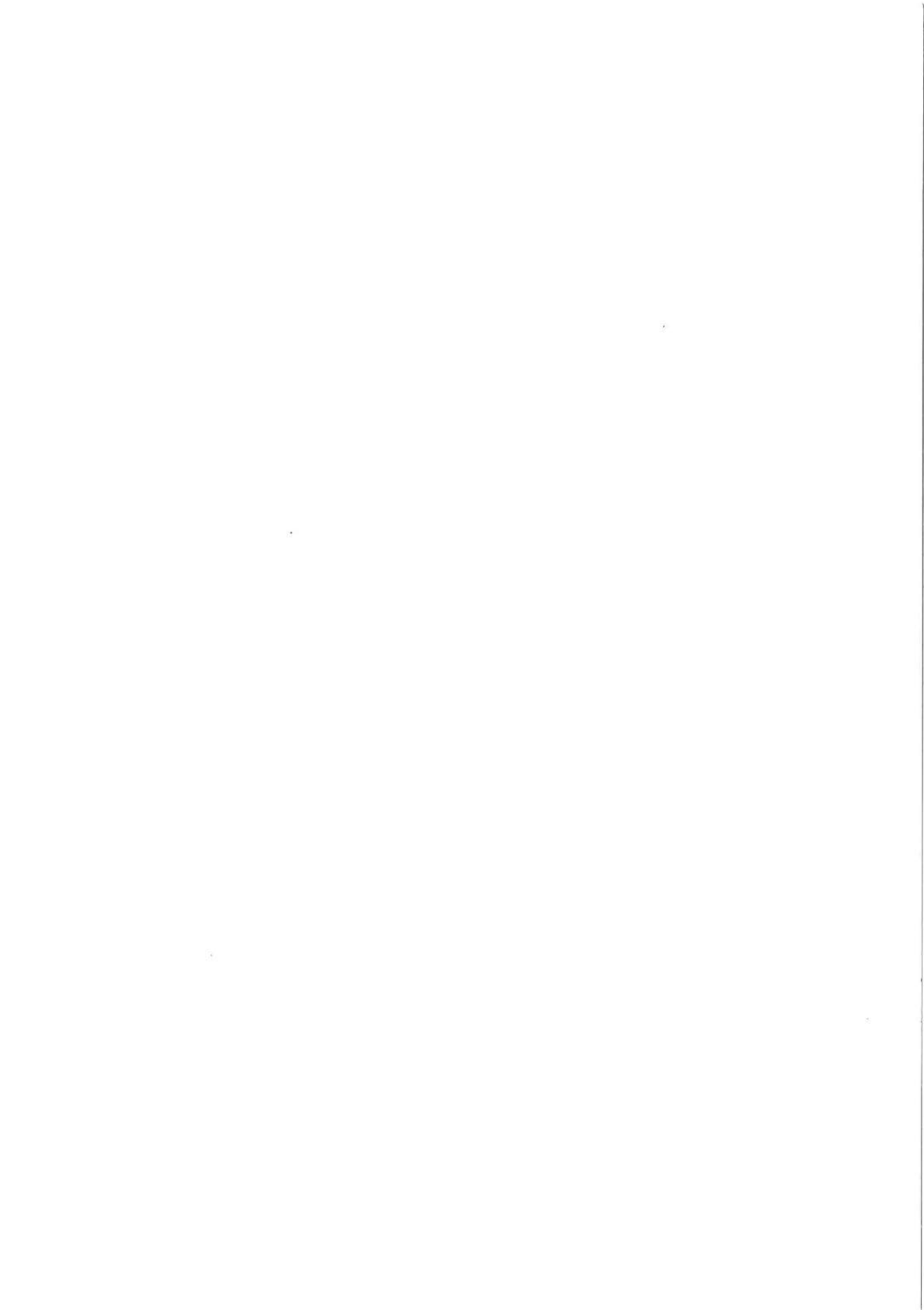
Hồ sơ dự thầu được niêm phong kín có dấu niêm phong của Nhà thầu và sẽ được mở công khai vào 19 giờ 30 phút, ngày 21 tháng 11 năm 2023, tại Ban Quản lý Tòa nhà - Tầng KT – Sky City Towers - 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội. Trường hợp nhà thầu muốn tham dự mở thầu, mời đăng ký ngay khi nộp hồ sơ hoặc qua điện thoại.

**BAN QUẢN TRỊ  
Trưởng Ban**









## TỪ NGỮ VIẾT TẮT

Chủ đầu tư	Ban Quản trị tòa nhà Sky City Towers - 88 Láng Hạ
Dự án	Cải tạo sửa chữa tòa nhà Sky City Towers - 88 Láng Hạ
HSMT	Hồ sơ mời thầu
HSDT	Hồ sơ dự thầu bao gồm Hồ sơ đề xuất kỹ thuật và Hồ sơ đề xuất tài chính
HSDXKT	Hồ sơ đề xuất kỹ thuật
HSDXTC	Hồ sơ đề xuất tài chính
Luật điều chỉnh	Bộ luật Dân sự, Luật Thương mại, Luật Xây dựng và văn bản hướng dẫn thực hiện Bộ luật Dân sự, Luật Thương mại, Luật Xây dựng.
Nhà thầu	Đơn vị tham gia nộp Hồ sơ dự thầu
VND	Đồng Việt Nam

## MỤC LỤC

PHẦN A. BIỂU MẪU DỰ THẦU.

PHẦN B. BẢNG TIÊN LƯỢNG MỜI THẦU.

PHẦN C. BẢNG TIÊU CHUẨN NĂNG LỰC KỸ THUẬT.

PHẦN D. BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TÀI CHÍNH VÀ KINH NGHIỆM.

PHẦN E. BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ PHẦN KỸ THUẬT XÂY DỰNG.

PHẦN F: TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ TỔNG HỢP

PHẦN G: YÊU CẦU VỀ GÓI THẦU VÀ CHỈ DẪN CHO NHÀ THẦU

PHẦN H: YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT, CHỈ DẪN KỸ THUẬT

## A. BIỂU MẪU DỰ THẦU

### I. Biểu mẫu dự thầu thuộc HSĐXKT

Mẫu số 01. Đơn dự thầu

Mẫu số 02. Giấy ủy quyền

Mẫu số 03. Thỏa thuận liên danh

Mẫu số 04. Bảo lãnh dự thầu

Mẫu số 05 (a). Bản kê khai thông tin về nhà thầu

Mẫu số 05 (b). Bản kê khai thông tin về thành viên của nhà thầu liên danh

Mẫu số 06. Danh sách các công ty đảm nhận phần công việc của gói thầu

Mẫu số 07. Hợp đồng không hoàn thành trong quá khứ

Mẫu số 08. Kiện tụng đang giải quyết

Mẫu số 09. Tình hình tài chính trước đây của nhà thầu

Mẫu số 10. Doanh thu bình quân hàng năm từ hoạt động xây dựng

Mẫu số 11. Nguồn lực tài chính

Mẫu số 12. Yêu cầu về nguồn lực tài chính

Mẫu số 13. Hợp đồng tương tự

Mẫu số 14. Bảng đề xuất nhân sự chủ chốt

Mẫu số 15. Bản lý lịch chuyên môn của nhân sự chủ chốt

Mẫu số 16. Bản kinh nghiệm chuyên môn

Mẫu số 17. Bảng kê khai thiết bị

Mẫu số 17 (b). Bảng liệt kê và tuyên bố hàng hóa chào thầu đáp ứng yêu cầu của HSMT

Mẫu số 17 (c). Giấy phép/giấy ủy quyền bán hàng thuộc bản quyền của nhà sản xuất

Mẫu số 18. Phạm vi công việc sử dụng nhà thầu phụ

### II. Biểu mẫu dự thầu thuộc HSĐXTC

Mẫu số 19(a). Đơn dự thầu (*áp dụng trong trường hợp nhà thầu không có đề xuất giảm giá hoặc có đề xuất giảm giá trong thư giám giá riêng*)

Mẫu số 19 (b). Đơn dự thầu (*áp dụng trong trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá trong đơn dự thầu*)

Mẫu số 20. Bảng tổng hợp giá dự thầu

Mẫu số 21 (a). Bảng chi tiết giá dự thầu (Bảng số 01: Hạng mục chung)

Mẫu số 21 (b). Các hạng mục xây lắp, lắp đặt

Mẫu số 21 (c). Bảng giá dự thầu cho các dịch vụ liên quan

**I. BIỂU MẪU DỰ THẦU**  
**THUỘC HỒ SƠ ĐỀ XUẤT VỀ KỸ THUẬT**

**Mẫu số 01**

**ĐƠN DỰ THẦU<sup>(1)</sup>**  
(thuộc HSDXKT)

Ngày: [ghi ngày tháng năm ký đơn dự thầu]

Tên gói thầu: [ghi tên gói thầu theo]

Tên dự án: [ghi tên dự án]

Kính gửi: [ghi đầy đủ và chính xác tên của Bên mời]

Sau khi nghiên cứu hồ sơ mời thầu và văn bản sửa đổi hồ sơ mời thầu số \_\_\_\_\_ [ghi số của văn bản sửa đổi (nếu có)] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, \_\_\_\_\_ [ghi tên nhà thầu], cam kết thực hiện gói thầu \_\_\_\_\_ [ghi tên gói thầu] theo đúng yêu cầu của hồ sơ mời thầu với thời gian thực hiện hợp đồng là \_\_\_\_\_ [ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của gói thầu]<sup>(2)</sup>. Hồ sơ dự thầu của chúng tôi gồm có hồ sơ đề xuất về kỹ thuật này và hồ sơ đề xuất về tài chính được niêm phong riêng biệt.

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một hồ sơ dự thầu này với tư cách là nhà thầu chính.
2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.
4. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự gói thầu này.
5. Những thông tin kê khai trong hồ sơ dự thầu là trung thực.

Nếu hồ sơ dự thầu của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định .

Hồ sơ đề xuất về kỹ thuật này có hiệu lực trong thời gian \_\_\_\_\_<sup>(3)</sup> ngày, kể từ ngày \_\_\_\_\_ tháng \_\_\_\_\_ năm \_\_\_\_\_<sup>(4)</sup>.

**Đại diện hợp pháp của nhà thầu<sup>(5)</sup>**  
**[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu<sup>(6)</sup>**

Ghi chú:

(1) Nhà thầu lưu ý, đơn dự thầu phải được ghi đầy đủ và chính xác các thông tin về tên của Bên mời thầu, nhà thầu, thời gian có hiệu lực của HSDT, được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu.

(2) Thời gian thực hiện hợp đồng nêu trong đơn dự thầu phải phù hợp với đề xuất về kỹ thuật và Biểu tiến độ thi công nêu trong HSDT.

(3) Ghi số ngày có hiệu lực theo quy định. Thời gian có hiệu lực của HSDT được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực theo quy định trong HSDT. Từ thời điểm đóng thầu đến hết 24 giờ của ngày đóng thầu được tính là 1 ngày.

(4) Ghi ngày đóng thầu theo quy định.

(5) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới ký đơn dự thầu thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02; trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn dự thầu thì phải gửi



kèm theo các văn bản này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02). Trường hợp nhà thầu là liên danh thì phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký, trừ trường hợp trong văn bản thỏa thuận liên danh theo Mẫu số 03 có quy định các thành viên trong liên danh thỏa thuận cho thành viên đứng đầu liên danh ký đơn dự thầu. Trường hợp từng thành viên liên danh có ủy quyền thì thực hiện như đối với nhà thầu độc lập. Nếu nhà thầu trúng thầu, trước khi ký kết hợp đồng, nhà thầu phải trình Chủ đầu tư bản chụp được chứng thực các văn bản này. Trường hợp phát hiện thông tin kê khai ban đầu là không chính xác thì nhà thầu bị coi là vi phạm.

(6) Trường hợp nhà thầu nước ngoài không có con dấu thì phải cung cấp xác nhận của tổ chức có thẩm quyền là chữ ký trong đơn dự thầu và các tài liệu khác trong HSDT là của người đại diện hợp pháp của nhà thầu.

GIẤY ỦY QUYỀN<sup>(1)</sup>

Hôm nay, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_, tại \_\_\_\_

Tôi là \_\_\_\_ [ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu], là người đại diện theo pháp luật của \_\_\_\_ [ghi tên nhà thầu] có địa chỉ tại \_\_\_\_ [ghi địa chỉ của nhà thầu] bằng văn bản này ủy quyền cho \_\_\_\_ [ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham dự thầu gói thầu \_\_\_\_ [ghi tên gói thầu] thuộc dự án \_\_\_\_ [ghi tên dự án] do \_\_\_\_ [ghi tên Bên mời thầu] tổ chức:

[ - Ký đơn dự thầu thuộc HSDXKT và đơn dự thầu thuộc HSDXTC;

- Ký thỏa thuận liên danh (nếu có);

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Bên mời thầu trong quá trình tham gia đấu thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSMT và văn bản giải trình, làm rõ HSDT hoặc văn bản đề nghị rút HSDT, sửa đổi, thay thế HSDXKT, HSDXTC;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;

- Ký kết hợp đồng với Chủ đầu tư nếu được lựa chọn.]<sup>(2)</sup>

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của \_\_\_\_ [ghi tên nhà thầu]. \_\_\_\_ [ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do \_\_\_\_ [ghi tên người được ủy quyền] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày \_\_\_\_ đến ngày \_\_\_\_<sup>(3)</sup>. Giấy ủy quyền này được lập thành \_\_\_\_ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ \_\_\_\_ bản, người được ủy quyền giữ \_\_\_\_ bản, Bên mời thầu giữ \_\_\_\_ bản.

**Người được ủy quyền**

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

**Người ủy quyền**

[ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho Bên mời thầu cùng với đơn dự thầu theo quy định. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham gia đấu thầu.

THỎA THUẬN LIÊN DANH<sup>(1)</sup>

\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

Gói thầu: \_\_\_\_\_ [ghi tên gói thầu]

Thuộc dự án: \_\_\_\_\_ [ghi tên dự án]

Căn cứ<sup>(2)</sup> \_\_\_\_\_ [Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013 của Quốc hội];

Căn cứ<sup>(2)</sup> \_\_\_\_\_ [Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu];

Căn cứ hồ sơ mời thầu gói thầu \_\_\_\_\_ [ghi tên gói thầu] ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ [ngày được ghi trên HSM];

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh \_\_\_\_\_ [ghi tên từng thành viên liên danh]

Đại diện là ông/bà: \_\_\_\_\_

Chức vụ: \_\_\_\_\_

Địa chỉ: \_\_\_\_\_

Điện thoại: \_\_\_\_\_

Fax: \_\_\_\_\_

E-mail: \_\_\_\_\_

Tài khoản: \_\_\_\_\_

Mã số thuế: \_\_\_\_\_

Giấy ủy quyền số \_\_\_\_ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ (trường hợp được ủy quyền).

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

**Điều 1. Nguyên tắc chung**

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói thầu \_\_\_\_\_ [ghi tên gói thầu] thuộc dự án \_\_\_\_\_ [ghi tên dự án].

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: \_\_\_\_\_ [ghi tên của liên danh theo thỏa thuận].

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với thành viên khác để tham gia gói thầu này. Trường hợp trúng thầu, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng trừ khi được sự đồng ý bằng văn bản của các thành viên trong liên danh. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;

- Bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng;

- Hình thức xử lý khác \_\_\_\_\_ [ghi rõ hình thức xử lý khác].

**Điều 2. Phân công trách nhiệm**

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu \_\_\_\_\_ [ghi tên gói thầu] thuộc dự án \_\_\_\_\_ [ghi tên dự án] đối với từng thành viên như sau:

### 1. Thành viên đứng đầu liên danh

Các bên nhất trí ủy quyền cho \_\_\_\_\_ [ghi tên một bên] làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau<sup>(3)</sup>:

[- Ký đơn dự thầu thuộc hồ sơ đề xuất về kỹ thuật và đơn dự thầu thuộc hồ sơ đề xuất về tài chính;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Bên mời thầu trong quá trình tham dự thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSMT và văn bản giải trình, làm rõ HSDT hoặc văn bản đề nghị rút HSDT, sửa đổi, thay thế HSDXKT, HSDXTC;

- Thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả liên danh;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;

- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng [ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)].

2. Các thành viên trong liên danh thỏa thuận phân công trách nhiệm thực hiện công việc theo bảng dưới đây<sup>(4)</sup>:

STT	Tên	Nội dung công việc đảm nhận	Giá trị (Tỷ lệ % so với giá dự thầu)
1	Tên thành viên đứng đầu liên danh	- _____	- _____%
2	Tên thành viên thứ 2	- _____	- _____%
....	....	....	....
Tổng cộng		Toàn bộ công việc của gói thầu	100%

### Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;

- Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;

- Nhà thầu liên danh không trúng thầu;

- Hủy thầu gói thầu \_\_\_\_\_ [ghi tên gói thầu] thuộc dự án \_\_\_\_\_ [ghi tên dự án] theo thông báo của Bên mời thầu.

Thỏa thuận liên danh được lập thành \_\_\_\_\_ bản, mỗi bên giữ \_\_\_\_\_ bản, các bản thỏa thuận có giá trị pháp lý như nhau.

### ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

### ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH

[ghi tên từng thành viên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung thỏa thuận liên danh theo mẫu này có thể được sửa đổi bổ sung cho phù hợp. Nhà thầu lưu ý trong thỏa thuận liên danh phải ghi đầy đủ và chính xác tên dự án, tên gói thầu theo quy định.

(2) Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

(3) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(4) Nhà thầu phải ghi rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện, trách nhiệm chung, trách nhiệm của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh.

BẢO LÃNH DỰ THẦU<sup>(1)</sup>

Bên thụ hưởng: *[ghi tên và địa chỉ của Bên mời thầu]*

Ngày phát hành bảo lãnh: *[ghi ngày phát hành bảo lãnh]*

BẢO LÃNH DỰ THẦU số: *[ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]*

Bên bảo lãnh: *[ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]*

Chúng tôi được thông báo rằng *[ghi tên nhà thầu]<sup>(2)</sup>* (sau đây gọi là "Bên yêu cầu bảo lãnh") sẽ tham dự thầu để thực hiện gói thầu *[ghi tên gói thầu]* thuộc dự án *[ghi tên dự án]* theo Thư mời thầu/thông báo mời thầu số *[ghi số trích yếu của Thư mời thầu/thông báo mời thầu]*.

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng bảo lãnh cho nhà thầu tham dự thầu gói thầu này bằng một khoản tiền là \_\_\_\_ *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]*.

Bảo lãnh này có hiệu lực trong \_\_\_\_<sup>(3)</sup> ngày, kể từ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm<sup>(4)</sup>.

Theo yêu cầu của Bên yêu cầu bảo lãnh, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết chắc chắn sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng một khoản tiền hay các khoản tiền không vượt quá tổng số tiền là *[ghi bằng chữ]* *[ghi bằng số]* khi nhận được văn bản thông báo nhà thầu vi phạm từ Bên thụ hưởng trong đó nêu rõ:

1. Nhà thầu rút hồ sơ dự thầu sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu;
2. Nhà thầu vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định;
3. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành thương thảo hợp đồng trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo mời đến thương thảo hợp đồng của Bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng;
4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Bên mời thầu hoặc đã hoàn thiện hợp đồng nhưng từ chối ký hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng;
5. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định

Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định thì bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả<sup>(5)</sup>.

Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh được lựa chọn: bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Bên yêu cầu bảo lãnh ký kết hợp đồng và nộp Bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh không được lựa chọn: bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu từ Bên thụ hưởng gửi cho Bên yêu cầu bảo lãnh; trong vòng 30 ngày sau khi hết thời hạn hiệu lực của hồ sơ dự thầu.

Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến địa chỉ của chúng tôi

trước hoặc trong ngày đó.

**Đại diện hợp pháp của ngân hàng**  
*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

(1) Áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm dự thầu là thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam. Khuyến khích sử dụng theo Mẫu này, trường hợp sử dụng mẫu khác mà vi phạm một trong các quy định thì bảo lãnh dự thầu được coi là không hợp lệ.

(2) Tên nhà thầu có thể là một trong các trường hợp sau đây:

- Tên của cả nhà thầu liên danh, ví dụ nhà thầu liên danh A + B tham dự thầu thì tên nhà thầu ghi là “Nhà thầu liên danh A + B”;

- Tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện bảo lãnh dự thầu cho cả liên danh hoặc cho thành viên khác trong liên danh, ví dụ nhà thầu liên danh A + B + C tham dự thầu, trường hợp trong thỏa thuận liên danh phân công cho nhà thầu A thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả liên danh thì tên nhà thầu ghi là “nhà thầu A (thay mặt cho nhà thầu liên danh A + B + C)”, trường hợp trong thỏa thuận liên danh phân công nhà thầu B thực hiện bảo đảm dự thầu cho nhà thầu B và C thì tên nhà thầu ghi là “Nhà thầu B (thay mặt cho nhà thầu B và C)”;

- Tên của thành viên liên danh thực hiện riêng rẽ bảo lãnh dự thầu.

(3) Ghi theo quy định tại.

(4) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định.

(5) Áp dụng trong trường hợp nhà thầu liên danh.

## NĂNG LỰC CỦA NHÀ THẦU

Để chứng minh có năng lực thực hiện hợp đồng nhà thầu phải cung cấp các thông tin cần thiết theo các mẫu sau đây:

Mẫu số 05(a)

### BẢN KÊ KHAI THÔNG TIN VỀ NHÀ THẦU

Ngày: \_\_\_\_\_

Số hiệu và tên gói thầu: \_\_\_\_\_

Tên nhà thầu: <i>[ghi tên nhà thầu]</i>
<i>Trong trường hợp liên danh, ghi tên của từng thành viên trong liên danh</i>
Nơi nhà thầu đăng ký kinh doanh, hoạt động: <i>[ghi tên tỉnh/thành phố nơi đăng ký kinh doanh, hoạt động]</i>
Năm thành lập công ty:
Địa chỉ hợp pháp của nhà thầu <i>[tại nơi đăng ký]:</i>
Thông tin về đại diện hợp pháp của nhà thầu Tên: _____ Địa chỉ: _____ Số điện thoại/fax: _____ Địa chỉ email: _____
1. Kèm theo là bản chụp một trong các tài liệu sau đây: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền của nước mà nhà thầu đang hoạt động cấp.



**BẢN KÊ KHAI THÔNG TIN VỀ THÀNH VIÊN CỦA NHÀ  
THẦU LIÊN DANH<sup>(1)</sup>**

Ngày: \_\_\_\_\_

Số hiệu và tên gói thầu: \_\_\_\_\_

Tên nhà thầu liên danh:
Tên thành viên của nhà thầu liên danh:
Quốc gia nơi đăng ký công ty của thành viên liên danh:
Năm thành lập công ty của thành viên liên danh:
Địa chỉ hợp pháp của thành viên liên danh tại quốc gia đăng ký:
Thông tin về đại diện hợp pháp của thành viên liên danh
Tên: _____
Địa chỉ: _____
Số điện thoại/fax: _____
Địa chỉ email: _____
1. Kèm theo là bản chụp một trong các tài liệu sau đây: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền của nước mà nhà thầu đang hoạt động cấp.

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên của nhà thầu liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

DANH SÁCH CÁC CÔNG TY ĐẢM NHẬN PHẦN CÔNG VIỆC  
CỦA GÓI THẦU<sup>(1)</sup>

STT	Tên công ty con, công ty thành viên <sup>(2)</sup>	Công việc đảm nhận trong gói thầu <sup>(3)</sup>	Giá trị % so với giá dự thầu <sup>(4)</sup>	Ghi chú
1				
2				
3				

Ghi chú

(1) Trường hợp nhà thầu tham dự thầu là công ty mẹ (ví dụ như Tổng công ty) thì nhà thầu phải kê khai cụ thể phần công việc dành cho các công ty con, công ty thành viên. Việc đánh giá kinh nghiệm, năng lực của nhà thầu căn cứ vào giá trị, khối lượng do công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên đảm nhận trong gói thầu. Trường hợp nhà thầu tham dự thầu không phải là công ty mẹ thì không áp dụng Mẫu này.

(2) Ghi cụ thể tên công ty con, công ty thành viên.

(3) Ghi cụ thể phần công việc đảm nhận của công ty con, công ty thành viên.

(4) Ghi cụ thể giá trị % công việc của công ty con, công ty thành viên đảm nhận so với giá dự thầu.

HỢP ĐỒNG KHÔNG HOÀN THÀNH TRONG QUÁ KHỨ<sup>(1)</sup>

Tên nhà thầu: \_\_\_\_\_

Ngày: \_\_\_\_\_

Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có): \_\_\_\_\_

Các hợp đồng không hoàn thành trong quá khứ theo Tiêu chuẩn đánh giá HSDT			
- Không có hợp đồng nào đã ký nhưng không thực hiện kể từ ngày 1 tháng 1 năm ... theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực tài chính và kinh nghiệm. - Có hợp đồng đã ký nhưng không hoàn thành tính từ ngày 1 tháng 1 năm ... theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực tài chính và kinh nghiệm.			
Năm	Phần việc hợp đồng không hoàn thành	Mô tả hợp đồng	Tổng giá trị hợp đồng (giá trị hiện tại, đơn vị tiền tệ, tỷ giá hối đoái, giá trị tương đương bằng VND)
		Mô tả hợp đồng: Tên Chủ đầu tư: Địa chỉ: Nguyên nhân không hoàn thành hợp đồng:	

Ghi chú:

(1) Nhà thầu phải kê khai chính xác, trung thực các hợp đồng không hoàn thành trong quá khứ; nếu Bên mời thầu phát hiện bất cứ nhà thầu nào có hợp đồng không hoàn thành trong quá khứ mà không kê khai thì được coi là hành vi “gian lận” và HSDT sẽ bị loại.

Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên của nhà thầu liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

KIỆN TỤNG ĐANG GIẢI QUYẾT<sup>(1)</sup>

Tên nhà thầu: \_\_\_\_\_

Ngày: \_\_\_\_\_

Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có): \_\_\_\_\_

Các vụ kiện đang giải quyết			
Chọn một trong các thông tin mô tả dưới đây:			
<input type="checkbox"/> Không có vụ kiện nào đang giải quyết.			
<input type="checkbox"/> Dưới đây là mô tả về các vụ kiện đang giải quyết mà nhà thầu là một bên đương sự (hoặc mỗi thành viên của liên danh nếu là nhà thầu liên danh).			
Năm	Vấn đề tranh chấp	Giá trị vụ kiện đang giải quyết	Tỷ lệ của giá trị vụ kiện đang giải quyết so với giá trị tài sản ròng

Ghi chú:

<sup>(1)</sup> Nhà thầu phải kê khai chính xác, trung thực các vụ kiện tụng đang giải quyết; nếu Bên mời thầu phát hiện bất cứ nhà thầu nào đang có các vụ kiện tụng mà không kê khai thì được coi là hành vi “gian lận” và HSDT sẽ bị loại.

Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên của nhà thầu liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TRƯỚC ĐÂY CỦA NHÀ THẦU<sup>(1)</sup>

Tên nhà thầu: \_\_\_\_\_

Ngày: \_\_\_\_\_

Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có): \_\_\_\_\_

Số liệu tài chính cho __ năm gần nhất <sup>(2)</sup>		
Năm 1:	Năm 2:	Năm __:

Thông tin từ Bảng cân đối kế toán

Tổng tài sản			
Tổng nợ			
Giá trị tài sản ròng			
Tài sản ngắn hạn			
Nợ ngắn hạn			
Vốn lưu động			

Thông tin từ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tổng doanh thu			
Lợi nhuận trước thuế			
Lợi nhuận sau thuế			

Đính kèm là bản chụp các báo cáo tài chính (các bảng cân đối kế toán bao gồm tất cả thuyết minh có liên quan, các báo cáo kết quả kinh doanh) cho \_\_ năm gần nhất<sup>(3)</sup> và tuân thủ các điều kiện sau:

1. Phản ánh tình hình tài chính của nhà thầu hoặc thành viên liên danh (nếu là nhà thầu liên danh) mà không phải tình hình tài chính của một chủ thể liên kết như công ty mẹ hoặc công ty con hoặc công ty liên kết với nhà thầu hoặc thành viên liên danh.
2. Các báo cáo tài chính phải hoàn chỉnh, đầy đủ nội dung theo quy định.
3. Các báo cáo tài chính phải tương ứng với các kỳ kế toán đã hoàn thành, kèm theo là bản chụp được chứng thực một trong các tài liệu sau đây:
  - Biên bản kiểm tra quyết toán thuế;
  - Tờ khai tự quyết toán thuế (thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp) đã gửi cho cơ quan thuế.
  - Tài liệu chứng minh việc nhà thầu đã kê khai quyết toán thuế điện tử;
  - Văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế (xác nhận số nộp cả năm) về việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế;
  - Báo cáo kiểm toán (nếu có);
  - Các tài liệu khác.

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên của nhà thầu liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

- (2) Số cột tại bảng trên cần tương ứng với khoảng thời gian được quy định tại tiêu chí đánh giá 3.1 Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực tài chính và kinh nghiệm.
- (3) Khoảng thời gian quy định ở đây như quy định tại Tiêu chí đánh giá 3.1 Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực tài chính và kinh nghiệm.

DOANH THU BÌNH QUÂN HÀNG NĂM TỪ HOẠT ĐỘNG XÂY LẮP <sup>(1)</sup>

Từng nhà thầu hoặc thành viên liên danh phải ghi vào Mẫu này.

Thông tin được cung cấp phải là doanh thu hàng năm từ hoạt động cung cấp thiết bị và xây lắp cho các công việc đang thực hiện hoặc đã hoàn thành.

Nhà thầu phải nộp kèm báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo quy định hoặc xác nhận thanh toán của Chủ đầu tư đối với những hợp đồng xây lắp đã thực hiện hoặc tờ khai nộp thuế hoặc các tài liệu hợp pháp khác.

Số liệu doanh thu hàng năm cho các năm ... đến năm ... <sup>(2)</sup>	
Năm	Số tiền
Doanh thu bình quân hàng năm <sup>(3)</sup>	

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên của nhà thầu liên danh phải ghi vào Mẫu này.

(2) Bên mời thầu cần ghi thời hạn được mô tả tại tiêu chí đánh giá 3.2 Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực tài chính và kinh nghiệm.

(3) Để xác định doanh thu bình quân hàng năm từ hoạt động cung cấp vật tư và xây lắp, nhà thầu sẽ chia tổng doanh thu từ hoạt động cung cấp vật tư và xây lắp của các năm cho số năm dựa trên thông tin đã được cung cấp.

NGUỒN LỰC TÀI CHÍNH<sup>(1)</sup>

Nêu rõ các nguồn tài chính dự kiến, chẳng hạn như các tài sản có khả năng thanh khoản cao<sup>(2)</sup>, các hạn mức tín dụng và các nguồn tài chính khác (không phải là các khoản tạm ứng theo hợp đồng) có sẵn để đáp ứng yêu cầu về nguồn lực tài chính được nêu trong Mẫu số 12.

Nguồn lực tài chính của nhà thầu		
STT	Nguồn tài chính	Số tiền
1		
2		
3		
Tổng nguồn lực tài chính của nhà thầu (TNL)		

Ghi chú:

(1) Từng nhà thầu hoặc thành viên liên danh phải cung cấp thông tin về nguồn lực tài chính của mình, kèm theo tài liệu chứng minh.

Nguồn lực tài chính mà nhà thầu dự kiến huy động để thực hiện gói thầu được tính theo công thức sau:

$$NLTC = TNL - ĐTH$$

Trong đó:

- NLTC là nguồn lực tài chính mà nhà thầu dự kiến huy động để thực hiện gói thầu;
- TNL là tổng nguồn lực tài chính của nhà thầu (tổng nguồn lực tài chính nêu tại Mẫu này);
- ĐTH là tổng yêu cầu về nguồn lực tài chính hàng tháng cho các hợp đồng đang thực hiện (nêu tại Mẫu số 12).

Nhà thầu được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu nếu có nguồn lực tài chính dự kiến huy động để thực hiện gói thầu (NLTC) tối thiểu bằng giá trị yêu cầu tại tiêu chí đánh giá 3.3 Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực tài chính và kinh nghiệm.

Trường hợp trong HSDT, nhà thầu có nộp kèm theo bản cam kết tín dụng của tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, trong đó cam kết sẽ cung cấp tín dụng cho nhà thầu để thực hiện gói đang xét với hạn mức tối thiểu bằng giá trị yêu cầu tại tiêu chí đánh giá 3.3 Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực tài chính và kinh nghiệm, trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng thì nhà thầu được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu và không phải kê khai thông tin theo quy định Mẫu này và Mẫu số 12.

(2) Tài sản có khả năng thanh khoản cao là tiền mặt và tương đương tiền mặt, các công cụ tài chính ngắn hạn, các chứng khoán sẵn sàng để bán, chứng khoán dễ bán, các khoản phải thu thương mại, các khoản phải thu tài chính ngắn hạn và các tài sản khác mà có thể chuyển đổi thành tiền mặt trong vòng một năm.



**NGUỒN LỰC TÀI CHÍNH HÀNG THÁNG CHO CÁC HỢP ĐỒNG ĐANG THỰC HIỆN<sup>(1)</sup>**

TT	Tên hợp đồng	Người liên hệ của Chủ đầu tư (địa chỉ, điện thoại, fax)	Ngày hoàn thành hợp đồng	Thời hạn còn lại của hợp đồng tính bằng tháng (A) <sup>(2)</sup>	Giá trị hợp đồng chưa thanh toán, bao gồm cả thuế (B) <sup>(3)</sup>	Yêu cầu về nguồn lực tài chính hàng tháng (B/A)
1						
2						
3						
4						
...						
Tổng yêu cầu về nguồn lực tài chính hàng tháng cho các hợp đồng đang thực hiện (ĐTH)						

Ghi chú:

(1) Từng nhà thầu hoặc thành viên liên danh phải cung cấp thông tin được nêu dưới đây để tính toán tổng các yêu cầu về nguồn lực tài chính, bằng tổng của: (i) các cam kết hiện tại của nhà thầu (hoặc từng thành viên liên danh) trong tất cả các hợp đồng mà nhà thầu (hoặc từng thành viên liên danh) đang thực hiện hoặc sẽ được thực hiện; (ii) yêu cầu về nguồn lực tài chính đối với hợp đồng đang xét theo xác định của Chủ đầu tư. Ngoài ra, nhà thầu cũng phải cung cấp thông tin về bất kỳ nghĩa vụ tài chính nào khác có thể ảnh hưởng đáng kể đến việc thực hiện hợp đồng đang xét nếu nhà thầu được trao hợp đồng.

(2) Thời hạn còn lại của hợp đồng tính tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu.

(3) Giá trị hợp đồng còn lại chưa được thanh toán tính tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ<sup>(1)</sup>

Hợp đồng tương tự		
Hợp đồng số _____ ngày _____	Thông tin hợp đồng:	
Ngày trao hợp đồng: _____	Ngày hoàn thành: _____	
Tổng Giá hợp đồng	_____	
Nếu là thành viên trong liên danh hoặc nhà thầu phụ, nêu rõ khoản tiền thành viên đó tham gia trong tổng Giá hợp đồng	Tỷ lệ trên tổng Giá hợp đồng	Số tiền: _____
Tên Chủ đầu tư: Địa chỉ: Điện thoại/Số Fax: E-mail:		
Mô tả đặc điểm tương tự tại tiêu chí đánh giá 4 Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực tài chính và kinh nghiệm.		
Mô tả yêu cầu về tính chất tương tự <sup>(2)</sup>	Đặc điểm tương tự của hợp đồng mà nhà thầu đã hoàn thành <sup>(3)</sup>	

Ghi chú:

(1) Đính kèm là bản chụp hợp đồng, và các tài liệu hợp pháp chứng minh cho các thông tin được kê khai trong biểu mẫu này (như quyết định phê duyệt dự án, thiết kế và xác định giá trị thanh-quyết toán, biên bản nghiệm thu (hoàn thành bàn giao công trình đưa vào sử dụng); ...); Đối với hợp đồng nhà thầu đã hoàn thành: Văn bản hợp đồng và biên bản nghiệm thu, thanh lý hợp đồng; Đối với hợp đồng hoàn thành tối thiểu 80% khối lượng theo hợp đồng: văn bản hợp đồng; văn bản xác nhận của chủ đầu tư.

(2) Xem mô tả trong Phần thứ hai - Yêu cầu về gói thầu.

(3) Nhà thầu cần ghi các đặc điểm tương tự của hợp đồng để chứng minh sự đáp ứng về hợp đồng tương tự.

**BẢNG ĐỀ XUẤT NHÂN SỰ CHỦ CHỐT**

Đối với từng vị trí công việc quy định tại Mẫu này thì nhà thầu phải kê khai các thông tin chi tiết theo Mẫu số 15 và Mẫu số 16.

Nhà thầu phải kê khai những nhân sự chủ chốt có năng lực phù hợp đáp ứng các yêu cầu quy định và có thể sẵn sàng huy động cho gói thầu; không được kê khai những nhân sự đã huy động cho gói thầu khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này. Trường hợp kê khai không trung thực thì nhà thầu sẽ bị đánh giá là gian lận.

Nhà thầu phải chuẩn bị sẵn sàng các tài liệu gốc (hợp đồng lao động giữa nhà thầu với nhân sự chủ chốt, sổ BHXH của nhân sự chủ chốt, hợp đồng với Công ty cung cấp lao động (trong trường hợp nhà thầu sử dụng nhân sự chủ chốt của Công ty cung cấp lao động)...) để phục vụ việc chứng minh khả năng huy động nhân sự chủ chốt của nhà thầu khi có yêu cầu của Bên mời thầu.

1	Vị trí công việc: <i>[ghi cụ thể vị trí công việc đảm nhận trong gói thầu]</i>
	Tên: <i>[ghi tên nhân sự chủ chốt]</i>
2	Vị trí công việc: <i>[ghi cụ thể vị trí công việc đảm nhận trong gói thầu]</i>
	Tên: <i>[ghi tên nhân sự chủ chốt]</i>
3	Vị trí công việc:
	Tên:
...	Vị trí công việc:
	Tên:

**BẢN LÝ LỊCH CHUYÊN MÔN CỦA NHÂN SỰ CHỦ CHỐT**

Nhà thầu phải cung cấp tất cả các thông tin được yêu cầu dưới đây và phải gửi kèm theo bản chụp được chứng thực các văn bản, chứng chỉ có liên quan.

Vị trí		
Thông tin nhân sự	Tên	Ngày, tháng, năm sinh:
	Trình độ chuyên môn	
Công việc hiện tại	Tên của người sử dụng lao động	
	Địa chỉ của người sử dụng lao động	
	Điện thoại	Người liên lạc (trưởng phòng / cán bộ phụ trách nhân sự)
	Fax	E-mail
	Chức danh	Số năm làm việc cho người sử dụng lao động hiện tại

**BẢN KINH NGHIỆM CHUYÊN MÔN**

Tóm tắt kinh nghiệm chuyên môn theo trình tự thời gian từ hiện tại trở về trước. Nêu rõ các kinh nghiệm chuyên môn và kinh nghiệm quản lý cụ thể liên quan đến gói thầu.

Từ	Đến	Công ty / Dự án / Chức vụ / Kinh nghiệm chuyên môn và quản lý có liên quan

## BẢNG KÊ KHAI THIẾT BỊ

Nhà thầu chỉ được kê khai những thiết bị thi công chủ yếu đáp ứng yêu cầu đối với các thiết bị chính như đã nêu trong danh sách theo yêu cầu quy định, mà có thể sẵn sàng huy động cho gói thầu; không được kê khai những thiết bị đã huy động cho gói thầu khác có thời gian huy động trùng với thời gian thực hiện gói thầu này. Trường hợp kê khai không trung thực thì nhà thầu sẽ bị đánh giá là gian lận.

Thiết bị thi công phải thuộc sở hữu của nhà thầu hoặc có thể đi thuê nhưng nhà thầu phải chứng minh khả năng huy động để đáp ứng yêu cầu của gói thầu. Trường hợp đi thuê thì phải có hợp đồng thuê thiết bị và tài liệu chứng minh thiết bị thuộc sở hữu của bên cho thuê. Nhà thầu phải kê khai theo mẫu dưới đây đối với mỗi loại thiết bị:

Loại thiết bị		
Thông tin thiết bị	Tên nhà sản xuất	Đời máy (model)
	Công suất	Năm sản xuất
	Tính năng	Xuất xứ
Hiện trạng	Địa điểm hiện tại của thiết bị	
	Thông tin về tình hình huy động, sử dụng thiết bị hiện tại	
Nguồn	Nêu rõ nguồn thiết bị <input type="checkbox"/> Sở hữu của nhà thầu <input type="checkbox"/> Đi thuê <input type="checkbox"/> Cho thuê <input type="checkbox"/> Chế tạo đặc biệt	

Đối với các thiết bị không thuộc sở hữu của mình thì nhà thầu phải kê khai thêm các thông tin dưới đây:

Chủ sở hữu	Tên chủ sở hữu	
	Địa chỉ chủ sở hữu	
	Số điện thoại	Tên và chức danh
	Số fax	Telex
Thỏa thuận	Thông tin chi tiết về thỏa thuận thuê/cho thuê/chế tạo thiết bị cụ thể cho dự án	

**BẢNG LIỆT KÊ VÀ TUYÊN BỐ HÀNG HÓA CHÀO THẦU ĐÁP ỨNG YÊU CẦU  
CỦA HSMT**

*Nhà thầu cần liệt kê và kê khai hàng hóa chào thầu (vật tư chủ yếu đưa vào xây lắp)  
theo mẫu này.*

Stt	Danh mục vật tư	Yêu cầu kỹ thuật của hồ sơ mời thầu	Ký mã hiệu nhãn mác vật tư dự thầu	Hãng sản xuất/ Xuất xứ vật tư dự thầu	Tính năng, thông số kỹ thuật, vật tư dự thầu	So sánh Khả năng đáp ứng	Thông tin tham chiếu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)

Ghi chú:

Cột (2): Ghi tên đầy đủ các vật tư chủ yếu được nêu trong HSMT.

Cột (3): Ghi các nội dung về yêu cầu tính năng, thông số kỹ thuật của vật tư nêu trong yêu cầu HSMT.

Cột (4): Ghi các nội dung về ký mã hiệu của vật tư dự thầu (theo yêu cầu của HSMT) theo đúng tài liệu kỹ thuật hoặc catalogue hoặc tài liệu khác của thiết bị, vật tư đó.

Cột (6): Ghi các nội dung về tính năng thông số kỹ thuật, tính năng của vật tư dự thầu dựa trên tài liệu kỹ thuật hoặc catalogue hoặc tài liệu khác của vật tư đó.

Cột (7): Nhà thầu tự đánh giá, so sánh về khả năng đáp ứng của vật tư dự thầu và ghi rõ: **Đáp ứng hay không đáp ứng hoặc vượt trội.**

Cột (8): Ghi thông tin tham chiếu theo số trang của HSMT hoặc tài liệu kỹ thuật hoặc catalogue hoặc tài liệu khác của vật tư đó.

- Trường hợp nhà thầu kê khai thiếu hoặc không rõ nội dung, thông tin, bên mời thầu có quyền yêu cầu nhà thầu bổ sung, làm rõ nếu cần thiết.

**Đại diện hợp pháp của nhà thầu**

*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

PHẠM VI CÔNG VIỆC SỬ DỤNG NHÀ THẦU PHỤ<sup>(1)</sup>

STT	Tên nhà thầu phụ <sup>(2)</sup>	Phạm vi công việc <sup>(3)</sup>	Khối lượng công việc <sup>(4)</sup>	Giá trị % ước tính <sup>(5)</sup>	Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với nhà thầu phụ <sup>(6)</sup>
1					
2					
3					
...					

Ghi chú:

- (1) Trường hợp sử dụng nhà thầu phụ thì kê khai theo Mẫu này.
- (2) Nhà thầu ghi cụ thể tên nhà thầu phụ. Trường hợp khi tham dự thầu chưa xác định được cụ thể danh tính của nhà thầu phụ thì không phải kê khai vào cột này mà chỉ kê khai vào cột “Phạm vi công việc”. Sau đó, nếu được lựa chọn thì khi huy động thầu phụ thực hiện công việc đã kê khai phải được sự chấp thuận của Chủ đầu tư.
- (3) Nhà thầu ghi cụ thể tên hạng mục công việc dành cho nhà thầu phụ.
- (4) Nhà thầu ghi cụ thể khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ.
- (5) Nhà thầu ghi cụ thể giá trị % công việc mà nhà thầu phụ đảm nhận so với giá dự thầu.
- (6) Nhà thầu ghi cụ thể số hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận, nhà thầu phải nộp kèm theo bản gốc hoặc bản chụp được chứng thực các tài liệu đó.



## II. BIỂU MẪU DỰ THẦU THUỘC HỒ SƠ ĐỀ XUẤT VỀ TÀI CHÍNH

Mẫu số 19 (a)

ĐƠN DỰ THẦU<sup>(1)</sup>

(thuộc HSDXTC)

(áp dụng trong trường hợp nhà thầu không có đề xuất giảm giá hoặc có đề xuất giảm giá trong thư giảm giá riêng)

Ngày: [ghi ngày tháng năm ký đơn dự thầu]

Tên gói thầu: [ghi tên gói thầu theo quy định]

Tên dự án: [ghi tên dự án theo quy định]

Kính gửi: [ghi đầy đủ và chính xác tên của Bên mời thầu]

Sau khi nghiên cứu hồ sơ mời thầu và văn bản sửa đổi hồ sơ mời thầu số \_\_\_\_ [ghi số của văn bản sửa đổi (nếu có)] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, \_\_\_\_ [ghi tên nhà thầu], cam kết thực hiện gói thầu \_\_\_\_ [ghi tên gói thầu] theo đúng yêu cầu của hồ sơ mời thầu. Cùng với Hồ sơ đề xuất về kỹ thuật, chúng tôi xin gửi kèm đơn này đề xuất về tài chính với tổng số tiền là \_\_\_\_ [ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền dự thầu]<sup>(2)</sup>

Hồ sơ đề xuất về tài chính này có hiệu lực trong thời gian \_\_\_\_<sup>(3)</sup> ngày, kể từ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_<sup>(4)</sup>

**Đại diện hợp pháp của nhà thầu<sup>(5)</sup>**  
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu<sup>(6)</sup>]

Ghi chú:

(1) Nhà thầu lưu ý, đơn dự thầu phải được ghi đầy đủ và chính xác các thông tin về tên của Bên mời thầu, nhà thầu, thời gian có hiệu lực của hồ sơ đề xuất về tài chính, được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu.

(2) Giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với tổng giá dự thầu ghi trong Bảng tổng hợp giá dự thầu, không đề xuất các giá dự thầu khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu. Trường hợp trong HSMT cho phép chào theo một số đồng tiền khác nhau thì nhà thầu cần ghi rõ giá trị bằng số và bằng chữ của từng đồng tiền do nhà thầu chào.

(3) Ghi số ngày có hiệu lực theo quy định. Thời gian có hiệu lực của HSDXTC được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực theo quy định trong HSMT. Từ thời điểm đóng thầu đến hết 24 giờ của ngày đóng thầu được tính là 1 ngày.

(4) Ghi ngày đóng thầu theo quy định.

(5) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới ký đơn dự thầu thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02; trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn dự thầu thì phải gửi kèm theo các văn bản này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02). Trường hợp nhà thầu là liên danh thì phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký, trừ trường hợp trong văn bản thỏa thuận liên danh theo Mẫu số 03 có quy định các thành viên trong liên danh thỏa thuận cho thành viên đứng đầu liên danh ký đơn dự thầu. Trường hợp từng thành viên liên danh có ủy quyền thì thực hiện như đối với nhà thầu độc lập. Nếu nhà thầu trúng thầu, trước khi ký kết hợp đồng, nhà thầu phải trình Chủ đầu tư bản chụp được chứng thực

các văn bản này. Trường hợp phát hiện thông tin kê khai ban đầu là không chính xác thì nhà thầu bị coi là vi phạm.

**ĐƠN DỰ THẦU<sup>(1)</sup>**

(thuộc HSDXTC)

*(áp dụng trong trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá trong đơn dự thầu)*

Ngày: [ghi ngày tháng năm ký đơn dự thầu]

Tên gói thầu: [ghi tên gói thầu theo quy định]

Tên dự án: [ghi tên dự án theo quy định]

Kính gửi: [ghi đầy đủ và chính xác tên của Bên mời thầu]

Sau khi nghiên cứu hồ sơ mời thầu và văn bản sửa đổi hồ sơ mời thầu số \_\_\_\_ [ghi số của văn bản sửa đổi (nếu có)] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, \_\_\_\_ [ghi tên nhà thầu], cam kết thực hiện gói thầu \_\_\_\_ [ghi tên gói thầu] theo đúng yêu cầu của hồ sơ mời thầu. Cùng với Hồ sơ đề xuất về kỹ thuật, chúng tôi xin gửi kèm đơn này đề xuất về tài chính với tổng số tiền là \_\_\_\_ [ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền dự thầu]<sup>(2)</sup> cùng với bảng giá kèm theo.

Ngoài ra, chúng tôi tự nguyện giảm giá dự thầu với số tiền giảm giá là \_\_\_\_ [ghi giá trị giảm giá bằng số, bằng chữ và đồng tiền]<sup>(3)</sup>.

Giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá là: \_\_\_\_ [ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền].

Hồ sơ đề xuất về tài chính này có hiệu lực trong thời gian \_\_\_\_<sup>(4)</sup> ngày, kể từ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_<sup>(5)</sup>.

**Đại diện hợp pháp của nhà thầu<sup>(6)</sup>**  
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu<sup>(7)</sup>]

Ghi chú:

(1) Nhà thầu lưu ý, đơn dự thầu phải được ghi đầy đủ và chính xác các thông tin về tên của Bên mời thầu, nhà thầu, thời gian có hiệu lực của hồ sơ đề xuất về tài chính, được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu.

(2) Giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với tổng giá dự thầu ghi trong Bảng tổng hợp giá dự thầu, không đề xuất các giá dự thầu khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu. Trường hợp trong HSMT cho phép chào theo một số đồng tiền khác nhau thì nhà thầu cần ghi rõ giá trị bằng số và bằng chữ của từng đồng tiền do nhà thầu chào.

(3) Ghi rõ giảm giá cho toàn bộ gói thầu hay giảm giá cho một hoặc nhiều công việc, hạng mục nào đó (nêu rõ công việc, hạng mục được giảm giá).

(4) Ghi số ngày có hiệu lực theo quy định. Thời gian có hiệu lực của HSDXTC được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực theo quy định trong HSMT. Từ thời điểm đóng thầu đến hết 24 giờ của ngày đóng thầu được tính là 01 ngày.

(5) Ghi ngày đóng thầu theo quy định.

(6) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới ký đơn dự thầu thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02; trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn dự thầu thì phải gửi kèm theo các văn bản này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02). Trường hợp nhà thầu là liên danh thì phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký, trừ trường hợp trong văn bản thỏa thuận liên danh theo Mẫu số 03 có quy định các thành viên trong liên danh thỏa thuận cho thành viên đứng

đầu liên danh ký đơn dự thầu. Trường hợp từng thành viên liên danh có ủy quyền thì thực hiện như đối với nhà thầu độc lập. Nếu nhà thầu trúng thầu, trước khi ký kết hợp đồng, nhà thầu phải trình Chủ đầu tư bản chụp được chứng thực các văn bản này. Trường hợp phát hiện thông tin kê khai ban đầu là không chính xác thì nhà thầu bị coi là vi phạm.

## BẢNG TỔNG HỢP GIÁ DỰ THẦU

Bên mời thầu sẽ đưa ra danh sách các hạng mục công việc của gói thầu trong cột “Mô tả công việc mời thầu” tại Bảng tổng hợp giá dự thầu và các công việc cụ thể của từng hạng mục tương ứng cùng với đơn vị tính, khối lượng mời thầu trong các Bảng chi tiết giá dự thầu (Mẫu số 21(a), Mẫu số 21(b), Mẫu số 21(c)) phù hợp với mô tả công việc và các yêu cầu quy định tại Yêu cầu về gói thầu để nhà thầu làm cơ sở chào giá dự thầu.

Mỗi hạng mục sẽ được mô tả chi tiết để hướng dẫn rõ ràng cho nhà thầu, bao gồm: loại công việc, phạm vi công việc, mức độ phức tạp, tiêu chuẩn yêu cầu. Khi tham dự thầu, nhà thầu phải chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có). Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí thì HSĐT của nhà thầu sẽ bị loại.

Hạng mục số	Mô tả công việc mời thầu <sup>(1)</sup>	Yêu cầu kỹ thuật/Chỉ dẫn kỹ thuật <sup>(2)</sup>	Trang số	Số tiền <sup>(3)</sup>
<b>I</b>	<b>Các hạng mục (A1+A2)</b>			<b>A</b>
<b>I.1</b>	<b>Các hạng mục xây dựng</b>			<b>A1</b>
1	Hạng mục chung (Bảng số 1) (Công việc cụ thể của hạng mục này quy định tại Bảng số 01_Mẫu 21a)			
2	Hạng mục 1: Bảng số 2: Các hạng mục xây lắp, lắp đặt_Mẫu 21b) (Công việc cụ thể của hạng mục này quy định tại Bảng tiên lượng mời thầu số 01)			
2.1	HMI-1. .... Phần ...			
	....			
3	Hạng mục 2: ....			
...	...			
<b>I.2</b>	<b>Các hạng mục dịch vụ liên quan</b>			<b>A2</b>
1	Các dịch vụ			

<sup>1</sup>Tên theo tên Bảng tiên lượng mời thầu (trình bày theo thứ tự trong tiên lượng mời thầu).

<sup>2</sup> Xem chi tiết trong HSMT

<sup>3</sup> Nhà thầu ghi số tiền được kết chuyển từ Bảng chi tiết giá dự thầu của từng hạng mục công việc tương ứng trong cột “Mô tả công việc mời thầu”.

Nhà thầu phải tính toán và phân bổ các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có) của gói thầu vào trong giá dự thầu.

Chi phí dự phòng (B) sẽ không được xem xét, đánh giá để so sánh, xếp hạng nhà thầu.

Giá trúng thầu và giá hợp đồng phải bao gồm chi phí dự phòng (B).

Hạng mục số	Mô tả công việc mời thầu <sup>(1)</sup>	Yêu cầu kỹ thuật/Chỉ dẫn kỹ thuật <sup>(2)</sup>	Trang số	Số tiền <sup>(3)</sup>
	<i>Bảng số 3: Bảng giá dự thầu cho các dịch vụ liên quan Mẫu 21c)</i>			
<b>II</b>	<b>Chi phí dự phòng</b>			<b>B</b>
1	Chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh <sup>(4)</sup> : $B = 5\% \times A$		5%	B
	<b>Giá dự thầu (A + B) <sup>(2)</sup></b> <i>(Kết chuyển sang đơn dự thầu thuộc hồ sơ đề xuất về tài chính, trang số ....)</i>			

**Đại diện hợp pháp của nhà thầu**  
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

<sup>4</sup> Tỷ lệ dự phòng cho khối lượng phát sinh khi tham dự thầu, nhà thầu phải chào chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh với giá trị bằng tỷ lệ phần trăm (%) quy định trong hồ sơ mời thầu nhân với Chi phí của các hạng mục do nhà thầu chào (A)

<sup>2</sup> Giá dự thầu hỗn hợp căn cứ theo bảng tiên lượng của HSMT.

**BẢNG CHI TIẾT GIÁ DỰ THẦU  
BẢNG SỐ 01: HẠNG MỤC CHUNG**

Công việc số	Mô tả công việc mời thầu <sup>(1)</sup>	Đơn vị tính <sup>(2)</sup>	Khối lượng mời thầu <sup>(3)</sup>	Đơn giá dự thầu <sup>(4)</sup>	Thành tiền <sup>(5)</sup>
1	Bảo lãnh thực hiện hợp đồng	Khoản	1		
2	Bảo hiểm Công trình đối với phần thuộc trách nhiệm của nhà thầu	Khoản	1		
3	Bảo hiểm trách nhiệm bên thứ ba	Khoản	1		
4	Chi phí bảo trì Công trình	Tháng	12		
5	Chi phí dọn dẹp công trường khi hoàn thành	Khoản	1		
...	.....				
<b>Tổng cộng bảng số 01</b>					
(Kết chuyển sang cột “số tiền” của hạng mục tương ứng trong Bảng tổng hợp giá dự thầu, trang số ....)					

**Đại diện hợp pháp của nhà thầu**

*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

(1), (2), (3) Bên mời thầu ghi các công việc cụ thể của từng hạng mục tương ứng trong Bảng tổng hợp giá dự thầu cùng với đơn vị tính và khối lượng mời thầu trên cơ sở phù hợp với mô tả công việc, bản vẽ và chi tiết kỹ thuật để nhà thầu làm cơ sở chào giá dự thầu cho từng hạng mục. Mỗi công việc sẽ được mô tả chi tiết để hướng dẫn rõ ràng cho nhà thầu, bao gồm: loại công việc, phạm vi công việc, mức độ phức tạp, tiêu chuẩn yêu cầu.

(4), (5) Nhà thầu ghi đơn giá dự thầu, thành tiền cho từng công việc tương ứng trong cột “Mô tả công việc mời thầu”. Nhà thầu phải ghi giá thành tiền cho các hạng mục công việc. Tổng giá của tất cả các công việc thuộc hạng mục sẽ là giá dự thầu cho hạng mục đó.

**BẢNG SỐ 02: CÁC HẠNG MỤC XÂY LẬP**

*(Xem Phụ lục bảng tiên lượng mời thầu số 01)*

Công việc số	Mô tả công việc mời thầu <sup>(1)</sup>	Đơn vị tính <sup>(2)</sup>	Khối lượng mời thầu <sup>(3)</sup>	Đơn giá dự thầu <sup>(4)</sup>	Thành tiền <sup>(5)</sup>
<b>I</b>	<b>Hạng mục số 1.Hạng mục chính</b>				
<i>I.1</i>	<i>Bảng khối lượng số 01. Hạng mục khối nhà – Phần sơn</i>				
1	....				
2					
<i>I.2</i>	....				
1	....				
<b>II</b>					
1					
2					
....					
<b>Tổng cộng bảng số 02 (từ hạng mục số 1 đến hạng mục số ....)</b> <i>(Kết chuyển sang cột “số tiền” của hạng mục tương ứng trong Bảng tổng hợp giá dự thầu, trang số ....)</i>					

**Đại diện hợp pháp của nhà thầu**  
*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

(1), (2), (3) Mỗi công việc được mô tả chi tiết trong chỉ dẫn kỹ thuật, hồ sơ thiết kế và bảng tiên lượng mời thầu (bao gồm: loại công việc, phạm vi công việc, mức độ phức tạp, tiêu chuẩn yêu cầu, đơn vị tính và khối lượng).

(4), (5) Nhà thầu ghi đơn giá dự thầu, thành tiền cho từng công việc tương ứng trong cột “Mô tả công việc mời thầu”. Nhà thầu phải ghi giá thành tiền cho từng công việc cụ thể. Tổng giá của tất cả các công việc thuộc hạng mục sẽ là giá dự thầu cho hạng mục đó.



**BẢNG SỐ 3: BẢNG GIÁ DỰ THẦU CHO CÁC DỊCH VỤ LIÊN QUAN**

1	2	3	4	5	6	7	8
STT	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ	Đơn giá dự thầu	Thành tiền (Cột 3x7)
1	Bảo trì, bảo dưỡng trong thời gian bảo hành	01	Toàn bộ	Tại công trình	Kể từ ngày bàn giao đưa vào sử dụng		
2	Bảo hành theo các điều kiện tối thiểu trong HSMT	01	Toàn bộ	Tại công trình	Kể từ ngày bàn giao đưa vào sử dụng		
3	Hoàn trả mặt bằng sau khi thi công	01	Toàn bộ	Tại công trình	Trước ngày bàn giao đưa vào sử dụng		
4	Các dịch vụ khác có liên quan để thực hiện nghĩa vụ của nhà thầu cho đến khi hoàn thành hợp đồng và hệ thống được bàn giao đưa vào sử dụng	01	Toàn bộ		Trong quá trình thực hiện gói thầu		
....	.....	....	...		.....		
<b>Tổng giá dự thầu cho các dịch vụ liên quan đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)</b> <i>(Kết chuyển sang bảng tổng hợp giá dự thầu)</i>							<b>(I)</b>

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

Các cột (1), (2), (3), (4), (5) và (6) Bên mời thầu ghi phù hợp với Biểu dịch vụ liên quan theo quy định.

Các cột (7) và cột (8) do nhà thầu chào.

**B. BẢNG TIÊN LƯỢNG MỜI THẦU  
CÁC HẠNG MỤC XÂY LẬP <sup>(1)</sup>**

STT	Mô tả nội dung công việc	Đơn vị tính	Khối lượng
A <sup>(2)</sup>	Sơn mặt ngoài tòa nhà	Trọn khoản	36.260,550
I	Tháp A		
1	Vệ sinh bề mặt tường ngoài nhà trước khi sơn	M2	12.994
2	Xử lý các vết nứt rạn, chống thấm tường ngoài nhà	Trọn khoản	1
3	Sơn tường ngoài nhà không bả bằng sơn, 1 nước lót chống kiềm và 2 nước màu (Mã lót & màu theo y/cầu của Chủ đầu tư)	M2	12.994,122
II	Tháp B		
1	Vệ sinh bề mặt tường ngoài nhà trước khi sơn	M2	23.266,428
2	Xử lý các vết nứt rạn, chống thấm tường ngoài nhà	Trọn khoản	1
3	Sơn tường ngoài nhà không bả bằng sơn, 1 nước lót chống kiềm và 2 nước màu (Mã lót & màu theo y/cầu của Chủ đầu tư)	M2	23.266,428
B <sup>(2)</sup>	Sửa chữa vách kính ngoài nhà	Trọn khoản	20.343,42
I	Tháp A		
1	Bóc lớp keo cũ, vệ sinh bề mặt, bơm keo mới khung nhôm cửa kính mặt ngoài tòa nhà	MD	7.946,800
II	Tháp B		
1	Bóc lớp keo cũ, vệ sinh bề mặt, bơm keo mới khung nhôm cửa kính mặt ngoài tòa nhà	MD	12.396,620
C <sup>(2)</sup>	Sửa chữa Ban công căn hộ	Cái	456
1	Đục tẩy, trám vá, hoàn thiện lại các đầu ban công các căn hộ bị sứt vỡ (KL tính cho 1 căn hộ, KL thực tế sẽ được xác nhận trong quá trình thi công)	Cái	456

<sup>1</sup> Ghi chú:

- Các tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu được đề ghi trong Chỉ dẫn kỹ thuật và Quy định của HSMT nếu có sự khác nhau thì sử dụng tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu nào ban hành mới hơn;

- Khối lượng trong HSMT chỉ là tham khảo, Trường hợp nhà thầu phát hiện khối lượng của các hạng mục công việc nêu trong cột "Mô tả công việc mời thầu" chưa chính xác so với thiết kế, nhà thầu có thể thông báo cho Bên mời thầu và lập một bảng chào giá riêng cho phần khối lượng sai khác này để Bên mời thầu xem xét. Nhà thầu không được tính toán phần khối lượng sai khác này vào giá dự thầu theo qui định của HSMT.

<sup>2</sup> Ghi chú:

- Giá dự thầu hạng mục A; B sẽ được ấn định và không thay đổi cho dù có bất kỳ sự thay đổi nào giữa khối lượng thực tế công việc và khối lượng đưa ra trong bảng tiên lượng vì Bảng tiên lượng được ước tính theo công việc yêu cầu tại thời điểm mời thầu của HSMT.

- Giá dự thầu mục C sẽ được cố định về đơn giá, sẽ thay đổi theo khối lượng thực tế.

## C. BẢNG TIÊU CHUẨN NĂNG LỰC KỸ THUẬT

### 1. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực kỹ thuật<sup>(3)</sup>:

a) Nhân sự chủ chốt:

Nhà thầu phải chứng minh rằng mình có đầy đủ nhân sự cho các vị trí chủ chốt đáp ứng những yêu cầu sau đây:

TT	Vị trí công việc	Tổng số năm kinh nghiệm (tối thiểu __ năm)	Kinh nghiệm trong các công việc tương tự
1	<p><b>Chỉ huy trưởng công trường</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Số lượng: 01 người;</li> <li>- Trình độ Đại học trở lên ngành xây dựng công trình dân dụng</li> <li>- Có đủ điều kiện đối với chỉ huy trưởng tối thiểu hạng II trở lên theo quy định của pháp luật về xây dựng.</li> </ul> <p><b>Tài liệu chứng minh bao gồm:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản chụp được công chứng hoặc chứng thực bằng tốt nghiệp đại học, chứng chỉ hành nghề tư vấn giám sát ...</li> <li>- Bản kê khai năng lực, kinh nghiệm theo mẫu của HSMT;</li> </ul>	07	Có kinh nghiệm làm chỉ huy trưởng công trường tối thiểu 01 công trình dân dụng cấp II
2	<p><b>Cán bộ phụ trách thi công hoàn thiện</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Số lượng: <math>\geq 02</math> người</li> <li>- Trình độ Đại học trở lên ngành xây dựng công trình dân dụng hoặc kỹ thuật xây dựng</li> </ul> <p><b>Tài liệu chứng minh bao gồm:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản chụp được công chứng hoặc chứng thực bằng tốt nghiệp đại học ...</li> <li>- Bản kê khai năng lực, kinh nghiệm theo mẫu của HSMT;</li> </ul>	05	Có kinh nghiệm làm cán bộ kỹ thuật thi công phần hoàn thiện tối thiểu 01 công trình dân dụng cấp II
3	<p><b>Cán bộ kỹ thuật phụ trách an toàn lao động</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Số lượng: <math>\geq 01</math> người</li> <li>- Trình độ Đại học trở lên</li> <li>- Có giấy chứng nhận được huấn luyện an toàn còn hiệu lực</li> </ul> <p><b>Tài liệu chứng minh bao gồm:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản chụp được công chứng hoặc chứng thực bằng tốt nghiệp đại học, chứng chỉ theo yêu cầu ...</li> <li>- Bản kê khai năng lực, kinh nghiệm theo mẫu của HSMT;</li> </ul>	05	Có kinh nghiệm làm cán bộ kỹ thuật phụ trách ATLĐ trong thi công tối thiểu 01 công trình dân dụng cấp II
4	<p><b>Cán bộ kỹ thuật phụ trách thanh quyết toán</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Số lượng: <math>\geq 01</math> người</li> </ul>	05	Có kinh nghiệm làm cán bộ phụ trách thanh quyết toán tối

<sup>3</sup>Trường hợp nhà thầu tham dự thầu là công ty mẹ (ví dụ như Tổng công ty) thì nhà thầu phải kê khai cụ thể phần công việc dành cho các công ty con theo Mẫu số 07 – Biểu mẫu dự thầu. Việc đánh giá kinh nghiệm, năng lực của nhà thầu căn cứ vào giá trị khối lượng do công ty mẹ, công ty con đảm nhiệm trong gói thầu

TT	Vị trí công việc	Tổng số năm kinh nghiệm (tối thiểu __ năm)	Kinh nghiệm trong các công việc tương tự
	- Trình độ Đại học trở lên ngành kinh tế xây dựng <b>Tài liệu chứng minh bao gồm:</b> - Bản chụp được công chứng hoặc chứng thực bằng tốt nghiệp đại học... - Bản kê khai năng lực, kinh nghiệm theo mẫu của HSMT;		thiếu 01 công trình dân dụng cấp II

- Nhà thầu phải cung cấp thông tin chi tiết về các nhân sự chủ chốt có số thứ tự từ 1 đến 5 được đề xuất và bản kê khai kinh nghiệm của nhân sự theo các Mẫu số 14, 15 và 16 - Biểu mẫu dự thầu. Kèm theo tài liệu chứng minh.

- Đối với trường hợp nhà thầu liên danh, việc đánh giá tiêu chuẩn về năng lực kỹ thuật được căn cứ vào năng lực tổng cộng của các thành viên liên danh.

- Nhân sự chủ chốt có thể sẵn sàng huy động cho gói thầu; không được kê khai những nhân sự chủ chốt đã huy động cho gói thầu khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này. Trường hợp kê khai không trung thực thì nhà thầu sẽ bị đánh giá là gian lận.

- Nhà thầu phải chuẩn bị sẵn sàng các tài liệu gốc (hợp đồng lao động giữa nhà thầu với nhân sự chủ chốt, hợp đồng với Công ty cung cấp lao động (trong trường hợp nhà thầu sử dụng nhân sự chủ chốt của Công ty cung cấp lao động)...) để phục vụ việc chứng minh khả năng huy động nhân sự chủ chốt của nhà thầu khi có yêu cầu của Bên mời thầu.

b) Thiết bị thi công chủ yếu dự kiến huy động để thực hiện gói thầu<sup>(4)</sup>: Nhà thầu phải chứng minh khả năng huy động thiết bị thi công chủ yếu để thực hiện gói thầu theo yêu cầu sau đây:

Stt	Loại thiết bị và đặc điểm thiết bị	Số lượng tối thiểu (cái/chiếc)	Tài liệu chứng minh kèm theo HSDT
1	Loại thiết bị: Máy toàn đạc Đặc điểm thiết bị: Hoạt động tốt	01	Kiểm định còn hiệu lực; HĐ mua bán hoặc HĐ thuê
2	Loại thiết bị: Máy đục Đặc điểm thiết bị: Hoạt động tốt	02	Hóa đơn VAT mua máy; HĐ mua bán hoặc HĐ thuê
3	Loại thiết bị: Máy khuấy sơn Đặc điểm thiết bị: Hoạt động tốt	03	Hóa đơn VAT mua máy
4	Loại thiết bị: Máy khoan bê tông Đặc điểm thiết bị: Hoạt động tốt	02	Hóa đơn VAT mua máy
5	Loại thiết bị: Bộ giàn giáo Đặc điểm thiết bị: Hoạt động tốt	50 bộ	Hóa đơn VAT mua máy; HĐ mua bán hoặc HĐ thuê

#### **Ghi chú:**

<sup>4</sup> thiết bị thi công chủ yếu dự kiến huy động là những thiết bị còn trong tình trạng hoạt động tốt.

- Các máy móc, thiết bị của nhà thầu phải có bản sao công chứng: Hóa đơn mua bán, hợp đồng hoặc biên bản thanh lý hợp đồng để chứng minh quyền sở hữu của nhà thầu hoặc hợp đồng nguyên tắc cam kết cho thuê.

- Nhà thầu phải kê khai thông tin chi tiết về các thiết bị thi công chủ yếu dự kiến huy động để thực hiện gói thầu theo Mẫu số 17 - Biểu mẫu dự thầu.

- Năng lực thiết bị thi công của liên danh được tính bằng tổng năng lực thiết bị thi công của từng thành viên trong liên danh.

**D. BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TÀI CHÍNH VÀ KINH NGHIỆM**

TT	Mô tả	Yêu cầu	Các tiêu chí năng lực tài chính và kinh nghiệm				Các yêu cầu cần tuân thủ				Tài liệu cần nộp
			Nhà thầu độc lập	Tổng các thành viên liên danh	Nhà thầu liên danh	Tối thiểu một thành viên liên danh	Nhà thầu liên danh	Tổng các thành viên liên danh	Tùng thành viên liên danh	Tối thiểu một thành viên liên danh	
1	Lịch sử không hoàn thành hợp đồng	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có hợp đồng không hoàn thành <sup>(1)</sup> .	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng	Mẫu số 07
2	Kiện tụng đang giải quyết.	Trường hợp nhà thầu có kiện tụng đang giải quyết thì vụ kiện sẽ được coi là có kết quả giải quyết theo hướng bất lợi cho nhà thầu và các khoản chi phí liên quan đến các kiện tụng này không được vượt quá 50% giá trị tài sản ròng của nhà thầu. (Giá trị tài sản ròng = Tổng tài sản - Tổng nợ)	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng	Mẫu số 08
3			<b>Các yêu cầu về tài chính</b>								
3.1	Kết quả hoạt động tài chính	Nộp báo cáo tài chính năm 2022 để chứng minh tình hình tài chính lành mạnh của nhà thầu. + Giá trị tài sản ròng của nhà thầu trong 02 năm gần nhất phải dương. + Số năm nhà thầu hoạt động không bị thua lỗ tối thiểu năm 2022. + Hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn (tài sản ngắn hạn/tổng nợ ngắn hạn) > 1.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng	Mẫu số 09 kèm theo tài liệu chứng minh

Các tiêu chí năng lực tài chính và kinh nghiệm		Các yêu cầu cần tuân thủ				Tài liệu cần nộp
		Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh			
TT	Mô tả	Nhà thầu độc lập	Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	Tối thiểu một thành viên liên danh	
3.2	Doanh thu bình quân hàng năm từ hoạt động xây dựng và kinh doanh vật tư tối thiểu là 5 tỷ Việt Nam đồng, trong vòng 03 năm trở lại đây (2020; 2021; 2022). Doanh thu hàng năm được tính bằng tổng các khoản thanh toán cho hợp đồng cung cấp vật tư và xây lắp mà nhà thầu nhận được trong năm đó. Nhà thầu phải nộp tài liệu chứng minh về doanh thu như: Báo cáo tài chính gửi cơ quan thuế hoặc xác nhận thanh toán của Chủ đầu tư đối với những hợp đồng xây lắp, cung cấp vật tư đã thực hiện hoặc các tài liệu hợp pháp khác.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Không áp dụng	Mẫu số 10
3.3	Yêu cầu về nguồn lực tài chính	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Không áp dụng	Các Mẫu số 11, 12

Các tiêu chí năng lực tài chính và kinh nghiệm		Các yêu cầu cần tuân thủ				Tài liệu cần nộp
		Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh			
Mô tả	Yêu cầu		Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	Tối thiểu một thành viên liên danh	
TT						
4	Kinh nghiệm cụ thể trong quản lý và thực hiện hợp đồng	<p>hợp pháp của ngân hàng/tổ chức tài chính ký, phát hành. Trường hợp văn bản cam kết của ngân hàng/tổ chức tài chính không do đại diện hợp pháp của ngân hàng/tổ chức tài chính ký, phát hành thì phải kèm theo văn bản này tài liệu có liên quan bản sao hoặc bản chụp có công chứng/chứng thực giấy ủy quyền hoặc văn bản của Ngân hàng quy định về phân cấp ký và phát hành giấy cam kết này và bản chụp có công chứng/chứng thực quyết định bổ nhiệm chức danh của người được ủy quyền để chứng minh về thẩm quyền của người ký.</p> <p>Số lượng tối thiểu các hợp đồng tương tự mà nhà thầu đã hoàn thành (hoặc hoàn thành tối thiểu 80% khối lượng theo hợp đồng) với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh) hoặc nhà thầu phụ đến thời điểm đóng thầu đáp ứng các yêu cầu sau:</p> <p><b>(1) Về xây lắp:</b></p> <p>(i) Tối thiểu 03 hợp đồng tương tự (*)(**), Mỗi hợp đồng có giá trị <math>\geq 750</math> triệu đồng; tổng các hợp đồng có</p>	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu (tương ứng với phần công việc đảm nhận)	Không áp dụng



Các tiêu chí năng lực tài chính và kinh nghiệm		Các yêu cầu cần tuân thủ				Tài liệu cần nộp
		Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh			
TT	Mô tả	Yêu cầu	Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	Tối thiểu một thành viên liên danh	
		<p>giá trị <math>\geq 5</math> tỷ VND hoặc</p> <p>(ii) Trong các hợp đồng tương tự nêu trên phải có ít nhất (03) hợp đồng đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng.</p> <p>(*) Các hợp đồng có tính chất tương tự phải đảm bảo:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tính chất: hợp đồng bao gồm xây lắp, hoàn thiện và cung cấp vật tư.</li> <li>+ Công trình xây dựng dân dụng cấp III trở lên;</li> </ul> <p>(**) Trong các hợp đồng tương tự nêu trên phải có:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tối thiểu 02 hợp đồng cung cấp vật tư sơn và/hoặc hoàn thiện sơn ngoài tòa nhà <math>\geq 15</math> tầng;</li> </ul> <p>- Trong các phân việc cung cấp vật tư nêu trên, mỗi loại hợp đồng phải có ít nhất 02 hợp đồng đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng.</p> <p>- Trường hợp trong hợp đồng xây lắp do nhà thầu thực hiện có hạng mục hoàn thiện như trên thì phần hoàn thiện đó cũng được xem xét đánh giá tại tiêu chí về phân hoàn thiện.</p> <p>- Trường hợp các hợp đồng tương tự mà nhà thầu đã</p>				

Các tiêu chí năng lực tài chính và kinh nghiệm		Các yêu cầu cần tuân thủ				Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	Tối thiểu một thành viên liên danh
		<p>tham gia với tư cách là thành viên liên danh hoặc nhà thầu phụ<sup>(2)</sup> thì chỉ tính giá trị phần việc do nhà thầu thực hiện.</p> <p>- Trường hợp liên danh, năng lực và kinh nghiệm của liên danh được tính bằng tổng năng lực và kinh nghiệm của các thành viên trong liên danh đồng thời từng thành viên trong liên danh phải có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng phù hợp với công việc đảm nhận.</p>				
5	Các yêu cầu khác	Không áp dụng				

**Ghi chú:**

- Các tài liệu chứng minh năng lực kinh nghiệm của nhà thầu phải được công chứng hoặc chứng thực.

(1) Hợp đồng không hoàn thành bao gồm:

- Hợp đồng bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành và nhà thầu không phản đối;

- Hợp đồng bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành, không được nhà thầu chấp thuận nhưng đã được trọng tài hoặc tòa án kết luận theo hướng bất lợi cho nhà thầu.

Các hợp đồng không hoàn thành không bao gồm các hợp đồng mà quyết định của Chủ đầu tư đã bị bác bỏ bằng cơ chế giải quyết tranh chấp. Hợp đồng không hoàn thành phải dựa trên tất cả những thông tin về tranh chấp hoặc kiện tụng được giải quyết theo quy định của cơ chế giải quyết tranh chấp của hợp đồng tương ứng và khi mà nhà thầu đã hết tất cả các cơ hội có thể khiếu nại.

(2) Trường hợp hợp đồng tương tự mà nhà thầu ký với tư cách là nhà thầu phụ thì phải có biên bản nghiệm thu đưa vào sử dụng được ký giữa Chủ đầu tư với nhà thầu chính.

### E. BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ PHÂN KỸ THUẬT XÂY DỰNG:

Việc đánh giá HSDT về kỹ thuật theo phương pháp chấm điểm (sử dụng thang điểm 1.00), mức điểm yêu cầu tối thiểu là 80% tổng số điểm kỹ thuật (80/100). HSDT có tổng số điểm, cũng như số điểm của một số tiêu chuẩn đánh giá có quy định mức điểm tối thiểu đạt bằng hoặc vượt mức điểm yêu cầu tối thiểu sẽ được đánh giá là đạt yêu cầu về mặt kỹ thuật và được xem xét đánh giá về tài chính.

TT	Nội dung yêu cầu	Mức điểm tối đa	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
<b>A</b>	<b>GIẢI PHÁP KỸ THUẬT</b>	<b>20</b>	<b>16</b>
<b>I</b>	<b>Hiểu biết về dự án, công trình</b>	<b>5</b>	<b>4</b>
	Có khảo sát, tài liệu hiểu biết về công trình để chứng minh Nhà thầu đủ khả năng hiểu rõ tiêu chí thực hiện gói thầu (không có hoặc thiếu thông tin hoặc không đáp ứng yêu cầu của HSMT 0 điểm)	<b>3</b>	
	Có hiểu biết về quy trình, quy phạm và nghiệm thu công trình để chứng minh Nhà thầu đủ khả năng hiểu rõ tiêu chí thực hiện gói thầu (không có hoặc thiếu thông tin hoặc không đáp ứng yêu cầu của HSMT 0 điểm)	<b>2</b>	
<b>II</b>	<b>Mức độ đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của vật liệu xây dựng công trình so với yêu cầu của HSMT</b>	<b>5</b>	<b>4</b>
	Tên vật tư, vật liệu, nhà sản xuất/nhà cung cấp được ghi tại mẫu số 1 của HSMT). Mỗi loại thiếu thông tin hoặc không nêu bị trừ 2 điểm. Điểm tối thiểu ở mục này là 0 điểm	<b>3</b>	
	Có tài liệu kỹ thuật (catalog) đối với những vật liệu, vật tư được yêu cầu cung cấp của HSMT phù hợp với đề xuất của nhà thầu để chứng minh khả năng huy động và tính đáp ứng các yêu cầu của HSMT (mỗi loại không có hoặc thiếu thông tin hoặc không đáp ứng yêu cầu của HSMT trừ 2 điểm)	<b>2</b>	
<b>III</b>	<b>Tổ chức mặt bằng công trường: Chứng minh đáp ứng yêu cầu của HSMT</b>	<b>5</b>	<b>4</b>
	Tổng mặt bằng bố trí các công trình tạm, thiết bị thi công, kho bãi tập kết vật liệu, vật tư	<b>2</b>	
	Tổng mặt bằng bố trí công ra vào, rào chắn, biển báo	<b>2</b>	
	Tổng mặt bằng thể hiện giải pháp cấp điện, cấp nước, thoát nước, giao thông, liên lạc trong quá trình thi công	<b>1</b>	
<b>IV</b>	<b>Sơ đồ hệ thống tổ chức bộ máy quản lý trên công trường:</b>	<b>5</b>	<b>4</b>
	Sơ đồ hệ thống tổ chức của nhà thầu tại công trường: Chỉ huy trưởng, phụ trách kỹ thuật, chất lượng, vật tư ...	<b>2</b>	

TT	Nội dung yêu cầu	Mức điểm tối đa	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
	Nêu nhiệm vụ của chỉ huy trường; cán bộ phụ trách kỹ thuật, chất lượng; đội trưởng/tổ đội thi công	2	
	Có đề xuất sử dụng lao động địa phương nơi nơi có dự án	1	
<b>B</b>	<b>BIỆN PHÁP TỔ CHỨC THI CÔNG</b>	<b>30</b>	<b>24</b>
	Công tác khởi công công trình.	2	
	Giải pháp trắc đạc để thi công công trình.	2	
	Thi công cạo bỏ sơn cũ, xử lý các vết rạn nứt bề, chống thấm mặt tường ngoài nhà.	5	
	Thi công đục tẩy, trám vá, hoàn thiện lại các đầu ban công các căn hộ bị sứt vỡ.	8	
	Thi công sơn tường.	8	
	Thi công lắp dựng khung, cửa nhôm.	5	
<b>C</b>	<b>TIẾN ĐỘ THI CÔNG</b>	<b>10</b>	<b>8</b>
(*)	<b>Biểu đồ tiến độ thi công</b>		
	Có biểu đồ tiến độ bao gồm các công việc yêu cầu của HSMT được đánh giá khả thi, phù hợp và thời gian hoàn thành tối đa 75 ngày.	5	
	Không đáp ứng yêu cầu trên	0	
(*)	<b>Biểu đồ nhân lực</b>		
	Có biểu đồ nhân lực khả thi, phù hợp với biểu đồ tiến độ thi công	5	
	Không đáp ứng yêu cầu trên	0	
<b>D</b>	<b>BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG:</b>	<b>15</b>	<b>12</b>
	Có sơ đồ bố trí tổ chức giám sát, kiểm tra chất lượng các khâu thi công	4	
	Biện pháp đảm bảo chất lượng các quy trình Thi công hoàn thiện	4	
	Các quy trình kiểm tra chất lượng vật tư, vật liệu khi thi công	4	
	Có biện pháp bảo quản vật liệu, công trình khi tạm dừng thi công, khi mưa bão	3	
<b>E</b>	<b>VỆ SINH MÔI TRƯỜNG, PCCC, AN TOÀN LAO ĐỘNG</b>	<b>15</b>	<b>12</b>
(*)	Biện pháp giảm thiểu, bảo vệ môi trường:	6	
	Có biện pháp vệ sinh môi trường, PCCC trước, trong và sau khi hoàn thành công tác thi công	3	
	Biện pháp giảm thiểu: Tiếng ồn, rung, bụi, kiểm soát nước thải, rác thải	3	

TT	Nội dung yêu cầu	Mức điểm tối đa	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
(*)	Biện pháp an toàn lao động	9	
	Có giải pháp: Tổ chức đào tạo, an toàn giao thông ra vào công trường; an ninh công trường, an toàn trong quá trình thi công	3	
	Có giải pháp thi công cụ thể để không ảnh hưởng đến hoạt động của cư dân	3	
	Có bản vẽ mặt bằng, mặt đứng thi công ngoài nhà, bản vẽ chi tiết thang bộ trên giáo ngoài nhà, bản vẽ chi tiết sàn thao tác cầu vật tư...	3	
<b>F</b>	<b>MỨC ĐỘ ĐÁP ỨNG CÁC YÊU CẦU VỀ BẢO HÀNH BẢO TRÌ VÀ BẢO HIỂM</b>	<b>10</b>	<b>8</b>
(*)	Đề xuất giải pháp bảo hành, bảo trì công trình sau khi đưa vào sử dụng theo đúng các quy định hiện hành của nhà nước	3	
(*)	Nhà thầu phải cam kết có cán bộ kỹ thuật có mặt tại công trình trong vòng 48 giờ kể từ khi nhận được thông báo của đơn vị sử dụng về việc khắc phục sự cố trong quá trình bảo hành.	3	
	<i>Cam kết yêu cầu</i>	3	
	<i>Không cam kết hoặc nội dung cam kết không đáp ứng theo yêu cầu</i>	0	
(*)	+ Bản cam kết vật tư chính chào thầu đảm bảo mới 100%, sản xuất từ năm 2022 trở về sau, đầy đủ phụ kiện kèm theo, đảm bảo về an toàn, hợp chuẩn theo quy định của Việt Nam. + Bản Cam kết vật tư cung cấp là hàng chính hãng. + Bản Cam kết các vật tư trong thời gian bảo hành phải cùng chủng loại, xuất xứ, Hãng sản xuất với vật tư chào thầu.	4	
	<i>Cam kết đầy đủ các nội dung yêu cầu</i>	4	
	<i>Không cam kết hoặc nội dung cam kết thiếu theo yêu cầu</i>	0	
	<b>Tổng số điểm</b>	<b>100</b>	<b>80</b>

Thang điểm đánh giá (áp dụng cho những nội dung đánh giá chưa quy định thang điểm đánh giá chi tiết tại Bảng trên)

A	Mức độ đánh giá đối với nội dung phần A, B của bảng trên	Số điểm đánh giá trên điểm tối đa
1	<p><b><u>Đáp ứng đủ các yêu cầu sau đây</u></b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có tài liệu khảo sát rõ ràng chi tiết và hiểu biết về gói thầu</li> <li>- Có tối thiểu đủ số lượng bản vẽ biện pháp thi công theo yêu cầu được quy định của HSMT đối với từng công việc.</li> <li>- Biện pháp thi công được đánh giá là phù hợp với thiết kế của gói thầu</li> <li>- Từng bản vẽ biện pháp thi công phải có kích thước cụ thể theo thiết kế của gói thầu này.</li> </ul>	100%
2	Không đáp ứng một trong các yêu cầu trên hoặc bản vẽ biện pháp thi công không có kích thước cụ thể theo thiết kế của gói thầu mà chỉ mang tính chất minh họa	0%
B	Mức độ đánh giá các nội dung còn lại	Số điểm đánh giá trên điểm tối đa
1	Đầy đủ, hợp lý, đồng bộ, trình bày rõ ràng	100%
2	Phù hợp, chấp nhận được	80%
3	Sơ sài	40%
4	Không hợp lý hoặc không phù hợp với thiết kế	0%

## F: TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ TỔNG HỢP

### 1. Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ HSDXTC

#### 1. Kiểm tra HSDXTC:

- a) Kiểm tra số lượng bản chụp HSDXTC;
- b) Kiểm tra các thành phần của bản gốc HSDXTC, bao gồm: Đơn dự thầu thuộc HSDXTC; Bảng tổng hợp giá dự thầu, Bảng chi tiết giá dự thầu và các thành phần khác thuộc HSDXTC theo quy định;
- c) Kiểm tra sự thống nhất nội dung giữa bản gốc và bản chụp để phục vụ quá trình đánh giá chi tiết HSDXTC.

#### 2. Đánh giá tính hợp lệ HSDXTC:

HSDXTC của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

- a) Có bản gốc HSDXTC;
- b) Có đơn dự thầu thuộc HSDXTC được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có). Đối với nhà thầu liên danh, đơn dự thầu phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) hoặc thành viên đứng đầu liên danh thay mặt liên danh ký đơn dự thầu theo phân công trách nhiệm trong văn bản thỏa thuận liên danh;
- c) Giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với tổng giá dự thầu ghi trong Bảng tổng hợp giá dự thầu, không đề xuất các giá dự thầu khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu;
- d) Thời hạn hiệu lực của HSDXTC đáp ứng yêu cầu theo quy định.

Nhà thầu có HSDXTC hợp lệ sẽ được tiếp tục đánh giá chi tiết về tài chính. Nhà thầu có HSDXTC không hợp lệ thì HSDT sẽ bị loại và không được xem xét đánh giá các nội dung tiếp theo.

### 2. Tiêu chuẩn đánh giá chi tiết.

Sử dụng phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá theo các bước sau:

- Bước 1. Xác định giá dự thầu;
- Bước 2. Sửa lỗi (thực hiện theo quy định tại phần Ghi chú <sup>(1)</sup>);
- Bước 3. Hiệu chỉnh sai lệch (thực hiện theo quy định tại phần Ghi chú <sup>(2)</sup>);
- Bước 4. Xác định giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

#### Bước 5. Xác định điểm giá:

Điểm giá được xác định trên cơ sở giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có). Cụ thể như sau:

$$\text{Điểm giá}_{\text{đang xét}} = [G_{\text{thấp nhất}} \times 100 / G_{\text{đang xét}}]$$

Trong đó:

- Điểm giá<sub>đang xét</sub>: Là điểm giá của HSDXTC đang xét;
- $G_{\text{thấp nhất}}$ : Là giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất trong số các nhà thầu được đánh giá chi tiết về tài chính;



-  $G_{\text{đang xét}}$ : Là giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) của HSDXTC đang xét.

Bước 6. Xác định điểm tổng hợp:

$\text{Điểm tổng hợp}_{\text{đang xét}} = K \times \text{Điểm kỹ thuật}_{\text{đang xét}} + G \times \text{Điểm giá}_{\text{đang xét}}$

Trong đó:

- Điểm kỹ thuật<sub>đang xét</sub>: Là số điểm được xác định tại bước đánh giá về kỹ thuật;
- Điểm giá<sub>đang xét</sub>: Là số điểm được xác định tại bước đánh giá về giá;
- $K=20\%$  Tỷ trọng điểm về kỹ thuật quy định trong thang điểm tổng hợp;
- $G=80\%$  Tỷ trọng điểm về giá quy định trong thang điểm tổng hợp;

Bước 7. Xếp hạng nhà thầu:

HSDT có điểm tổng hợp cao nhất được xếp hạng thứ nhất.

**Ghi chú:**

(1) Sửa lỗi:

Với điều kiện HSDT đáp ứng căn bản HSMT, việc sửa lỗi số học và các lỗi khác được tiến hành theo nguyên tắc sau đây:

a) Lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán giá dự thầu. Trường hợp không nhất quán giữa đơn giá dự thầu và thành tiền thì lấy đơn giá dự thầu làm cơ sở cho việc sửa lỗi; nếu phát hiện đơn giá dự thầu có sự sai khác bất thường do lỗi hệ thập phân (10 lần, 100 lần, 1.000 lần) thì thành tiền là cơ sở cho việc sửa lỗi. Trường hợp tại cột "đơn giá dự thầu" và cột "thành tiền" nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là "0" thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của công việc này vào các công việc khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện hoàn thành các công việc này theo đúng yêu cầu nêu trong HSMT và không được Chủ đầu tư thanh toán trong quá trình thực hiện hợp đồng.

b) Các lỗi khác:

- Tại cột thành tiền đã được điền đầy đủ giá trị nhưng không có đơn giá dự thầu tương ứng thì đơn giá dự thầu được xác định bổ sung bằng cách chia thành tiền cho số lượng; khi có đơn giá dự thầu nhưng cột thành tiền bỏ trống thì giá trị cột thành tiền sẽ được xác định bổ sung bằng cách nhân số lượng với đơn giá dự thầu; nếu một nội dung nào đó có điền đơn giá dự thầu và giá trị tại cột thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bổ sung bằng cách chia giá trị tại cột thành tiền cho đơn giá dự thầu của nội dung đó. Trường hợp số lượng được xác định bổ sung nêu trên khác với số lượng nêu trong HSMT thì giá trị sai khác đó là sai lệch về phạm vi cung cấp và được hiệu chỉnh theo quy định tại Bước 3;

- Lỗi nhầm đơn vị tính: sửa lại cho phù hợp với yêu cầu nêu trong HSMT;

- Lỗi nhầm đơn vị: sử dụng dấu ", " (dấu phẩy) thay cho dấu "." (dấu chấm) và ngược lại thì được sửa lại cho phù hợp theo cách viết của Việt Nam. Khi Bên mời thầu cho rằng dấu phẩy hoặc dấu chấm trong đơn giá dự thầu rõ ràng đã bị đặt sai chỗ thì trong trường hợp này thành tiền của hạng mục sẽ có ý nghĩa quyết định và đơn giá dự thầu sẽ được sửa lại;

- Nếu có sai sót khi cộng các khoản tiền để ra tổng số tiền thì sẽ sửa lại tổng số tiền theo các khoản tiền;

- Nếu có sự khác biệt giữa con số và chữ viết thì lấy chữ viết làm cơ sở pháp lý cho việc sửa lỗi. Nếu chữ viết sai thì lấy con số sau khi sửa lỗi theo quy định tại Mục này làm cơ

sở pháp lý.

- Đối với sai sót không nghiêm trọng: yêu cầu nhà thầu cung cấp các thông tin hoặc tài liệu cần thiết trong một thời hạn hợp lý để sửa chữa những điểm chưa phù hợp hoặc sai sót không nghiêm trọng trong HSDT liên quan đến các yêu cầu về tài liệu (không được liên quan đến bất kỳ khía cạnh nào của giá dự thầu). Trường hợp cần thiết, tiến hành thương thảo đối với các sai sót này trong bước thương thảo hợp đồng.

(2) Hiệu chỉnh sai lệch:

a) Trường hợp có sai lệch về phạm vi cung cấp thì giá trị phần chào thiếu sẽ được cộng thêm vào, giá trị phần chào thừa sẽ được trừ đi theo mức đơn giá dự thầu tương ứng trong HSDXTC của nhà thầu có sai lệch;

Trường hợp một công việc trong HSDXTC của nhà thầu có sai lệch không có đơn giá dự thầu thì lấy mức đơn giá dự thầu cao nhất đối với công việc này trong số các HSDXTC của nhà thầu khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch;

Trường hợp chỉ có một nhà thầu duy nhất vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật thì tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trên cơ sở lấy mức đơn giá dự thầu tương ứng trong HSDXTC của nhà thầu này.

b) Trường hợp nhà thầu có thư giảm giá, việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện trên cơ sở giá dự thầu chưa trừ đi giá trị giảm giá. Tỷ lệ phần trăm (%) của sai lệch thiếu được xác định trên cơ sở so với giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu.

## G: YÊU CẦU VỀ GÓI THẦU VÀ CHỈ DẪN CHO NHÀ THẦU

### I. GIỚI THIỆU VỀ DỰ ÁN VÀ GÓI THẦU

#### 1. Giới thiệu chung về dự án

Nội - Tên dự án: Cải tạo sửa chữa Chung cư Sky City Towers-88 Láng Hạ - Đống Đa - Hà

- Chủ đầu tư: Ban Quản trị chung cư Sky City Towers-88 Láng Hạ.

- Bên mời thầu: Ban Quản trị chung cư Sky City Towers-88 Láng Hạ.

- Nguồn vốn: Nguồn vốn quỹ bảo trì tòa nhà (2%)

- Địa điểm: chung cư Sky City Towers-88 Láng Hạ - Đống Đa – Hà Nội.

- Luật điều chỉnh: HSMT, HSĐT và các chỉ dẫn đấu thầu được giải thích và điều chỉnh theo các quy định về đấu thầu tại Luật Thương Mại và Bộ Luật Dân Sự (không áp dụng quy định đấu thầu tại Luật Đấu thầu đối với đầu tư công hay mua sắm dịch vụ có một phần hay toàn bộ vốn nhà nước). Quy định kỹ thuật hay tiêu chuẩn sẽ được thực hiện theo giải thích và điều chỉnh của Luật Xây dựng và các văn bản hướng dẫn liên quan.

#### 2. Phạm vi công việc của gói thầu

##### • Quy mô các hạng mục công trình.

##### a. Nhà ở tháp A (cải tạo):

- Loại công trình : Công trình dân dụng
- Cấp công trình : Cấp II
- Bậc chịu lửa : Bậc II
- Diện tích xây dựng khoảng : ..... m<sup>2</sup>
- Số tầng cao : 30 tầng + tum thang
- Tổng diện tích sàn : ..... m<sup>2</sup>

##### b. Nhà ở tháp B (cải tạo):

- Loại công trình : Công trình dân dụng
- Cấp công trình : Cấp II
- Bậc chịu lửa : Bậc II
- Diện tích xây dựng khoảng : ..... m<sup>2</sup>
- Số tầng cao : 30 tầng + tum thang
- Tổng diện tích sàn : ..... m<sup>2</sup>
- Các hệ thống kỹ thuật gồm:
  - + Hệ thống cấp điện, cấp thoát nước trong công trình.
  - + Hệ thống mạng máy tính, điện thoại nội bộ.
  - + Hệ thống PCCC.

##### c. Các hạng mục phụ trợ và kỹ thuật:

Trạm biến áp; Nhà để máy phát điện dự phòng; Nhà xe khách; Sân, cổng, tường rào; Cấp thoát nước và Cấp điện ngoài nhà đảm bảo kỹ thuật và an toàn trong khai thác, sử dụng lâu dài.

#### d. Nội dung công việc:

- + Trám vá các vết rạn nứt mặt ngoài, sửa chữa các chi tiết nứt vỡ đầu ban công các căn hộ của tòa tháp A; B trong quá trình sử dụng.
- + Sơn lại toàn bộ mặt ngoài bằng sơn ngoài trời.
- + Bơm keo mặt ngoài hệ thống cửa bao che mặt ngoài.

#### 3. Yêu cầu về tiến độ thực hiện

- Nhà thầu phải hoàn thành toàn bộ các công việc trong thời gian tối đa 75 ngày kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực và Bên giao thầu bàn giao mặt bằng cho nhà thầu đủ điều kiện khởi công xây dựng (bao gồm cả các ngày nghỉ và các ngày lễ, tết trong năm, trừ trường hợp bất khả kháng).

- Dựa vào khối lượng công việc (theo bảng mô tả công việc), thời gian thực hiện gói thầu mà nhà thầu phải đưa ra biện pháp tổ chức thi công hợp lý, phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan.

- Trên cơ sở biện pháp tổ chức thi công của nhà thầu đưa ra, nhà thầu lập tiến độ chi tiết cho toàn bộ gói thầu. Từ chuẩn bị tập kết vật tư, vật liệu, gia công, sản xuất lắp đặt hoàn thiện, bàn giao cho chủ đầu tư đưa vào sử dụng. Nhà thầu phải lập tiến độ nhân sự phù hợp theo tiến độ thi công chi tiết của gói thầu mà nhà thầu đã lập. Nhà thầu phải lập danh mục thiết bị cần sử dụng để phù hợp với biện pháp và tiến độ thi công gói thầu. Các bảng tiến độ yêu cầu bao gồm các nội dung sau:

+ Tiến độ huy động nhân lực (có biểu đồ huy động nhân lực phù hợp với biểu đồ tiến độ thi công).

+ Tiến độ huy động vật liệu chính cho công trình (có biểu đồ huy động vật liệu chính phù hợp với biểu đồ tiến độ thi công).

+ Tiến độ huy động thiết bị cho công trình (có biểu đồ huy động thiết bị phù hợp với biểu đồ tiến độ thi công).

+ Tổng tiến độ thi công xây dựng công trình trong đó thể hiện tiến độ thi công chi tiết giai đoạn thi công/các hạng mục công việc theo bảng sau:

**BẢNG TỔNG HỢP TIẾN ĐỘ GÓI THẦU**

STT	Hạng mục công trình	Ngày bắt đầu	Ngày hoàn thành <sup>(1)</sup>
	Huy động công trường (Chuẩn bị, lán trại, huy động vật tư, nhân công, thiết bị...)	Ngay sau khi hợp đồng có hiệu lực	[nhà thầu đề xuất mốc các hạng mục hoàn thành phù hợp với tổng tiến độ]
	Thi công phần phá dỡ vệ sinh bề mặt.		[Căn cứ ngày bàn giao mặt bằng hoàn thiện khi thương thảo hợp đồng phù hợp với tiến độ, kế hoạch vốn và kế hoạch thực hiện các gói thầu khác của dự án (nếu có).

<sup>1</sup> Nhà thầu đề xuất và phù hợp với tổng tiến độ của gói thầu

STT	Hạng mục công trình	Ngày bắt đầu	Ngày hoàn thành <sup>(1)</sup>
	Thi công các phần việc hoàn thiện.		- như trên -
	Thi công các hạng mục còn lại		- như trên -
	Hoàn thiện, vệ sinh, di chuyển trang thiết bị thi công ra khỏi công trường và bàn giao gói thầu		- như trên - Và sau khi các gói thầu khác (nếu có) đã hoàn thành.

## II. CHỈ DẪN CHO NHÀ THẦU

<p><b>CDNT 1</b></p>	<p><b>Phạm vi gói thầu</b></p> <p>1. Ban Quản trị tòa nhà Sky City Towers 88 Láng Hạ mời nhà thầu tham gia đấu thầu cải tạo sửa chữa ngoại thất Tòa nhà Sky City Towers - 88 Láng Hạ.</p> <p>2. Nguồn vốn (hoặc phương thức thu xếp vốn) để thực hiện gói thầu: Quỹ bảo trì tòa nhà.</p> <p>3. Phương thức đấu thầu: đấu thầu một túi hồ sơ.</p> <p>4. Loại hợp đồng: hỗn hợp (trộn gói và theo khối lượng tính trên đơn giá cố định).</p> <p>- Nguồn vốn quỹ bảo trì tòa nhà (2%).</p> <p>- Thời gian thực hiện hợp đồng: 75 ngày (kể cả ngày nghỉ lễ, tết).</p>
<p><b>CDNT 2</b></p>	<p><b>Hành vi bị cấm trong đấu thầu</b></p> <p>Trong phạm vi gói thầu này, các hành vi bị cấm trong đấu thầu bao gồm:</p> <p>1. Đưa, nhận, môi giới hối lộ.</p> <p>2. Lợi dụng chức vụ quyền hạn để can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động đấu thầu.</p> <p>3. Thông thầu, bao gồm các hành vi sau đây:</p> <p>a) Thỏa thuận về việc rút khỏi việc dự thầu hoặc rút đơn dự thầu được nộp trước đó để một hoặc các bên tham gia thỏa thuận thắng thầu;</p> <p>b) Thỏa thuận để một hoặc nhiều bên chuẩn bị hồ sơ dự thầu cho các bên tham dự thầu để một bên thắng thầu;</p> <p>c) Thỏa thuận về việc từ chối cung cấp hàng hóa, không ký hợp đồng thầu phụ hoặc các hình thức gây khó khăn khác cho các bên không tham gia thỏa thuận.</p>
<p><b>CDNT 3</b></p>	<p><b>Tư cách hợp lệ của nhà thầu</b></p> <p>Ngoài các điều kiện khác tại HSMT, Nhà thầu là tổ chức có tư cách hợp lệ khi đáp ứng các điều kiện sau đây:</p> <p>1. Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp;</p> <p>2. Hạch toán tài chính độc lập;</p> <p>3. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;</p> <p>4. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu.</p>
<p><b>CDNT 4</b></p>	<p><b>Làm rõ, sửa đổi HSMT, khảo sát hiện trường</b></p> <p>1. Làm rõ HSMT</p> <p>Trong trường hợp cần làm rõ HSMT, nhà thầu phải gửi văn bản đề nghị làm rõ đến Chủ đầu tư muộn nhất trước ngày có thời điểm đóng thầu 03 ngày làm việc. Khi nhận được đề nghị làm rõ HSMT của nhà thầu, Chủ đầu tư sẽ có văn bản trả lời gửi cho nhà thầu có yêu cầu làm rõ và tất cả các nhà thầu khác đã nhận HSMT từ Chủ đầu tư, trong đó mô tả nội dung yêu cầu làm rõ nhưng không nêu tên nhà thầu đề nghị làm rõ. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi HSMT thì Chủ đầu tư tiến hành sửa đổi HSMT theo thủ tục quy định tại Khoản 2 Mục này.</p> <p>2. Sửa đổi HSMT</p> <p>Trường hợp sửa đổi HSMT, Chủ đầu tư sẽ gửi quyết định sửa đổi kèm theo</p>

	<p>những nội dung sửa đổi đến tất cả các nhà thầu đã nhận HSMT không muộn hơn tối thiểu là 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu, trường hợp không đủ 03 ngày làm việc thì Chủ đầu tư phải gia hạn thời điểm đóng thầu.</p> <p>Nhằm giúp nhà thầu có đủ thời gian để sửa đổi HSDT, Chủ đầu tư có thể gia hạn thời điểm đóng thầu bằng việc sửa đổi HSMT.</p> <p>3. Khảo sát hiện trường</p> <p>Nhà thầu được phép khảo sát hiện trường để phục vụ việc lập HSMT. Các chi phí, rủi ro trong quá trình khảo sát hiện trường do nhà thầu tự chi trả. Nhà thầu cần liên hệ trước với Chủ đầu tư để được bố trí tiếp cận hiện trường theo yêu cầu.</p>
<b>CDNT 5</b>	<p><b>Chi phí, đồng tiền, ngôn ngữ trong chào hàng</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự chào hàng.</li> <li>Đồng tiền tham dự chào hàng và đồng tiền thanh toán là VND.</li> <li>HSDT cũng như tất cả văn bản và các tài liệu liên quan đến HSDT được trao đổi giữa Chủ đầu tư và nhà thầu phải được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu và tư liệu bổ trợ trong HSDT có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, Chủ đầu tư có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung.</li> </ol>
<b>CDNT 6</b>	<p>HSDT do nhà thầu chuẩn bị phải bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Hồ sơ đề xuất kỹ thuật theo Mẫu tại Mục I – Phần A Biểu Mẫu Dự Thầu;</li> <li>Hồ sơ đề xuất tài chính theo Mẫu tại Mục II – Phần A Biểu Mẫu Dự Thầu;</li> </ol>
<b>CDNT 7</b>	<p><b>Giá chào và giảm giá</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Giá chào ghi trong đơn dự thầu bao gồm toàn bộ chi phí để thực hiện gói thầu (chưa tính giảm giá) theo yêu cầu của HSYC. Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” của một mục mà nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của mục này vào các mục khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong HSYC và không được chủ đầu tư thanh toán trong quá trình thực hiện hợp đồng.</li> <li>Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì có thể ghi trực tiếp vào đơn dự thầu hoặc đề xuất riêng trong thư giảm giá. Trường hợp giảm giá, nhà thầu phải nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục. Trường hợp có thư giảm giá thì thư giảm giá có thể để cùng trong HSDT hoặc nộp riêng song phải bảo đảm Chủ đầu tư nhận được trước thời điểm đóng thầu. Thư giảm giá sẽ được Chủ đầu tư bảo quản như một phần của HSDT và được mở đồng thời cùng HSDT của nhà thầu; trường hợp thư giảm giá không được mở cùng HSDT và không được ghi vào biên bản mở thầu thì không có giá trị.</li> <li>Giá chào của nhà thầu phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá chào không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì HSDT của nhà thầu sẽ bị loại.</li> </ol>
<b>CDNT 8</b>	<p><b>Thời gian có hiệu lực của HSDT</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Thời gian có hiệu lực của HSDT là 60 ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu. HSDT nào có thời hạn hiệu lực ngắn hơn quy định sẽ không được tiếp tục xem xét, đánh giá.</li> <li>Trong trường hợp cần thiết trước khi hết thời hạn hiệu lực của HSDT, Chủ</li> </ol>

	<p>đầu tư có thể đề nghị các nhà thầu gia hạn hiệu lực của HSDT đồng thời yêu cầu nhà thầu gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu. Việc gia hạn, chấp nhận hoặc không chấp nhận gia hạn phải được thể hiện bằng văn bản. Nếu nhà thầu không chấp nhận việc gia hạn thì HSDT của nhà thầu này không được xem xét tiếp và trong trường hợp này nhà thầu được nhận lại bảo đảm dự thầu. Nhà thầu chấp nhận đề nghị gia hạn không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của HSDT.</p>
<b>CDNT 9</b>	<p><b>Bảo đảm dự thầu</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Đồng thời việc nộp HSDT, nhà thầu phải đặt cọc bằng tiền mặt để thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu trước thời điểm đóng thầu.</li> <li>2. Nội dung và hiệu lực của đặt cọc bảo đảm dự thầu <ol style="list-style-type: none"> <li>a) Giá trị và đồng tiền đặt cọc bảo đảm dự thầu: 100.000.000 VND (Một trăm triệu đồng chẵn).</li> <li>b) Thời gian có hiệu lực của đặt cọc bảo đảm dự thầu: 60 ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.</li> </ol> </li> <li>3. Đặt cọc bảo đảm dự thầu được coi là không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại khoản 2 Mục này.</li> <li>4. Bên dự thầu không được nhận lại đặt cọc bảo đảm dự thầu trong trường hợp rút HSDT sau thời điểm hết hạn nộp HSDT (hay thời điểm đóng thầu), không ký hợp đồng hoặc từ chối thực hiện hợp đồng trong trường hợp trúng thầu.</li> <li>5. Đặt cọc bảo đảm dự thầu được trả lại cho nhà thầu không trúng thầu trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày công bố kết quả đấu thầu.</li> </ol>
<b>CDNT 10</b>	<p><b>Quy cách HSDT</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Nhà thầu phải chuẩn bị 01 bản gốc ghi bên ngoài hồ sơ và túi đựng tương ứng là “BẢN GỐC HỒ SƠ DỰ THẦU”.</li> </ol> <p>Trường hợp sửa đổi, thay thế HSDT thì nhà thầu phải chuẩn bị 01 bản gốc sửa đổi. Trên trang bìa của các hồ sơ và túi đựng tương ứng phải ghi rõ “BẢN GỐC HỒ SƠ DỰ THẦU SỬA ĐỔI”, hoặc “BẢN GỐC HỒ SƠ DỰ THẦU THAY THẾ”.</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>2. Túi đựng HSDT, HSDT sửa đổi, HSDT thay thế của nhà thầu phải được niêm phong và ghi rõ tên gói thầu, tên nhà thầu, tên Chủ đầu tư. Chủ đầu tư có trách nhiệm bảo mật thông tin trong HSDT của nhà thầu.</li> <li>3. Tất cả các thành phần của HSDT nêu tại Chỉ dẫn nhà thầu phải được ký bởi người đại diện hợp pháp của nhà thầu và kèm theo Giấy ủy quyền hợp lệ (nếu ủy quyền).</li> <li>4. Những chữ được ghi thêm, ghi chèn vào giữa các dòng, những chữ bị tẩy xóa hoặc viết đè lên sẽ chỉ được coi là hợp lệ nếu có chữ ký ở bên cạnh hoặc tại trang đó của người ký đơn chào hàng.</li> </ol>
<b>CDNT 11</b>	<p><b>Nộp, rút, thay thế và sửa đổi HSDT</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Nhà thầu nộp trực tiếp hoặc gửi HSDT theo đường bưu điện đến địa chỉ của Chủ đầu tư nhưng phải đảm bảo Chủ đầu tư nhận được trước thời điểm đóng thầu là 16 giờ ngày 21 tháng 11 năm 2023.</li> <li>2. Chủ đầu tư sẽ tiếp nhận HSDT của tất cả nhà thầu nộp HSDT trước thời điểm đóng thầu. Trường hợp nhà thầu nộp HSDT sau thời điểm đóng thầu thì HSDT bị loại và được trả lại nguyên trạng cho nhà thầu.</li> <li>3. Sau khi nộp, nhà thầu có thể rút lại HSDT bằng cách gửi văn bản thông báo có chữ ký của người đại diện hợp pháp của nhà thầu đến Chủ đầu tư trước thời</li> </ol>



	<p>điểm đóng thầu.</p> <p>Trước thời điểm đóng thầu, nếu cần sửa đổi hoặc thay thế HSDT thì nhà thầu nộp HSDT thay thế hoặc HSDT sửa đổi cho Chủ đầu tư với cách ghi thông tin nêu tại Chỉ dẫn nhà thầu.</p>
<b>CDNT 12</b>	<p><b>Mở thầu</b></p> <p>1. Chủ đầu tư tiến hành mở công khai HSDT của các nhà thầu vào lúc 19 giờ 30 phút ngày 21 tháng 11 năm 2023 trước sự chứng kiến của các nhà thầu tham dự lễ mở thầu (nếu có đăng ký tham gia). Việc mở thầu không phụ thuộc vào sự có mặt hay vắng mặt của đại diện nhà thầu tham dự chào thầu.</p> <p>2. Việc mở thầu được thực hiện đối với từng HSDT theo thứ tự chữ cái tên của nhà thầu và theo trình tự sau đây:</p> <p>a) Kiểm tra niêm phong;</p> <p>b) Mở bản gốc HSDT và đọc to, rõ tối thiểu những thông tin sau: tên nhà thầu, bản gốc, số lượng bản chụp, giá chào ghi trong đơn và bảng tổng hợp giá chào, giá trị giảm giá (nếu có), thời gian có hiệu lực của HSDT, thời gian thực hiện hợp đồng, giá trị của bảo đảm dự thầu, thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu và các thông tin khác mà Chủ đầu tư thấy cần thiết. Chỉ những thông tin về giảm giá được đọc trong lễ mở thầu mới được tiếp tục xem xét và đánh giá;</p> <p>c) Đại diện của Chủ đầu tư phải ký xác nhận vào bản gốc đơn dự thầu, giấy ủy quyền, bảo đảm dự thầu, bảng tổng hợp giá dự thầu, thư giảm giá (nếu có), bản cam kết thực hiện gói thầu. Chủ đầu tư không được loại bỏ bất kỳ HSDT nào khi mở thầu, trừ các HSDT nộp sau thời điểm đóng thầu.</p> <p>3. Chủ đầu tư phải lập biên bản mở thầu trong đó bao gồm các thông tin quy định tại khoản 2 Mục này. Biên bản mở thầu phải được ký xác nhận bởi đại diện của Chủ đầu tư và các nhà thầu tham dự lễ mở thầu (nếu có). Việc thiếu chữ ký của nhà thầu trong biên bản sẽ không làm cho biên bản mất ý nghĩa và mất hiệu lực.</p> <p>4. Trường hợp tại thời điểm đóng thầu có ít hơn 03 nhà thầu nộp hồ sơ dự thầu, Chủ đầu tư vẫn mở thầu ngay để tiến hành đánh giá và lựa chọn.</p>
<b>CDNT 13</b>	<p><b>Làm rõ HSDT</b></p> <p>1. Sau khi mở thầu, nhà thầu có trách nhiệm làm rõ HSDT theo yêu cầu của Chủ đầu tư.</p> <p>2. Chủ đầu tư có trách nhiệm tiếp nhận những tài liệu làm rõ của nhà thầu để xem xét, đánh giá; các tài liệu làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm được coi như một phần của HSDT.</p> <p>3. Việc làm rõ phải bảo đảm không làm thay đổi bản chất của nhà thầu, không làm thay đổi nội dung cơ bản của HSDT đã nộp và không thay đổi giá chào.</p>
<b>CDNT 14</b>	<p><b>Đánh giá HSDX và thương thảo hợp đồng</b></p> <p>1. Việc đánh giá HSDT được thực hiện theo quy định tại Phần F – Tiêu chuẩn Đánh giá Tổng hợp của HSMT.</p> <p>2. Việc thương thảo hợp đồng dựa trên các tài liệu sau: báo cáo đánh giá HSDT; HSDT và các tài liệu làm rõ HSDT (nếu có) của nhà thầu; HSMT.</p> <p>3. Nguyên tắc thương thảo hợp đồng như sau:</p> <p>a) Không tiến hành thương thảo đối với các nội dung nhà thầu đã chào theo đúng yêu cầu nêu trong HSMT;</p> <p>b) Trong quá trình đánh giá HSDT và thương thảo hợp đồng, nếu phát hiện hạng mục công việc, khối lượng mời thầu nêu trong Bảng tổng hợp giá chào thiếu so với hồ sơ thiết kế thì Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu bổ sung khối lượng</p>

	<p>công việc thiếu đó trên cơ sở đơn giá đã chào; trường hợp trong HSDT chưa có đơn giá thì Chủ đầu tư quyết định việc áp đơn giá của nhà thầu khác đã vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật hoặc đơn giá theo xác định của Chủ đầu tư, tùy thuộc đơn giá nào thấp hơn;</p> <p>c) Khi thương thảo hợp đồng đối với phần sai lệch thiếu, trường hợp trong HSDT của nhà thầu không có đơn giá tương ứng với phần sai lệch thì phải lấy mức đơn giá dự thầu thấp nhất trong số các HSDT của nhà thầu khác đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật hoặc đơn giá theo xác định của Chủ đầu tư nếu chỉ có duy nhất nhà thầu này vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở thương thảo đối với sai lệch thiếu đó.</p> <p>4. Nội dung thương thảo hợp đồng:</p> <p>a) Thương thảo về những nội dung chưa đủ chi tiết, chưa rõ hoặc chưa phù hợp, thống nhất giữa HSMT và HSDT, giữa các nội dung khác nhau trong HSDT có thể dẫn đến các phát sinh, tranh chấp hoặc ảnh hưởng đến trách nhiệm của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng;</p> <p>b) Thương thảo về các sai lệch do nhà thầu phát hiện và đề xuất trong HSDT (nếu có);</p> <p>c) Thương thảo về nhân sự chủ chốt</p> <p>Trong quá trình thương thảo, nhà thầu không được thay đổi nhân sự chủ chốt đã đề xuất trong HSDT, trừ trường hợp do thời gian đánh giá HSDT kéo dài hơn so với quy định hoặc vì lý do bất khả kháng mà các vị trí nhân sự chủ chốt do nhà thầu đã đề xuất không thể tham gia thực hiện hợp đồng. Trong trường hợp đó, nhà thầu được quyền thay đổi nhân sự khác nhưng phải bảo đảm nhân sự dự kiến thay thế có trình độ, kinh nghiệm và năng lực tương đương hoặc cao hơn với nhân sự đã đề xuất và nhà thầu không được thay đổi giá chào;</p> <p>d) Thương thảo về các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn nhà thầu (nếu có) nhằm mục tiêu hoàn thiện các nội dung chi tiết của gói thầu;</p> <p>d) Thương thảo về các nội dung cần thiết khác.</p> <p>5. Trong quá trình thương thảo hợp đồng, các bên tham gia thương thảo tiến hành hoàn thiện dự thảo văn bản hợp đồng và phụ lục hợp đồng. Trường hợp thương thảo không thành công, Chủ đầu tư quyết định mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo.</p>
<p><b>CDNT 15</b></p>	<p><b>Điều kiện xét duyệt trúng thầu</b></p> <p>Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo đánh giá tại Phần F: Tiêu Chuẩn Đánh Giá Tổng Hợp;</li> <li>- HSDT của Nhà thầu có điểm tổng hợp cao nhất;</li> <li>- Có giá đề nghị trúng thầu không vượt dự toán gói thầu được phê duyệt của Chủ đầu tư.</li> </ul>
<p><b>CDNT 16</b></p>	<p><b>Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Kết quả lựa chọn nhà thầu sẽ được gửi đến tất cả nhà thầu tham dự thầu theo đường bưu điện.</li> <li>2. Kết quả thông báo của Chủ đầu tư có giá trị ngay lập tức, Chủ đầu tư không có nghĩa vụ phải phản hồi bất kỳ thắc mắc nào của nhà thầu không được lựa chọn.</li> </ol>
<p><b>CDNT 17</b></p>	<p><b>Điều kiện ký kết hợp đồng</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, HSDT của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu</li> </ol>

	<p>lực.</p> <p>2. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, nhà thầu được lựa chọn phải bảo đảm vẫn đáp ứng yêu cầu về năng lực để thực hiện gói thầu. Trường hợp cần thiết, chủ đầu tư tiến hành xác minh thông tin về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu, nếu vẫn đáp ứng yêu cầu để thực hiện gói thầu thì mới tiến hành ký kết hợp đồng. Trường hợp thực tế nhà thầu không còn đáp ứng cơ bản yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm theo quy định nêu trong HSMT thì chủ đầu tư sẽ từ chối ký kết hợp đồng với nhà thầu. Khi đó, chủ đầu tư sẽ hủy quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu và mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo hợp đồng.</p>
<p><b>CDNT 18</b></p>	<p><b>Bảo đảm thực hiện hợp đồng</b></p> <p>1. Trước khi hợp đồng có hiệu lực, nhà thầu trúng thầu phải cung cấp một bảo đảm thực hiện hợp đồng theo hình thức thư bảo lãnh do tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam phát hành hoặc đặt cọc bằng tiền mặt với giá trị và nội dung theo quy định tại Điều 5 - Dự thảo hợp đồng ban hành kèm HSMT này. Trường hợp nhà thầu sử dụng thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng thì phải lập theo mẫu được chủ đầu tư chấp thuận.</p> <p>2. Nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng có hiệu lực;</li> <li>b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng;</li> <li>c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.</li> </ul>
<p><b>CDNT 19</b></p>	<p><b>Theo dõi, giám sát quá trình lựa chọn nhà thầu</b></p> <p>Khi phát hiện hành vi, nội dung không phù hợp quy định của pháp luật, nhà thầu có trách nhiệm thông báo cho tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ theo dõi, giám sát theo địa chỉ sau: Ông Đặng Trọng Hiếu – Trưởng Ban Quản trị Tòa nhà Sky City Towers 88 Láng Hạ - Tầng KT - Sky City Towers - 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội.</p>

## H. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT, CHỈ DẪN KỸ THUẬT

### I. Yêu cầu về kỹ thuật:

#### 1. Quy trình, quy phạm áp dụng cho việc thi công, nghiệm thu công trình:

Quy trình, quy phạm áp dụng cho thi công, nghiệm thu công trình chủ yếu là các qui định hiện hành của nhà nước, TCVN, TCXDVN và TCN. Trong trường hợp công việc thi công, nghiệm thu không có trong hệ thống TCVN, TCXDVN, TCN và trong “Chỉ dẫn kỹ thuật” của HSMT thì có thể áp dụng tiêu chuẩn của nhà sản xuất và khi đó phải được sự đồng ý của Chủ đầu tư.

Trong mọi trường hợp, công tác nghiệm thu đều phải đáp ứng đồng thời tiêu chuẩn thiết kế, thi công nghiệm thu và tiêu chuẩn của nhà sản xuất, khi có sự sai lệch về thông số thì ưu tiên lựa chọn thông số cao hơn và phải được chủ đầu tư phê duyệt.

Trong trường hợp có sự khác nhau giữa chỉ dẫn kỹ thuật thì được ưu tiên sử dụng tiêu chuẩn hơn chỉ dẫn kỹ thuật.

Đối với các công tác thi công xây dựng công tác phá dỡ, sửa chữa hoàn thiện ... phải tuân thủ theo Chỉ dẫn kỹ thuật và yêu cầu về xây lắp tương ứng quy định của HSMT này.

Trường hợp có giữa chỉ dẫn kỹ thuật và các yêu cầu về xây lắp, cung cấp vật tư quy định tại HSMT này có sự sai lệch trong việc áp dụng các quy chuẩn, tiêu chuẩn thì phải lấy các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành làm cơ sở để thực hiện.

Công trình cải tạo phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về xây dựng cơ bản.

Cán bộ kỹ thuật của nhà thầu phải có mặt thường xuyên ở công trình để quản lý, giám sát, kiểm tra, nếu có các vấn đề phát sinh phải báo chủ đầu tư để cùng tư vấn thiết kế xem xét và có biện pháp xử lý.

Nhà thầu phải cử cán bộ chuyên trách khảo sát từng hộ dân và có kế hoạch thi công của từng hộ để BQT tòa nhà kết hợp cùng các hộ dân phối hợp thực hiện theo kế hoạch

Nhà thầu phải đảm bảo phần công việc của mình theo hồ sơ thiết kế. Giá thầu cho các công việc bao gồm tất cả các chi phí theo quy định của Nhà nước để thực hiện đảm bảo các điều kiện nghiêm ngặt về chất lượng công trình đã được Nhà nước quy định.

Nhà thầu phải có kinh nghiệm thi công trong điều kiện vừa phải đảm bảo an toàn, tiến độ thi công, vừa giảm tiếng ồn tới mức tối đa cũng như các yêu cầu chống bụi bẩn, đảm bảo vệ sinh môi trường, các hoạt động bình thường khác của khu vực thi công và các khu vực lân cận.

Nhà thầu phải cung cấp tất cả lao động, vật liệu, công cụ, thiết bị, lán trại, kho vật tư... phục vụ cho thi công tùy theo điều kiện của Nhà thầu để hoàn thành các công tác thi công hiện trường, nhưng phải đảm bảo các yêu cầu sau:

- Thi công công trình theo đúng yêu cầu hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được duyệt.
- Sử dụng các biện pháp hợp lý để bảo vệ môi trường thi công, đảm bảo các quy định vệ sinh môi trường không làm ảnh hưởng tới hoạt động và sinh hoạt bình thường của khu vực lân cận.
- Có nội quy an toàn trong thi công, đảm bảo an ninh trong khu vực.
- Ngoài các Biện báo thực hiện theo quy định về quản lý đầu tư xây dựng, Nhà thầu không được treo các Biện báo khác mà phải được sự đồng ý của Chủ đầu tư.
- Nhà thầu phải tự khảo sát điều kiện thi công để chủ động trong việc lập giải pháp kỹ thuật và tiến độ thi công.

- Nhà thầu phải lập biện pháp thi công không làm ảnh hưởng đến toàn bộ công trình và khu vực lân cận. Nhà thầu phải chịu mọi chi phí bồi hoàn cho các bên liên quan nếu việc thi công làm ảnh hưởng đến bên thứ ba.

- Nhà thầu phải có trách nhiệm bảo toàn các công việc đã được hoàn thành của công trình. Nhà thầu sẽ bị ngừng việc nếu gây ra bất kỳ hư hỏng nào cho các hạng mục khác không nằm trong phần việc của mình. Mọi hư hỏng Nhà thầu sẽ phải bồi thường bằng kinh phí của mình.

- Sai số của mọi công tác thi công phải tuân theo các qui trình trong các tiêu chuẩn tương ứng nêu trong phần tiêu chuẩn áp dụng.

- Nhà thầu phải chịu chi phí cho bất kỳ công việc phát sinh nào cần thiết phải làm do việc khảo sát không phù hợp với thực tế công trình.

- Các yêu cầu về vật tư và về kỹ thuật không thể hiện trong hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt thì thực hiện theo các tiêu chuẩn hiện hành và theo chỉ định của thiết kế.

- Nhà thầu phải thi công bằng cách sao cho không gây ảnh hưởng đến phần công việc đã thi công. Trong quá trình thi công, Nhà thầu phải bảo đảm an toàn cho người và phương tiện qua lại. Sử dụng các biện pháp chống ồn, chống bụi và bảo đảm cho mọi hoạt động sản xuất và sinh hoạt bình thường trong khu vực thi công.

- Các công việc không nêu ra trong hồ sơ này mà có thể suy ra một cách rõ ràng là cần thiết cho việc tiến hành, độ ổn định và tính hoàn thiện của Công việc thì phải được hiểu là đã bao hàm trong Giá gói thầu. Nhà thầu cũng phải cung cấp toàn bộ các vật tư, vật liệu, phụ tùng hoặc bất cứ một công việc nào mà rõ ràng là cần thiết cho sự hoạt động có hiệu quả của công tác lắp đặt và / hoặc công tác tương tự, hoặc là cần thiết cho việc cung cấp và thi công theo yêu cầu thực hành đã được phê duyệt mặc dù các vật tư, vật liệu và phụ kiện này không được nhắc đến cụ thể trong Yêu cầu về xây lắp, cung cấp vật tư.

- Các công việc được chỉ ra trên bản vẽ thiết kế mà không nêu ra hoặc mô tả trong Yêu cầu kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật và các Công việc mô tả trong Yêu cầu kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật mà không chỉ ra trên bản vẽ thiết kế tuy nhiên chúng sẽ được bao gồm trong Gói thầu này và việc thực hiện chúng được tính trong Giá gói thầu

Ngoài các điều khoản và các tiêu chuẩn qui phạm đã nêu trên, trong quá trình thi công, tất cả các công việc nêu trong hợp đồng, Nhà thầu thi công cần tuân theo các tiêu chuẩn theo quy định chi tiết tại hồ sơ thiết kế và chỉ dẫn kỹ thuật công trình cho từng hạng mục công trình.

<b>II. Quy trình, quy phạm áp dụng cho việc thi công, nghiệm thu phần hoàn thiện</b>	
TCVN 3121:2003	Vữa xây dựng – Phương pháp thử
TCVN 4314:2003	Vữa xây dựng – Yêu cầu kỹ thuật
TCVN 4459:1987	Hướng dẫn pha trộn và sử dụng vữa xây dựng
TCVN 4506:2012	Nước cho bê tông và vữa – Yêu cầu kỹ thuật
TCVN 6016:2011	Xi măng – Phương pháp thử, xác định cường độ
TCVN 6260:2009	Xi măng pooc lăng hỗn hợp – Yêu cầu kỹ thuật
TCVN 7570:2006	Cốt liệu cho bê tông và vữa – Yêu cầu kỹ thuật
TCVN 5674:1992	Các hạng mục hoàn thiện trong xây dựng – thi công, kiểm tra và nghiệm thu
TCVN 8652	Tiêu chuẩn sơn tường dạng nhũ tương

TCVN 9404	Tiêu chuẩn sơn tường xây dựng
TCVN 9366-2:2012	Tiêu chuẩn cửa nhôm kính

*Hư hỏng và sửa chữa hư hỏng:*

Các sai số trong quá trình thi công vượt quá sai số cho phép trong các tiêu chuẩn hiện hành và yêu cầu của thiết kế sẽ không được chấp thuận. Nhà thầu phải có phương án hiệu chỉnh để đảm bảo đúng theo các yêu cầu kỹ thuật.

Nhà thầu sẽ chịu kinh phí khi tiến hành sửa chữa những hư hỏng và bồi hoàn mọi thiệt hại do thi công gây ra cho Chủ đầu tư. Việc sửa chữa hư hỏng do nhà thầu tiến hành không được làm ảnh hưởng đến tiến độ thi công.

*Bảo hành và bảo quản công trình:*

Các quy định bảo hành tuân thủ Luật Xây dựng, các quy định hiện hành. Sau khi hết thời hạn bảo hành, Nhà thầu phải chuyển giao toàn bộ mặt bằng thi công cho Chủ đầu tư trong điều kiện tốt nhất.

Nhà thầu chịu hoàn toàn trách nhiệm về bảo quản công trình, vật liệu, thiết bị kể từ ngày khởi công tới ngày tổng nghiệm thu bàn giao toàn bộ công trình.

Nếu Nhà thầu đã nhận chứng chỉ bàn giao từng bộ phận công trình thì sẽ được giải phóng khỏi trách nhiệm bảo quản kể từ ngày bàn giao.

*Ghi chép trong quá trình thi công:*

Trong quá trình thi công, Nhà thầu phải ghi Nhật ký công trình, trong đó ghi chép đầy đủ mọi diễn biến trong quá trình thi công từng hạng mục và phải có xác nhận của Kỹ sư giám sát. Lắp đặt theo tiến độ chung của công trình.

*Bản vẽ đi theo HSMT (bản vẽ mời thầu):*

Các bản vẽ được cung cấp kèm theo hồ sơ mời thầu là một phần của Yêu cầu về mặt kỹ thuật.

Các bản vẽ và Yêu cầu về mặt kỹ thuật được sử dụng để giải thích qua lại, nhưng những công việc có trong cái này mà không có trong cái kia vẫn phải được thực hiện đầy đủ và ngược lại.

Bất kỳ sự chấp nhận và sử dụng các kích thước chủ đạo mô tả trong các bản vẽ đính kèm theo Yêu cầu kỹ thuật này cho các thiết bị được chọn lựa đều phải được trình duyệt.

*Bản vẽ nhà thầu:*

Nhà thầu phải trình duyệt cho Chủ đầu tư theo tiến độ các bản vẽ thi công bao gồm các bản vẽ chi tiết lắp đặt với kích thước thật phối hợp với thực tế công trường và các thiết bị của các hệ thống khác (bản vẽ shop drawing).

Các bản vẽ trên đây khi trình duyệt sẽ là cơ sở pháp lý để Chủ đầu tư và tư vấn giám sát theo dõi khối lượng thực tế thi công và tính toán khối lượng lắp đặt khi thanh toán và làm phát sinh hợp đồng (nếu có).

Nhà thầu phải cung cấp bản vẽ hoàn công như qui định cho tất cả các máy móc thiết bị và hệ thống cho hạng mục lắp đặt hoàn chỉnh, có bao gồm tất cả các sửa đổi và hoàn thiện thực hiện trong quá trình thực hiện Hợp đồng.

Nhà thầu phải chuẩn bị hồ sơ các bản vẽ hoàn công cho công tác xây lắp đúng số lượng quy định đã được duyệt bởi Chủ đầu tư có ghi rõ các hồ sơ thực tế về xây lắp đã được trình bày cho Chủ đầu tư.

Bản vẽ hoàn công cũng phải trình duyệt nhằm chứng minh phân thanh toán công việc đã thực hiện. Nhà thầu phải chỉ ra rõ ràng (bằng màu qui định hoặc phương pháp được chấp thuận) chính xác công việc đã thực hiện.

#### *Phối hợp hoạt động:*

Nhà thầu phải lưu ý việc phối hợp hoạt động mặc dù đây là trách nhiệm của Nhà thầu, nhằm bảo đảm Nhà thầu được cung cấp đầy đủ các bản vẽ Hợp đồng, các chi tiết và thông tin kịp thời cho phép họ có thể phối hợp trước khi xây dựng hoặc lắp đặt bất kỳ hạng mục nào mà có liên quan trong việc phối hợp hoạt động.

#### *Liên lạc với các Nhà thầu khác:*

Nhà thầu cần thiết phải phối hợp với các Nhà thầu khác trước khi và trong quá trình lắp dựng cho Công việc này và các Công việc của Nhà thầu khác. Trong khi thiết kế các hạng mục Nhà thầu phải có đủ các chi tiết của Công việc khác và các công tác lắp đặt nhằm tránh trường hợp chồng chéo Công việc trong khi lắp đặt và vận hành hệ thống. Nhà thầu cũng phải có trách nhiệm di chuyển các thiết bị của mình trong khu vực thi công, hoặc bất kỳ chỗ nào trong khu vực, theo như yêu cầu sao cho không chắn lối, cản trở các công tác khác.

#### *Bố trí và cài đặt thiết bị:*

Việc bố trí và cài đặt các thiết bị khác nhau và liên quan đến dịch vụ kỹ thuật phải tuân thủ chặt chẽ theo như trên bản vẽ.

Nhà thầu phải chịu trách nhiệm bố trí và cài đặt các thiết bị và các dịch vụ liên quan đáp ứng theo các yêu cầu của Yêu cầu kỹ thuật.

#### *Hàn và cắt:*

Tất cả các công tác hàn trong hạng mục công việc phải được thực hiện bởi các thợ hàn. Các thợ hàn phải có kinh nghiệm.

Trong mọi trường hợp không được phép hàn hoặc cắt bằng lửa thép tráng kẽm.

Không được hàn và cắt bằng lửa khi chưa thỏa mãn yêu cầu phòng chống cháy và các biện pháp an toàn.

#### *Bảo vệ:*

Nhà thầu phải chịu trách nhiệm bảo vệ tất cả các thiết bị và vật tư, vật liệu trong nhà kho cũng như đã được lắp đặt trên công trường. Các thiết bị và vật tư, vật liệu bị khuyết tật hoặc hư hỏng không được phép sử dụng trong hạng mục lắp đặt và Nhà thầu phải chịu trách nhiệm gỡ bỏ, thay thế bằng chi phí của mình mà không được Chủ đầu tư thanh toán.

Nhà thầu phải bảo đảm tất cả các biện pháp cần thiết nhằm tránh làm hư hại đến các hạng mục xây dựng và lắp đặt khác trong quá trình lắp đặt, nghiệm thu vận hành tổng hợp, hoặc vận hành các hạng mục thuộc Công việc của mình. Chi phí sửa chữa và thay thế các hư hại xảy ra cho các hạng mục khác Nhà thầu phải tự chịu trách nhiệm.

Nhà thầu hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật đối với các sự cố mất an toàn lao động, gây nguy hiểm tới tính mạng con người và tài sản. Trong trường hợp, xảy ra sự cố, Nhà thầu bằng chi phí của mình, phải đền bù mọi tổn thất xảy ra nếu có.

#### *Điều kiện "như mới":*

Tại thời điểm bàn giao Công việc trước khi cấp Giấy chứng nhận hoàn thành công việc toàn bộ hạng mục lắp đặt phải trong điều kiện "như mới". Nhà thầu phải, trong điều kiện tuân thủ các Điều kiện hợp đồng trong suốt quá trình thực hiện Hợp đồng, bảo vệ tất cả các máy móc, thiết bị, và phải được khôi phục/son lại theo nhu cầu cần thiết trước khi hoàn tất Hợp đồng.

### *Yêu cầu khác:*

Trong quá trình thi công, Nhà thầu chỉ thi công trong phạm vi hàng rào công trình hiện hữu. Nhà thầu phải bảo quản các hàng rào hiện hữu này. Khi công trình hoàn thành phần kiến trúc thì nhà thầu mới được thi công hàng rào mới.

Nhà thầu phải cung cấp đầy đủ những tài liệu, dữ liệu có liên quan đến công tác sửa chữa, lắp đặt, vận hành và bảo trì bảo dưỡng cho Chủ đầu tư (nhà thầu kê khai trước trong khi lập hồ sơ dự thầu) đồng thời có phương án thực hiện đầy đủ công tác hướng dẫn sử dụng các tài liệu, dữ liệu nói trên cho Chủ đầu tư hoặc đơn vị quản lý công trình sau này.

Có phương án thực hiện tốt công tác đào tạo, chuyển giao công nghệ trong giai đoạn triển khai dự án và hướng dẫn đào tạo vận hành, bảo dưỡng, bảo trì cho chủ đầu

### **2. Yêu cầu về tổ chức kỹ thuật thi công, giám sát:**

- Tổ chức kỹ thuật thi công, giám sát nhằm đảm bảo chất lượng thi công xây dựng công trình gồm các hoạt động quản lý chất lượng của Nhà thầu; Tư vấn giám sát thi công, Tư vấn quản lý dự án (nếu có) và Chủ đầu tư; giám sát tác giả của Tư vấn thiết kế tuân thủ các qui định tại Nghị định 06/2021/NĐ-CP.

- Nhà thầu phải lập hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với tính chất, nội dung của gói thầu, trong đó các nội dung phải tuân thủ các qui định của Nghị định 06/2021/NĐ-CP.

- Hoàn thành gói thầu, công trình nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng nhà thầu phải có trách nhiệm hệ thống tài liệu, lập hồ sơ hoàn thành công trình đối với phạm vi công việc của gói thầu.

### **3. Yêu cầu về chủng loại, chất lượng vật tư (kèm theo các tiêu chuẩn về phương pháp thử):**

#### *3.1. Yêu cầu chung:*

- Công tác quản lý, nghiệm thu vật tư trước khi đưa vào sử dụng để khẳng định chất lượng đúng theo yêu cầu của thiết kế, HSMT kê cả mẫu mã phải tuân thủ các qui định tại của Nghị định 06/2021/NĐ-CP; Mọi thay đổi về vật tư, thiết bị đều phải được Chủ đầu tư phê duyệt (hoặc nghiệm thu) trước khi đưa vào sử dụng trong công trình.

- Tất cả các chất lượng đối với vật liệu, sản phẩm, cấu kiện, sử dụng cho công trình xây dựng đều phải đảm bảo hợp chuẩn và yêu cầu kỹ thuật theo thiết kế, tuân thủ các qui định tại của Nghị định 06/2021/NĐ-CP;

- Đối với các vật tư theo quy định của tiêu chuẩn khi có yêu cầu kiểm định, thí nghiệm thì tuân thủ theo quy định của tiêu chuẩn; đối với vật tư chưa có quy định trong hệ thống TCVN thì phải có nhà sản xuất bố công bố tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm kèm theo chứng chỉ xuất xưởng và các chứng chỉ thí nghiệm liên quan.

#### *3.2. Đối với vật tư:*

- Tất cả các vật tư thuộc nhóm hàng sản phẩm hàng hóa vật liệu xây dựng quy định trong danh mục Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia số QCVN 16: 2019/BXD phải phù hợp với quy chuẩn này.

- Vật tư chính do Nhà thầu cung cấp phải đảm bảo chất lượng, số lượng, chủng loại, mã hiệu, quy cách, màu sắc, nơi sản xuất đúng như đã ghi trong thiết kế, bảng khối lượng mời thầu hoặc HSDT.

- Tất cả vật tư chính do nhà thầu cung cấp phải phù hợp với yêu cầu thiết kế và các quy định về tiêu chuẩn, các tài liệu chứng minh gồm có:

+ Giấy chứng nhận chất lượng của nhà sản xuất, kết quả thí nghiệm của phòng thí



thực nghiệm hợp chuẩn (đối với vật tư có yêu cầu thí nghiệm theo tiêu chuẩn quy định);

+ Xuất xứ, nhãn mác vật tư, công bố sự phù hợp chất lượng của nhà sản xuất, chứng nhận sự phù hợp chất lượng theo quy định của Luật chất lượng sản phẩm hàng hóa, Luật thương mại và pháp luật khác có liên quan (các TCVN về vật liệu xây dựng).

**Yêu cầu cụ thể đối với các nhóm vật liệu:**

TT	Mã hiệu vật tư <sup>(1)</sup>	Loại vật liệu <sup>(2)</sup>	Yêu cầu kỹ thuật	Thông tin <sup>(3)</sup>
A	B	C	D	E
1		Xi măng, phụ gia cho xi măng và bê tông	Phù hợp với Bảng 1, Phần 2 QCVN 16:2019/BXD và đáp ứng yêu cầu chung theo quy định tại Hồ sơ thiết kế.	
2		Cát xây dựng	-nt-	
3		Vật liệu sơn	TCVN 9404	
4		Các loại phụ gia	14 TCN 109-1999	
5		Keo silicon	-nt-	

<sup>1</sup>Nhà thầu quy định (phù hợp với chiết tính giá của nhà thầu)

<sup>2</sup>Áp dụng cho tất cả các vật liệu chính, vật liệu hoàn thiện, vật liệu điện - nước

<sup>3</sup>Các thông tin về bao gồm: (i) thông tin về nhãn mác vật liệu, hàng hóa (nếu có); (ii) thông tin về địa chỉ, số điện thoại, Web nhà sản xuất (hoặc của nhà cung cấp được nhà sản xuất ủy quyền).

Quy định chi tiết vật liệu

TT	MHVT	Tên vật liệu	Yêu cầu kỹ thuật	Thông tin (nhà thầu đề xuất)	Ghi trang CATALOG hoặc bản vẽ hoặc các ghi chú khác (nếu có)
	Nhà thầu ghi để quản lý	Vật liệu xây dựng (quy cách xem bản vẽ và CDKT)		<p>Các thông tin về bao gồm: (i) thông tin về Hãng sản xuất, xuất xứ, năm sản xuất, tiêu chuẩn áp dụng (nếu có); (ii) thông tin về nhà cung cấp.</p> <p>Nhà thầu có cam kết sử dụng vật tư đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn và thiết kế (trong trường hợp đề xuất trong bảng này mà chưa phù hợp với tiêu chuẩn và thiết kế quy định nếu trúng thầu thì nhà thầu phải đề xuất lại mà không làm tăng đơn giá giá)</p>	Nhà thầu ghi để đề tra cứu
1	Xi măng PCB 30		Ximăng Sản xuất theo công nghệ lò quay, đảm bảo tiêu chuẩn TCVN 6260-2009 yêu cầu của hồ sơ thiết kế, TCVN 9202:2012, QCVN 16:2019/BXD)		
2	Xi măng PCB 40		TCVN 7570:2006		
3	Cát vàng		Dow Corning® 791		
4	Keo cửa nhôm		Thương hiệu Kova, mã lót kháng kiềm (K209 - Gold); mã màu không bóng: K5501-Gold		
5	Bột bả, sơn các loại		Thương hiệu Kova hoặc tương đương		
	Vật tư chống thấm, phụ gia khác.				

#### **4. Yêu cầu về trình tự thi công;**

- Tất cả các công tác thi công xây dựng đều phải lập quy trình thực hiện bao gồm: quy trình triển khai; quy trình thực hiện; quy trình kiểm tra, nghiệm thu và biện pháp quản lý chất lượng, an toàn vệ sinh môi trường và phòng chống cháy nổ.

- Tất cả các công việc khi thi công phải đúng trình tự theo quy định và đến công đoạn nào phải nghiệm thu công việc trước mới thi công tiếp công việc sau.

- Nhà thầu căn cứ dự kiến nguồn lực của mình để đề xuất cụ thể các giai đoạn thi công xây dựng đạt được tối đa tính độc lập về các yếu tố kỹ thuật, sử dụng nhân lực, máy móc thiết bị thi công, tiến độ nghiệm thu thanh toán và phù hợp với tiến độ thi công và tổng tiến độ.

- Công tác thi công trong các công đoạn có yêu cầu kiểm định thông số theo chỉ dẫn của nhà sản xuất thì khi có kết quả kiểm định và được kết luận đạt yêu cầu mới được chuyển bước công đoạn tiếp theo.

#### **5. Yêu cầu về phòng, chống cháy, nổ**

Nhà thầu phải tuân thủ các qui định hiện hành về phòng, chống cháy, nổ của Công An PCCC và của cơ quan chủ đầu tư, ngoài ra nhà thầu còn phải lập biện pháp phòng chống cháy nổ trên công trường đảm bảo các yêu cầu sau:

##### *a. Yêu cầu chung:*

- Không được sử dụng điện quá công suất.

- Không được mang chất dễ cháy, dễ nổ vào khu vực công trường nếu chưa được phép.

- Phải có bảng nội quy về phòng chống cháy nổ đặt tại nơi mà tất cả mọi người trên công trường đều có thể dễ dàng đọc được.

- Phải tổ chức bộ phận cán bộ, công nhân phòng chống cháy nổ tại công trường. Tại công trường phải có ít nhất 1 hoặc 2 cán bộ chuyên trách.

- Phải thường xuyên tổ chức tập huấn cho lực lượng phòng chống cháy nổ.

##### *b. Những yêu cầu cụ thể:*

- Tại công trường nhà thầu phải thành lập ban phòng chống cháy nổ.

- Nhà thầu có trách nhiệm liên hệ với lực lượng cứu hoả và công an cứu hoả địa phương để phối hợp thực hiện.

- Yêu cầu về trang thiết bị và phương tiện phòng cháy, nội quy phòng chống cháy nổ: phải phù hợp với qui định về phòng cháy chữa cháy đối với công trình xây dựng;

- Ngoài ra nhà thầu còn phải có biện pháp phòng cháy chữa cháy đối với công trình liền kề.

#### **6. Yêu cầu về vệ sinh môi trường;**

Nhà thầu phải tuân thủ các qui định về đảm bảo vệ sinh môi trường trong quá trình xây dựng theo Khoản 3 Điều 73 của Luật Môi trường, Thông tư số 02/2018/TT-BXD ngày 06/2/2018 của Bộ Xây dựng về việc quy định về bảo vệ môi trường trong thi công xây dựng công trình và chế độ báo cáo công tác bảo vệ môi trường ngành xây dựng. Ngoài ra, nhà thầu phải:

- Có trách nhiệm phải quán triệt, thống nhất ý nghĩa, nội dung cần phải giữ gìn, bảo vệ môi trường cảnh quan trong khu vực đối với toàn thể cán bộ, công nhân viên tham gia thi công công trình.

- Tất cả các xe chở vật tư, vật liệu rời, phế thải trên đường phải có bạt che phủ trên thùng xe.

- Không được sử dụng các hợp chất phụ có ảnh hưởng đến môi trường.

- Vật liệu thải phải được thu dọn gọn gàng và đổ vào đúng nơi qui định sau đó được chở ra ngoài công trình bằng ô tô tự đổ đổ tại vị trí Chủ đầu tư cho phép.

- Trên công trường, nhà thầu phải bố trí các bãi vật liệu gọn gàng, đúng nơi quy định, thi công xong thu dọn sạch sẽ các vật liệu thừa, đảm bảo vệ sinh môi trường.

- Nơi ăn ở của cán bộ công nhân viên trên công trường phải đủ điều kiện về vệ sinh, các chất thải phải đổ đúng nơi quy định và có biện pháp xử lý cụ thể.

- Nhà vệ sinh chung của công trường phải đặt tại nơi kín gió, kín đáo.

- Xung quanh công trình, lán trại, kho bãi nhà thầu phải bố trí hệ thống rãnh, hố ga thoát nước trong thời gian thi công. Phải có máy bơm thường xuyên túc trực để bơm nước tránh tụ thủy trong suốt quá trình thi công.

- Máy móc thi công phải được để đúng nơi quy định, các loại dầu mỡ thải phải được đổ đúng nơi quy định và phải có biện pháp xử lý. Các thiết bị máy móc phải đảm bảo về điều kiện chống ồn, mức độ khí thải đảm bảo trong giới hạn cho phép.

- Nhà thầu phải có hệ thống bạt kết hợp với rào chắn để che chắn bụi cho từng khu vực thi công và toàn bộ công trình.

- Khi thi công xong đến đoạn nào thì phải tổ chức vệ sinh sạch sẽ. Trả lại môi trường cảnh quan như cũ.

#### **7. Yêu cầu về an toàn lao động;**

Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về an toàn lao động trên công trường. Nhà thầu phải tuân thủ qui phạm kỹ thuật an toàn lao động trong xây dựng theo TCVN 5308-91 và các qui định tại Thông tư số 04/2017/TT-BXD ngày 30/3/2017 của Bộ Xây dựng quy định về quản lý an toàn lao động trong thi công xây dựng công trình; ngoài các qui định này, nhà thầu còn phải đảm bảo các yêu cầu cụ thể sau:

- Chỉ huy trưởng công trường, cán bộ quản lý công tác an toàn vệ sinh lao động trên công trường trước khi thi công công trình phải có chứng nhận đã được huấn luyện an toàn lao động, vệ sinh lao động theo qui định tại Thông tư 19/2017/TT-BLĐTBXH ngày 03/7/2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội Quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động.

- Các biện pháp an toàn phải đảm bảo tối thiểu theo QCVN 18: 2014/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia “An toàn trong xây dựng”;

- Nhà thầu phải thành lập hệ thống an toàn lao động chuyên trách hoặc kiêm nhiệm từ cấp chỉ huy đến cấp đội, tổ sản xuất.

- Trong từng giai đoạn thi công, nhà thầu phải lập và nêu rõ biện pháp đảm bảo an toàn lao động cho giai đoạn đó.

- Trên công trường nhà thầu phải bố trí hệ thống nội quy an toàn, biển báo, biển cấm, khẩu hiệu... được đặt tại những nơi thuận tiện cho tất cả mọi người trong công trường đều có thể đọc được.

- Trên công trường nhà thầu phải có tủ thuốc và một số dụng cụ cấp cứu tại chỗ.

- Nhà thầu phải trang bị đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ lao động cho cán bộ công nhân viên như mũ, ủng, găng tay, quần áo, kính....

- Phải có dây đeo an toàn khi thi công trên cao ngoài nhà và các vị trí nguy hiểm.
- Tuyệt đối không được uống rượu trong khi thi công.

### **8. Biện pháp huy động nhân lực và thiết bị phục vụ thi công;**

#### a) Yêu cầu về huy động nhân lực

Nhà thầu phải có biện pháp huy động nhân lực hợp lý trong từng giai đoạn thi công:

- Đối với lực lượng cán bộ thi công: phải bố trí cơ cấu cán bộ kỹ thuật đã có kinh nghiệm thi công, đã thi công nhiều công trình có quy mô, tính chất tương tự.

- Đối với công nhân: có đủ cơ cấu và số lượng công nhân kỹ thuật có tay nghề bậc thợ phù hợp với các công việc thi công xây dựng, lắp đặt của gói thầu.

- Các tổ, đội thi công phải được huy động căn cứ vào tiến độ thi công đã được duyệt, tránh hiện tượng chồng chéo trong khi thi công.

#### b) Yêu cầu về huy động thiết bị phục vụ thi công.

Ngay sau khi được Chủ đầu tư bàn giao mặt bằng thi công công trình, Nhà thầu huy động các thiết bị, máy móc phục vụ thi công theo từng giai đoạn thi công. Trước mỗi giai đoạn thi công khoảng 1-5 ngày nhà thầu phải chuẩn bị đầy đủ máy móc, thiết bị phục vụ thi công cho giai đoạn tiếp theo.

### **9. Yêu cầu về biện pháp tổ chức thi công tổng thể và các hạng mục;**

Bằng tài nguyên và năng lực của nhà thầu, Nhà thầu phải đưa ra tài liệu thuyết minh và bản vẽ, trình bày đầy đủ và rõ ràng để có thể đáp ứng tốt nhất các yêu cầu kỹ thuật trong hồ sơ và chỉ dẫn kỹ thuật do chủ đầu tư cung cấp; trong đó:

#### i) Các nội dung chung:

- Nhà thầu phải lường trước và nêu ra các trường hợp khó khăn có thể xảy ra làm ảnh hưởng đến việc thi công và dự kiến phương án giải quyết hay đề nghị giải quyết các trường hợp đó.

- Việc đưa ra biện pháp hợp lý, chi tiết khoa học sẽ tạo tiền đề thuận lợi cho nhà thầu khi chủ đầu tư xem xét Hồ sơ mời thầu.

- Biện pháp tổ chức thi công kết hợp với tiến độ sẽ đánh giá mức độ hiểu biết và tiếp cận dự án của nhà thầu, nhằm quyết định xem các nhà thầu có khả năng thực hiện hợp đồng trong khuôn khổ thời gian hoàn tất cho phép được hay không.

- Nhà thầu chú ý rằng các biện pháp mà nhà thầu đã nêu ra trong HSDT sẽ là các biện pháp sử dụng khi trúng thầu, nên nhà thầu phải cân nhắc, tính toán kỹ càng. Trong trường hợp trúng thầu, khi thi công nhà thầu sử dụng các biện pháp khác biện pháp đã nêu trong Hồ sơ mời thầu thì ngoài việc đảm bảo kỹ thuật và đảm bảo tiến độ đã nêu, sau khi được chủ đầu tư chấp thuận, nhà thầu sẽ phải chịu toàn bộ các chi phí phát sinh (nếu có).

ii) Tổ chức tổng mặt bằng thi công và nhà tạm tại hiện trường để ở và điều hành thi công:

- Nhà thầu phải tự khảo sát mặt bằng công trình và khu vực xây dựng công trình (an ninh, phong tục, tập quán và các quy định của địa phương) để đưa ra phương án tổ chức tổng mặt bằng thi công công hợp lý (bao gồm trong và ngoài phạm vi khu đất xây dựng công trình; các bãi thải đổ phế thải xây dựng, rác thải sinh hoạt và xử lý nước thải...), đảm bảo an ninh, an toàn, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ.

- Nhà thầu phải tính toán quy mô sử dụng, độ bền vững và có kế hoạch tiến độ xây dựng, kèm theo khối lượng các hạng mục nhà tạm tại hiện trường để ở và điều hành thi công

trong suốt quá trình thi công xây dựng công trình (bao gồm kế hoạch xây dựng, hoàn thành và tháo dỡ hoàn trả mặt bằng).

- Nhà thầu phải tự khảo sát và đưa ra các giải pháp cung cấp điện, nước thi công, cung cấp vật tư phù hợp với biện pháp bảo quản vật tư trong thời gian lưu kho tại công trường.

- Ngoài các yếu tố cảnh báo về an toàn, vệ sinh, an ninh, phòng chống cháy nổ; nhà thầu cần phải tính toán các yếu tố hoạt động các phương tiện thi công, nhân lực ... có ảnh hưởng ngoài phạm vi công trường và đề ra các biện pháp xử lý để đảm bảo không gây ra gián đoạn trong quá trình thi công (kể cả các thủ tục hành chính cần thiết).

#### **10. Yêu cầu về hệ thống kiểm tra, giám sát chất lượng của nhà thầu;**

- Nhà thầu phải đề xuất chi tiết kế hoạch triển khai trong giai đoạn chuẩn bị để khởi công công trình phù hợp với tiến độ thi công, tiến độ huy động vật tư, nhân lực, phương tiện thi công và quy định của pháp luật xây dựng.

- Nhà thầu phải nêu rõ những biện pháp cụ thể nhằm theo dõi và quản lý chất lượng thi công.

- Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về kỹ thuật, chất lượng đảm bảo tuân thủ đầy đủ và đúng đắn các yêu cầu kỹ thuật.

- Trong quá trình thi công phải thường xuyên theo dõi và kiểm tra chất lượng. Tất cả công tác theo dõi và kiểm tra chất lượng tại hiện trường của nhà thầu phải được ghi chép vào sổ nhật ký công trình. Đối với các tài liệu cơ bản, tài liệu thí nghiệm, biên bản nghiệm thu... nhà thầu phải lập thành hồ sơ lưu trữ cả ở công trường lẫn văn phòng của nhà thầu để cán bộ giám sát, cán bộ quản lý dự án, chủ đầu tư và bất kỳ người nào khác được chủ đầu tư ủy quyền có thể tham khảo và xem xét vào bất cứ thời gian nào.

#### **II. Yêu cầu các thông số bảo hành:**

- Thời gian bảo hành đối với hạng mục xây dựng: thời hạn bảo hành tối thiểu là 12 tháng (chi tiết các quy định liên quan theo Nghị định 06/2021/NĐ-CP ngày 15/01/2021 của Chính phủ Về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng);

- HSDT có đề xuất về thông số bảo hành không đạt yêu cầu tối thiểu nêu trên sẽ bị loại và không được đánh giá các bước tiếp theo. Các chỉ tiêu bảo hành đề xuất trong HSDT sẽ được đánh giá theo nguyên tắc trên cùng một mặt bằng và tiêu chuẩn đánh giá quy định của HSMT.

#### **III. Quy trình, quy phạm áp dụng cho việc thi công, nghiệm thu công trình**

1. Áp dụng toàn bộ Quy chuẩn, Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam cho thi công và nghiệm thu công trình; Nếu có tiêu chuẩn nước ngoài được áp dụng vào công trình thì được chỉ định rõ trong hồ sơ thiết kế, Nhà thầu chỉ áp dụng các tiêu chuẩn nước ngoài cho các công việc cụ thể được chỉ định rõ.

2. Đối với các công tác khác không có quy định trong tiêu chuẩn Việt Nam sẽ theo yêu cầu hoặc chỉ dẫn cụ thể trong bản vẽ thiết kế (kể cả theo các tiêu chuẩn nước ngoài). Những mục không ghi rõ trong hồ sơ bản vẽ thiết kế thì Nhà thầu có ý kiến bằng văn bản để cơ quan thiết kế trả lời cụ thể

3. Nhà thầu phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về chất lượng thi công công trình do mình đảm nhiệm trước Nhà nước và Chủ đầu tư.

4. Phải thực hiện đầy đủ các nội dung hồ sơ thiết kế đã được cấp thẩm quyền phê duyệt.

5. Để đảm bảo kỹ thuật, chất lượng công trình và thống nhất cho việc kiểm tra nghiệm thu, ngoài các quy định trong quản lý chất lượng, quy chế giám sát; Chủ đầu tư giới thiệu một số văn bản, tiêu chuẩn quy định quy trình thi công và nghiệm thu:

- Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng.
- Công tác trắc địa trong xây dựng công trình TCVN 9398: 2012.
- Quy phạm kỹ thuật an toàn trong xây dựng TCVN 5038 : 1991.
- Lưới thép hàn dùng trong kết cấu bê tông cốt thép – Tiêu chuẩn thiết kế, thi công lắp đặt và nghiệm thu: TCVN 9391:2012.
- Xi măng xây trát TCVN 9202:2012.
- Nước trộn bê tông và vữa – Yêu cầu kỹ thuật TCVN 4506:2012.
- Công tác hoàn thiện trong xây dựng – Thi công và nghiệm thu – Phần 1: Công tác lát và láng trong xây dựng TCVN 9377-1:2012.
- Công tác hoàn thiện trong xây dựng – Thi công và nghiệm thu – Phần 2: Công tác trát trong xây dựng TCVN 9377:-2:2012.
- Công tác hoàn thiện trong xây dựng – Thi công và nghiệm thu – Phần 3: Công tác ốp trong xây dựng TCVN 9377:-3:2012.
- Tiêu chuẩn quốc gia TCVN9404:2012 sơn xây dựng – Tiêu chuẩn nghiệm thu sơn nước.
- Tiêu chuẩn nghiệm thu cửa nhôm kính TCVN 9366-2:2012
- Và các tiêu chuẩn hiện hành của Nhà nước Việt Nam.

#### **IV. Yêu cầu về tổ chức kỹ thuật thi công, giám sát**

##### **IV.1 Tổ chức mặt bằng công trường**

Yêu cầu Nhà thầu phải có biện pháp thi công chi tiết đảm bảo không ảnh hưởng đến hoạt động của các cơ quan, nhà dân khu vực xung quanh.

- Có tính toán các công trình tạm phục vụ:

+ Diện tích bãi vật liệu rời;

+ Diện tích khi bãi vật tư

+ Diện tích khu vực tập kết chất thải

+ Tính toán nhu cầu sử dụng công suất điện và thiết kế đường điện phục vụ thi công.

+ Tính toán nhu cầu sử dụng nước và thiết kế đường nước phục vụ thi công.

- Bản vẽ tổng mặt bằng thi công phải thể hiện được:

+ Vị trí và ranh giới các công trình chính, công trình tạm, các bãi tập kết vật liệu, bãi gia công cấu kiện, vị trí máy móc thiết bị thi công, đường ra vào công trường, phương án tổ chức giao thông trong công trường đảm bảo khá thi. Đối với Nhà điều hành ban chỉ huy công trường, nhà ở công nhân phải có kích thước mặt bằng cụ thể trên bản vẽ.

+ Giải pháp cấp nguồn điện, nước, sơ đồ đường điện (dự kiến điểm đấu nối, tính toán nhu cầu sử dụng điện, nước, sơ đồ cấp điện ... phù hợp với tổng mặt bằng)

+ Cấu tạo và vị trí hàng rào tạm khu vực thi công, bố trí các biển báo trên bản vẽ tổng mặt bằng của công trình, vị trí nhà bảo vệ.

+ Thoát nước thải và nước mặt, nước thi công phần hoàn thiện, cấu tạo hố ga thoát nước.

##### **IV.2. Giám sát thi công**

Giám sát kỹ thuật của Chủ đầu tư được quyền bất cứ lúc nào cũng được tiếp cận các vị trí thi công để kiểm tra công tác của nhà thầu. Nhà thầu có trách nhiệm hỗ trợ giám sát kỹ thuật của Chủ đầu tư trong công tác trên.

Toàn bộ vật liệu, bán thành phẩm sản xuất chỉ được đưa vào công trình sau khi có văn bản nghiệm thu của giám sát kỹ thuật công trình. Mọi vật liệu, bán thành phẩm không được giám sát kỹ thuật chấp nhận phải chuyển khỏi phạm vi công trường.

Khi phát hiện những bất hợp lý trong thiết kế thi công có thể gây tổn hại tới công trình hoặc thiệt hại vật chất cho Chủ đầu tư thì nhà thầu phải thông báo cho tổ chức thiết kế có biện pháp xử lý.

Mọi vật tư thay thế có chất lượng tương đương và phải có chứng chỉ của nhà sản xuất và được tổ chức thiết kế, Chủ đầu tư cho phép bằng văn bản mới được đưa vào công trường.

Các phần khuất của công trình trước khi lắp phải có biên bản nghiệm thu. Nếu không tuân theo những quy định trên thì mọi tổn thất phục hồi công trình do nhà thầu chịu.

Nhà thầu phải chấp nhận tạm thời đình chỉ hoặc hoãn thi công không được đòi hỏi bồi hoàn thiệt hại theo yêu cầu của tư vấn giám sát hoặc Chủ đầu tư trong những trường hợp sau: Do lý do an ninh và an toàn lao động trên công trường và do nguyên nhân thời tiết khí hậu.

## **V. Yêu cầu vật tư, thiết bị trong công tác thi công xây lắp**

### **V.1. Yêu cầu chung**

- Vật tư, vật liệu, đưa vào công trình phải mới 100% và có xuất xứ rõ ràng, tính năng đáp ứng yêu cầu của HSMT. Đối với vật tư xây lắp vào công trình thì sản xuất từ ngày 01/01/2022 trở về đây.

- Vật tư chuyển vào công trình vận chuyển đến tận công trình phải còn nguyên đai, nguyên kiện. Chủ đầu tư và tư vấn giám sát sẽ kiểm tra và nghiệm thu sơ bộ khi vật tư đến công trình. Những vật tư nào không còn nguyên đai, nguyên kiện sẽ không được đưa vào công trình, nhà thầu phải thay thế bằng vật tư khác. Mọi chi phí thay thế do nhà thầu chịu.

- Các loại vật liệu, vật tư, ngoài việc đáp ứng yêu cầu của HSMT, còn phải thực hiện theo yêu cầu của thuyết minh thiết kế, chỉ dẫn kỹ thuật và bản vẽ thiết kế thi công đã được duyệt.

- Tất cả các chủng loại vật tư vật liệu của công trình theo yêu cầu của thiết kế, khuyến khích các Nhà thầu sử dụng các loại vật liệu được đánh giá là tốt hơn yêu cầu trên để đưa vào công trình. Các loại vật liệu phải có chứng từ chứng minh nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, có đầy đủ các chứng chỉ đảm bảo tiêu chuẩn do cơ quan có chức năng của Việt Nam cấp, vật tư vật liệu trước khi đưa vào công trình phải được sự đồng ý phê duyệt của Chủ đầu tư bằng văn bản.

- Trong trường hợp Chủ đầu tư hoặc tư vấn giám sát phát hiện vật tư đưa vào công trình không đảm bảo quy cách chất lượng, không đúng nguồn gốc cung cấp đã báo cáo với Chủ đầu tư ... nhà thầu bị coi là vi phạm hợp đồng. Mỗi lần vi phạm nhà thầu phải đưa ngay số vật tư đó ra khỏi công trường. Nếu vi phạm đến 3 lần Chủ đầu tư có quyền hủy bỏ hợp đồng với nhà thầu.

- Nhà thầu phải trình chủ đầu tư hoặc cán bộ tư vấn giám sát nghiệm thu tất cả các vật liệu trước khi đưa vào sử dụng cho công trình. Các vật liệu chính như xi măng, cát, đá, sơn, bột phụ gia... phải có chứng chỉ của nhà sản xuất.

- Các thí nghiệm để xác định chất lượng vật tư sử dụng cho công trình phải được thực hiện theo đúng các quy định hiện hành và nhà thầu phải tự thực hiện bằng kinh phí của mình.

- Các vật liệu, vật tư,... được kiểm tra sẽ do Nhà thầu cung cấp, Chủ đầu tư có quyền kiểm định bất cứ loại vật liệu nào sử dụng cho công trình vào bất kỳ thời điểm và nơi lưu giữ nào. Trường hợp vật liệu, vật tư ... không đảm bảo chất lượng sau kiểm định thì chi phí kiểm định nhà thầu phải chi trả toàn bộ. Trường hợp sản phẩm đáp ứng yêu cầu thì Chủ đầu tư chi trả.

- Vật tư chủ yếu ...do Nhà thầu cung cấp phải đảm bảo chất lượng, số lượng, chủng loại, mã hiệu, quy cách, màu sắc, nơi sản xuất đúng như đã ghi trong HSMT và phải được tổ chức nghiệm thu theo quy định trước khi đưa vào sử dụng để khẳng định chất lượng đúng theo yêu cầu của thiết kế, HSMT hay mẫu mã được thống nhất giữa Nhà thầu, Chủ đầu tư và Tư vấn thiết kế



**Lưu ý:** Các vật tư này trong quá trình thi công không được phép thay đổi nếu chưa được phép của chủ đầu tư. Trường hợp thay thế thì phải phù hợp với đề xuất tài chính của nhà thầu.

**V.2. Yêu cầu cụ thể vật tư, vật liệu trong công tác xây lắp**

Nhà thầu phải có bảng kê khai chủng loại vật tư, vật liệu dùng cho gói thầu theo Mẫu sau và phải đóng cùng với Hồ sơ đề xuất về kỹ thuật. (Chủng loại, chất lượng vật tư hàng hóa theo Yêu cầu tại HSMT:

**Mẫu số 01: Bảng đề xuất vật tư, vật liệu sử dụng cho công trình**

STT	Loại vật tư, vật liệu	Đơn vị tính	Ký mã hiệu (nếu có)	Nhà sản xuất, cung cấp	Nguồn gốc/ xuất xứ	Ghi chú
1	Vật tư, vật liệu					
1.1	Xi măng Poolang					
1.2	Cát					
...	Sơn					

**Ghi chú:**

- Nhà thầu phải kê khai đầy đủ các cột cho tất cả các vật tư, vật liệu dùng cho công trình. Cột tên vật tư nêu rõ hãng sản xuất, cột nguồn gốc, xuất xứ ghi rõ cụ thể. Các loại vật tư, vật liệu Nhà thầu đề xuất ngoài biểu mẫu trên sẽ không được xem đánh giá về mặt kỹ thuật.
- Bảng này yêu cầu nhà thầu phải nộp cùng HSMT.

**1. Xi măng Pooclang:**

Xi măng dùng để thi công là xi măng Pooclang hỗn hợp theo tiêu chuẩn xi măng TCVN 6260:2009; Xi măng pooc lang – Yêu cầu kỹ thuật TCVN 2682:2009.

Tại mọi thời điểm nhà thầu phải cung cấp các chứng chỉ xác nhận của nhà sản xuất xi măng đảm bảo các tiêu chuẩn yêu cầu trong thời gian sử dụng, chứng nhận này là do cơ quan tư vấn độc lập cấp, được ký duyệt. Mỗi lô xi măng phải được kèm theo chứng chỉ của nhà sản xuất chỉ rõ rằng xi măng đã được kiểm tra, phân tích thành phần hoá học và chỉ tiêu vật lý. Mỗi lô xi măng sau khi mang đến công trường sẽ được kiểm tra và phân tích lại theo tiêu chuẩn hiện hành.

Xi măng cần giữ tại hiện trường trong điều kiện phù hợp.

Xi măng còn nóng cần phải lưu kho, không được sử dụng ngay nhưng không để lâu quá 28 ngày tại kho công trường. Không sử dụng xi măng đã sản xuất quá 12 tháng.

Xi măng phải được giao dưới dạng có bao bì còn nguyên niêm và nhãn mác trên bao, xi măng phải có đủ tại công trình để đảm bảo thi công được liên tục và phải được sử dụng trong thời gian ngắn nhất và phải được luân chuyển, tránh trường hợp xi măng để lâu, chất lượng kém. Xi măng chuyển đến công trình phải bảo quản tốt để chống bị ngấm nước, bị ẩm do khí hậu. Xi măng xếp trong kho phải có nền cao 30cm so với mặt đất, xếp không cao quá 09 bao. Phải thông thoáng và chống ẩm ướt. Xi măng trước khi sử dụng phải kiểm tra chất lượng. Bất kỳ xi măng nào chứa tại công trường không phù hợp với tiêu chuẩn kỹ thuật, chất lượng theo tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành Nhà thầu phải đưa ra khỏi công trình.

**2. Cát xây dựng**

Phải được cung cấp từ nguồn đã quy định và phù hợp với tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành

và phải được rửa sạch khi sử dụng, đảm bảo đúng cấp phối theo thiết kế. Cát phải được lấy từ nguồn có khả năng cung cấp cát có phẩm chất đều đặn và đảm bảo trong suốt quá trình thi công công trình.

3. Sơn chống kiềm ngoài nhà
4. Dung dịch chống thấm, phụ gia các loại.
5. Keo silicon cửa nhôm kính.

#### **VI. Yêu cầu về trình tự thi công.**

Nhà thầu tự đưa ra trình tự thi công, lắp đặt hợp lý, phù hợp với tiến độ thi công công trình. Nhà thầu phải trình cho Tư vấn giám sát và Chủ đầu tư các biện pháp chi tiết trước khi thực hiện công việc của một hạng mục công trình đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn hiện hành, không gây hại đến các phần thi công trước. Tất cả các công việc thi công thực hiện theo trình tự:

- Sau mỗi công đoạn thi công, trước khi chuyển bước thi công công việc khác thì phải được Tư vấn giám sát nghiệm thu trước khi thi công công việc tiếp theo.

- Việc kiểm tra chất lượng được tiến hành theo yêu cầu của Chủ đầu tư khi được nhà thầu mời nghiệm thu hạng mục công trình, để thanh toán hoặc để chuyển tiếp giai đoạn thi công, hoặc theo yêu cầu của Chủ đầu tư trong quá trình thi công.

- Công tác kiểm tra chất lượng phải ghi rõ các kết quả kiểm tra, các thông số đo đạc về kích thước hình học, cao độ cùng các chỉ tiêu kỹ thuật khác như kết quả thí nghiệm vật liệu cùng các yêu cầu liên quan khác. Kết quả kiểm tra chất lượng phải được ghi rõ vào biên bản kiểm tra, đặc biệt là các hạng mục công trình ngầm, ẩn khuất.

- Nhà thầu sẽ phải thực hiện bất kỳ những việc kiểm tra và thí nghiệm cần thiết khác theo yêu cầu của chủ đầu tư khi xét thấy cần thiết để đảm bảo cho ổn định chất lượng của công trình.

- Khi kiểm tra lại các hạng mục công trình hoặc các nguyên vật liệu thi công có kết quả không đạt các tiêu chuẩn kỹ thuật thì nhà thầu tiến hành ngay việc sửa chữa hoặc phá dỡ các sản phẩm, các nguyên vật liệu đó. Chi phí do nhà thầu chịu.

#### **VI. Yêu cầu về phòng, chống cháy, nổ**

Nhà thầu phải thiết lập nội quy phòng chống cháy nổ và tổ chức lực lượng xung kích tại chỗ để tuyên truyền cho công nhân lao động có ý thức chấp hành PCCC.

- Phải nghiêm cấm mọi vật liệu gây nổ đưa vào công trường.
- Có thiết bị phòng cháy: Bể cát, kho xăng, bình cứu hỏa ở các máy, phương tiện quan trọng, nước, xô chậu, thang, câu liềm.
- Luôn kiểm tra hệ thống điện để phòng chập điện gây cháy.
- Lán trại kho bãi có biện pháp phòng cháy: vải lọc, giấy dầu, bi tum, xăng, dầu... chúng tôi có rào chắn cấm lửa.
- Có nội quy phòng cháy.
- Có phương án phòng cháy và huấn luyện tập duyệt.
- Cấm hút thuốc ở những nơi cấm lửa hoặc gần chất cháy.

#### **VII. Yêu cầu về vệ sinh môi trường**

- Nhà thầu thi công xây dựng phải thực hiện các biện pháp bảo đảm về môi trường cho người lao động trên công trường và bảo vệ môi trường xung quanh, bao gồm có biện pháp chống bụi, chống ồn và thu dọn hiện trường; nước thải, chất thải rắn và các loại chất thải khác

phải được thu gom xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường. Đối với những công trình xây dựng trong khu vực đô thị, phải thực hiện các biện pháp bao che, thu dọn phế thải đưa đến đúng nơi quy định.

- Trong quá trình vận chuyển vật liệu xây dựng, phế thải phải có biện pháp che chắn bảo đảm an toàn, vệ sinh môi trường.

- Nhà thầu thi công xây dựng, chủ đầu tư phải có trách nhiệm kiểm tra giám sát việc thực hiện bảo vệ môi trường xây dựng, đồng thời chịu sự kiểm tra giám sát của cơ quan quản lý nhà nước về môi trường. Trường hợp nhà thầu thi công xây dựng không tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường thì chủ đầu tư, cơ quan quản lý nhà nước về môi trường có quyền tạm dừng thi công xây dựng và yêu cầu nhà thầu thực hiện đúng biện pháp bảo vệ môi trường.

- Các tổ chức, cá nhân dễ xảy ra các hành vi làm tổn hại đến môi trường trong quá trình thi công Thi công xây lắp công trình phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra.

- Bãi thải phải được sự chấp thuận của chính quyền địa phương nơi đổ.

- Nhà thầu có trách nhiệm dọn dẹp mặt bằng trước lúc thi công và dỡ bỏ từng phần thiết bị, phương tiện, làm sạch mặt bằng trong thời gian thi công và sau khi hoàn thành công việc, kể cả các lều lán không cần thiết, các vật liệu thừa, rác vụn sinh ra trong thi công.

### **VIII. Yêu cầu về an toàn lao động**

- Nhà thầu thi công xây dựng phải lập các biện pháp an toàn cho người, máy móc thiết bị và công trình trên công trường xây dựng, kể cả các công trình phụ cận. Trường hợp các biện pháp an toàn liên quan đến nhiều bên thì phải được các bên thống nhất.

- Phải có bản vẽ an toàn (thể hiện các lối lên xuống; lan can xung quanh trên các bản vẽ mặt cắt, biện pháp che phủ xung quanh được thể hiện trên các mặt cắt).

- Biện pháp an toàn, nội quy về an toàn lao động phải được thể hiện công khai trên công trường xây dựng để mọi người biết và chấp hành; những vị trí nguy hiểm trên công trường phải bố trí người hướng dẫn, cảnh báo đề phòng tai nạn.

- Nhà thầu thi công xây dựng, chủ đầu tư và các bên có liên quan phải thường xuyên kiểm tra giám sát công tác an toàn lao động trên công trường. Khi phát hiện có vi phạm về an toàn lao động thì phải đình chỉ thi công xây dựng. Người dễ xảy ra vi phạm về an toàn lao động thuộc phạm vi quản lý của mình phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

- Nhà thầu thi công xây dựng có trách nhiệm đào tạo, hướng dẫn, phổ biến các quy định về an toàn lao động cho người lao động của mình. Đối với một số công việc yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động thì người lao động phải có giấy chứng nhận đào tạo về an toàn lao động.

- Nhà thầu thi công xây dựng có trách nhiệm cấp đầy đủ các trang bị bảo hộ lao động, an toàn lao động cho người lao động theo quy định khi sử dụng lao động trên công trường.

- Khi có sự cố về an toàn lao động, nhà thầu thi công xây dựng và các bên có liên quan có trách nhiệm tổ chức xử lý và báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về an toàn lao động theo quy định của pháp luật đồng thời chịu trách nhiệm khắc phục và bồi thường những thiệt hại do nhà thầu không bảo đảm an toàn lao động gây ra.

- Nhà thầu phải chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tai nạn và hư hỏng nào xảy ra trên công trường do không đảm bảo an toàn lao động gây ra.

### **IX. Biện pháp huy động nhân lực và thiết bị phục vụ thi công**

Nhà thầu phải huy động nhân lực và thiết bị phục vụ thi công với số lượng tối thiểu đáp ứng yêu cầu tại HSMT.

Để đảm bảo tiến độ thi công công trình, nhà thầu phải bổ sung thêm nhân lực và máy móc thiết bị nếu được Chủ đầu tư yêu cầu.

Nhân lực của Nhà thầu trên công trường đáp ứng đúng yêu cầu hồ sơ dự thầu và phải được TVGS kiểm tra ký xác nhận bằng văn bản. Không chấp nhận các cán bộ kỹ thuật của Nhà thầu không có tên trong hồ sơ dự thầu có mặt tại công trường nếu không được Chủ đầu tư chấp thuận bằng văn bản.

Máy móc, thiết bị thi công và trang thiết bị văn phòng của Nhà thầu trên công trường trước khi thi công đều phải được kiểm tra về số lượng, chủng loại, tính năng và tình trạng kỹ thuật đáp ứng yêu cầu thiết kế đề ra và hồ sơ dự thầu, đồng thời phải được TVGS ký xác nhận bằng văn bản mới được phép triển khai thi công. Không chấp nhận các loại máy móc thiết bị không có đăng kiểm hoạt động trên công trường.

Trong trường hợp thay đổi thiết bị thi công thì nhà thầu phải mang thiết bị thi công mới đến công trường thì mới cho phép di chuyển thiết bị thi công cũ ra khỏi công trường.

\*) Nhà thầu phải kèm theo biểu đồ huy động nhân lực thi công trong HSDT. Biểu đồ phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- Biểu đồ nhân lực: Thể hiện số người tham gia thi công (*Không tính cán bộ kỹ thuật*) trên từng thời đoạn thi công tương ứng theo bảng tiến độ thi công chi tiết đã lập theo mẫu được quy định tại của HSMT này.

\*) Trong quá trình thương thảo thì nhà thầu phải trình Chủ đầu tư bảng danh sách máy móc huy động cụ thể với các nội dung tối thiểu sau:

TT	Tên máy móc	Công suất hoặc đặc điểm thiết bị	Thời điểm máy có mặt tại công trường	Ghi chú
1	Tên loại máy 1			
2	Tên loại máy 2			
...	...			

#### X. Yêu cầu về biện pháp tổ chức thi công tổng thể và các hạng mục

- Biện pháp tổ chức thi công chi tiết nhà thầu đưa ra phải phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn thi công hiện hành, phù hợp với thiết kế bản vẽ thi công, điều kiện thi công, hiện trạng công trình và tiến độ thi công. Bản vẽ biện pháp nêu trong E-HSDT của nhà thầu phải đáp ứng các yêu cầu tối thiểu dưới đây:

TT	Mô tả nội dung công việc	Yêu cầu tối thiểu bản vẽ biện pháp của các công việc yêu cầu
1	<i>Phân bản vẽ biện pháp thi công sơn</i>	
(*)	<i>Thi công tạo sơn cũ, vệ sinh bề mặt tường.</i>	<b>Tối thiểu 2 bản vẽ:</b> 1) Bản vẽ mặt bằng tổng thể: Bản vẽ mặt bằng thể hiện được phạm vi thi công, hệ thống giàn giáo, cáp treo phục vụ công tác thi công vệ sinh tường. 2) Bản vẽ mặt đứng trực diện hình: Thể hiện được kích thước, phạm vi thi công, cao độ của một trục tường điển hình
(*)	<i>Thi công sơn</i>	<b>Tối thiểu 2 bản vẽ:</b> 1) Bản vẽ mặt bằng tổng thể: Bản vẽ mặt bằng thể hiện được

TT	Mô tả nội dung công việc	Yêu cầu tối thiểu bản vẽ biện pháp của các công việc yêu cầu
		phạm vi thi công sơn, hệ thống giàn giáo, cáp treo phục vụ công tác thi công sơn. 2) Bản vẽ mặt đứng trục điển hình : Thể hiện được kích thước, phạm vi thi công, cao độ của một trục sơn tường điển hình
2	<b>Bản vẽ Thi công bơm keo vách kính; sửa chữa ban công</b>	<b>Tối thiểu 1 bản vẽ:</b> - Bản vẽ điển hình thi công chi tiết các công tác hoàn thiện.

**Lưu ý:** Để có thể đánh giá tính hợp lý, khả thi của biện pháp thi công. Yêu cầu toàn bộ các bản vẽ mặt bằng, mặt cắt trên phải có kích thước cụ thể, cao độ cụ thể theo thiết kế của gói thầu.

- Biện pháp tổ chức thi công kết hợp với tiến độ sẽ đánh giá mức độ hiểu biết và tiếp cận dự án của nhà thầu, nhằm quyết định xem các nhà thầu có khả năng thực hiện hợp đồng trong khuôn khổ thời gian hoàn tất cho phép được hay không. Nhà thầu chú ý rằng các biện pháp thi công mà nhà thầu đã nêu ra trong Hồ sơ dự thầu sẽ là các biện pháp sử dụng khi trúng thầu, các biện pháp này là cơ sở để chủ đầu tư và tư vấn giám sát nghiệm thu. Do vậy nhà thầu phải cân nhắc, tính toán kỹ càng.

#### **XI. Yêu cầu về hệ thống kiểm tra, giám sát chất lượng của nhà thầu;**

Nhà thầu phải tuân thủ quy định của Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng và các văn bản liên quan.

\* Việc kiểm tra chất lượng các hạng mục công trình sẽ được thể hiện trong hợp đồng. Tuy vậy chủ đầu tư lưu ý thêm những vấn đề sau:

- Việc kiểm tra chất lượng được tiến hành, khi được nhà thầu thông báo đề nghị nghiệm thu chất lượng hạng mục công trình để chuyển tiếp giai đoạn thi công hoặc kết thúc công tác xây lắp hoặc theo yêu cầu của chủ đầu tư trong quá trình thi công khi giám sát kỹ thuật thi công thấy không đảm bảo và tin cậy về mặt kỹ thuật.

- Nhà thầu chịu trách nhiệm hoàn toàn về chất lượng vật liệu, sản phẩm mình đã thi công và có trách nhiệm cung cấp đầy đủ các số liệu thí nghiệm, chứng chỉ vật liệu và các thành phần cấu thành hạng mục công trình trước khi chuyển giao thi công bằng văn bản có tư cách pháp nhân xác định. Các số liệu trên làm một trong các căn cứ để nghiệm thu công trình.

- Nhà thầu phải thực hiện bất kỳ những việc kiểm tra và thí nghiệm cần thiết khác dưới sự chỉ đạo của Chủ đầu tư khi xét thấy cần thiết để đảm bảo chất lượng công trình.

- Khi kiểm tra chất lượng công trình hoặc các vật liệu thi công nếu kết quả không đạt tiêu chuẩn kỹ thuật thì nhà thầu phải sửa chữa ngay hoặc tháo dỡ sản phẩm đó. Đồng thời nhà thầu phải tiến hành thí nghiệm và có chứng chỉ chất lượng của việc sửa chữa đó bằng chính kinh phí của mình.

- Sai số cho phép: Các sai số trong đo đạc định vị kết cấu phải nằm trong phạm vi giới hạn cho phép do thiết kế và quy phạm xây dựng hiện hành.

Nhà thầu phải chịu mọi chi phí cho những việc phát sinh cần phải làm do định vị vị trí

của các câu kiện không phù hợp với các chỉ dẫn nói trên.

## XII. Tiến độ thi công.

Nhà thầu phải khảo sát kỹ hiện trường, căn cứ vào năng lực, kinh nghiệm của mình để tính toán tiến độ cho phù hợp, đảm bảo khả thi. Tiến độ chi tiết ở bảng dưới đây là cơ sở, căn cứ để Tư vấn giám sát và Chủ đầu tư giám sát tiến độ trong quá trình thi công. Trong quá trình thực hiện nếu thấy nguy cơ chậm tiến độ thì nhà thầu phải chịu trách nhiệm bổ sung nhân lực, máy móc ... thi công cho phù hợp và không được quyền yêu cầu thêm chi phí nào. Trường hợp nhà thầu không bổ sung nhân lực, máy móc ... theo yêu cầu của Chủ đầu tư hoặc có bổ sung nhân lực, máy móc...nhưng tiến độ vẫn không được đảm bảo thì Chủ đầu tư có quyền hủy bỏ hợp đồng. Mọi chi phí phát sinh dẫn đến phải hủy bỏ hợp đồng thì nhà thầu phải chịu.

Nhà thầu phải chủ động đề xuất trước biện pháp khắc phục khi có yếu tố khác quan làm ảnh hưởng đến tiến độ nhà thầu đề xuất (thiên tai, mất điện, mất nước, ảnh hưởng bởi các quy định của địa phương ...)

Khi dự thầu, nhà thầu phải có biểu đồ tiến độ thi công chi tiết cho các công việc chính thuộc các hạng mục của gói thầu theo bảng dưới đây với thời gian thi công của từng đoạn hợp lý. Trong mỗi công việc thi công chi tiết phải thể hiện được:

- Số lao động (Không tính cán bộ kỹ thuật) trên mỗi công việc
- Thời điểm bắt đầu công việc, thời điểm kết thúc công việc;

### Bảng tiến độ thi công chi tiết

(Nhà thầu phải lập theo bảng này và kèm nộp cùng với HSDT)

TT	HẠNG MỤC CÔNG VIỆC	Thời gian thi công (ngày)				
		(Thời gian do nhà thầu đề xuất)				
	<b>CÔNG TÁC CHUẨN BỊ</b>	(1)Ngày y thứ	Ngày y thứ			
-	Thi công làm lán trại, các công việc khác					
<b>I</b>	<b>Phần sơn ngoài nhà</b>					
-	Thi công loại bỏ sơn cũ, vệ sinh bề mặt tường					
-	Thi công xử lý các vết rạn nứt bề mặt tường.					
-	Thi công sơn ngoài nhà					
<b>II</b>	<b>Phần bảo dưỡng vách kính ngoài nhà</b>					
-	Thi công vệ sinh gioăng cửa cũ					
-	Thi công bơm keo gioăng cửa, vệ sinh cửa.					
<b>III</b>	<b>Đục tẩy, trám vá, hoàn thiện lại các đầu ban công các căn hộ bị sứt vỡ</b>					
(*)	<b>NGHIỆM THU, BÀN GIAO</b>					

1 Ngày thứ 1, 2, hoặc 5 hoặc 7 hoặc 10 ... do nhà thầu lập, miễn là thể hiện được mốc hoàn thành các hạng mục (nhóm) công việc chính của công trình, hạng mục công trình.

### **XIII. Yêu cầu về nghiệm thu, bàn giao:**

Sau khi thi công hoàn thành toàn bộ công trình, trước khi nghiệm thu, bàn giao công trình đưa vào sử dụng, nhà thầu phải phải tổ chức nghiệm thu nội bộ, nghiệm thu kỹ thuật. Nếu có sai sót gì thì nhà thầu phải khắc phục ngay trước khi tiến hành bàn giao đưa công trình vào khai thác sử dụng.

#### **C. Các bản vẽ**

*(Hồ sơ thiết kế, các bản vẽ là tệp tin PDF/Word/CAD cùng HSMT).*

**MẪU HỢP ĐỒNG THI CÔNG XÂY DỰNG**  
(Công bố kèm theo Thông tư số 02/2023/TT-BXD ngày 03/3/2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng xây dựng)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

(Địa danh), ngày... tháng... năm ...

**HỢP ĐỒNG THI CÔNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH**

Số: ..../... (Năm) /... (ký hiệu hợp đồng)

**DỰ ÁN HOẶC CÔNG TRÌNH HOẶC GÓI THẦU (tên dự án hoặc công trình hoặc gói thầu) THUỘC DỰ ÁN (tên dự án) .....**

GIỮA  
(TÊN GIAO DỊCH CỦA CHỦ ĐẦU TƯ)  
VÀ  
(TÊN GIAO DỊCH CỦA NHÀ THẦU)

**MỤC LỤC**

- DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT
- PHẦN 1. THÔNG TIN GIAO DỊCH CỦA CHỦ ĐẦU TƯ VÀ NHÀ THẦU
- PHẦN 2. CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG
- PHẦN 3. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG
- Điều 1. Giải thích từ ngữ
- Điều 2. Hồ sơ hợp đồng và thứ tự ưu tiên
- Điều 3. Luật và ngôn ngữ sử dụng
- Điều 4. Thông báo
- Điều 5. Bảo đảm thực hiện và bảo lãnh tạm ứng hợp đồng
- Điều 6. Nội dung và khối lượng công việc
- Điều 7. Yêu cầu về chất lượng sản phẩm và nghiệm thu, bàn giao sản phẩm hợp đồng thi công xây dựng
- Điều 8. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng
- Điều 9. Giá hợp đồng, tạm ứng và thanh toán
- Điều 10. Điều chỉnh đơn giá, khối lượng công việc, một số nội dung khác trong hợp đồng và giá hợp đồng xây dựng
- Điều 11. Quyền và nghĩa vụ chung của Chủ đầu tư
- Điều 12. Quyền và nghĩa vụ chung của Nhà thầu
- Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của Nhà thầu tư vấn (áp dụng đối với trường hợp Chủ đầu tư ký hợp đồng thuê tư vấn quản lý dự án)
- Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Nhà thầu tư vấn (áp dụng đối với trường hợp Chủ đầu tư



tư ký hợp đồng thuê tư vấn giám sát thi công xây dựng)

Điều 15. Nhà thầu phụ

Điều 16. An toàn lao động, bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ

Điều 17. Điện, nước và an ninh công trường

Điều 18. Tạm dừng và chấm dứt hợp đồng bởi Chủ đầu tư

Điều 19. Tạm dừng và chấm dứt hợp đồng bởi Nhà thầu

Điều 20. Bảo hiểm và bảo hành

Điều 21. Rủi ro và bất khả kháng

Điều 22. Sự kiện bồi thường

Điều 23. Thương hợp đồng, phạt vi phạm hợp đồng

Điều 24. Khiếu nại và xử lý các tranh chấp

Điều 25. Quyết toán và thanh lý hợp đồng

Điều 26. Hiệu lực của hợp đồng

Điều 27. Điều khoản chung

#### PHẦN 4. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Điều 1. Giải thích từ ngữ

Điều 2. Hồ sơ hợp đồng và thứ tự ưu tiên

Điều 3. Luật và ngôn ngữ sử dụng

Điều 4. Thông báo

Điều 5. Bảo đảm thực hiện và bảo lãnh tạm ứng hợp đồng

Điều 6. Nội dung và khối lượng công việc

Điều 7. Yêu cầu về chất lượng sản phẩm và nghiệm thu, bàn giao sản phẩm hợp đồng thi công xây dựng

Điều 8. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng

Điều 9. Giá Hợp đồng, tạm ứng và thanh toán

Điều 10. Điều chỉnh đơn giá, khối lượng công việc, một số nội dung khác trong hợp đồng và giá hợp đồng xây dựng

Điều 15. Nhà thầu phụ

Điều 22. Sự kiện bồi thường

Điều 24. Khiếu nại và xử lý các tranh chấp

Điều 25. Quyết toán và thanh lý hợp đồng

Điều 26. Hiệu lực của hợp đồng

#### DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

ĐKC	Điều kiện chung
ĐKCT	Điều kiện cụ thể
HSMT	Hồ sơ mời thầu
HSDT	Hồ sơ dự thầu

Nghị định 37/2015/NĐ-CP	Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng
Nghị định 50/2021/NĐ-CP	Nghị định số 50/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng
Nghị định 06/2021/NĐ-CP	Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng
Nghị định 15/2021/NĐ-CP	Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng
VND	Đông Việt Nam
PDF	Định dạng tài liệu được cố định theo tiêu chuẩn của hãng Adobe Systems để tài liệu được hiển thị như nhau trên mọi môi trường làm việc
Excel	Định dạng tài liệu theo dạng bảng biểu của hãng Microsoft dùng trong việc tính toán, nhập dữ liệu
Word	Định dạng tài liệu theo dạng văn bản của hãng Microsoft dùng trong việc trình bày, nhập dữ liệu

## PHẦN 1. THÔNG TIN GIAO DỊCH CỦA CHỦ ĐẦU TƯ VÀ NHÀ THẦU

Hôm nay, ngày ... tháng ... năm tại (Địa danh) ....., chúng tôi gồm các bên dưới đây:

### 1. Chủ đầu tư:

Tên giao dịch .....

Đại diện (hoặc người được ủy quyền) là: Ông/Bà..... Chức vụ:  
.....

Địa chỉ: .....

Tài khoản: .....

Mã số thuế: .....

Đăng ký kinh doanh (nếu có) .....

Điện thoại:..... Fax: .....

E-mail: .....

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số \_\_\_\_ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ (trường hợp được ủy quyền).

Và bên kia là:

### 2. Nhà thầu:

Tên giao dịch:

Đại diện (hoặc người được ủy quyền) là: Ông/Bà..... Chức vụ:  
.....

Địa chỉ: .....

Tài khoản: .....

Mã số thuế: .....

Đăng ký kinh doanh (nếu có) .....

Điện thoại:..... Fax: .....

E-mail: .....

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số..... ngày....tháng....năm.... (Trường hợp được ủy quyền)

(Trường hợp là liên danh các Nhà thầu thì phải ghi đầy đủ thông tin các thành viên trong liên danh và cử đại diện liên danh giao dịch)

Hai bên cùng thống nhất ký hợp đồng thi công xây dựng của gói thầu.... thuộc dự án (tên dự án) như sau:

## PHẦN 2. CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

Căn cứ Bộ Luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Thương Mại ngày 14 tháng 06 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 50/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số \_\_\_ ngày \_\_\_ tháng \_\_\_ năm \_\_\_ của \_\_\_ về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu \_\_\_ [Ghi tên gói thầu] và thông báo trúng thầu số \_\_\_ ngày \_\_\_ tháng \_\_\_ năm \_\_\_ của bên mời thầu;

Căn cứ văn bản số \_\_\_ ngày \_\_\_ tháng \_\_\_ năm \_\_\_ của \_\_\_ về việc thông báo chấp thuận hồ sơ dự thầu và trao hợp đồng;

Các văn bản liên quan khác.

## PHẦN 3. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG

### Điều 1. Giải thích từ ngữ

Trong hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1.1. Bên là Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu tùy theo ngữ cảnh (yêu cầu) diễn đạt.

1.2. Bảng tiên lượng là bảng kê chi tiết khối lượng và giá các công việc trong hợp đồng.

1.3. Bản vẽ thiết kế là tất cả các bản vẽ, bảng tính toán và thông tin kỹ thuật tương tự của công trình do Chủ đầu tư cấp cho Nhà thầu hoặc do Nhà thầu lập đã được Chủ đầu tư

chấp thuận.

1.4. *Biên bản nghiệm thu* là biên bản được phát hành theo Điều 7 [Yêu cầu về chất lượng sản phẩm và nghiệm thu, bàn giao sản phẩm hợp đồng thi công xây dựng].

1.5. *Chỉ dẫn kỹ thuật* là tập hợp các yêu cầu kỹ thuật dựa trên các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn được áp dụng cho công trình, thiết kế xây dựng công trình để hướng dẫn, quy định về vật liệu, sản phẩm, thiết bị sử dụng cho công trình và các công tác thi công, giám sát, nghiệm thu công trình xây dựng.

1.6. *Chủ đầu tư* là..... (*tên giao dịch của Chủ đầu tư*) [quy định tại ĐKCT].

1.7. *Công trình* là công trình chính và công trình tạm hoặc là một trong hai loại công trình này [quy định tại ĐKCT].

1.8. *Công trình chính* là các công trình.... (*tên công trình*) mà Nhà thầu thi công theo hợp đồng.

1.9. *Công trình tạm* là các công trình phục vụ thi công công trình, hạng mục công trình.

1.10. *Công trường* là địa điểm Chủ đầu tư giao cho Nhà thầu để thi công công trình cũng như bất kỳ địa điểm nào khác được quy định trong hợp đồng [quy định tại ĐKCT].

1.11. *Dự án* là..... (*tên dự án*).

1.12. *Đại diện Chủ đầu tư* là người được Chủ đầu tư nêu ra trong hợp đồng hoặc được ủy quyền theo từng thời gian và điều hành công việc thay mặt cho Chủ đầu tư.

1.13. *Đại diện Nhà thầu* là người được Nhà thầu nêu ra trong hợp đồng hoặc được Nhà thầu ủy quyền bằng văn bản và điều hành công việc thay mặt Nhà thầu.

1.14. *Đại diện nhà tư vấn* là người được nhà tư vấn ủy quyền làm đại diện để thực hiện các nhiệm vụ do nhà tư vấn giao.

1.15. *Hạng mục công trình* là một công trình chính hoặc một phần công trình chính.

1.16. *Hồ sơ dự thầu (hoặc Hồ sơ đề xuất)* của Nhà thầu là toàn bộ tài liệu do Nhà thầu lập theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu (hoặc Hồ sơ yêu cầu) và được nộp cho bên mời thầu theo quy định tại Phụ lục số ... [Hồ sơ dự thầu (*hoặc Hồ sơ đề xuất*) của Nhà thầu].

1.17. *Hồ sơ mời thầu (hoặc Hồ sơ yêu cầu)* của Chủ đầu tư là toàn bộ tài liệu theo quy định tại phụ lục số ... [Hồ sơ mời thầu (*hoặc Hồ sơ yêu cầu*) của Chủ đầu tư].

1.18. *Hợp đồng* là thỏa thuận giữa Chủ đầu tư và Nhà thầu, thể hiện bằng văn bản, được hai bên ký kết, bao gồm cả phụ lục và các tài liệu kèm theo theo quy định tại Điều 2 [Hồ sơ hợp đồng và thứ tự ưu tiên].

1.19. *Luật* là toàn bộ hệ thống luật pháp của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

1.20. *Ngày được hiểu* là ngày dương lịch và tháng được hiểu là tháng dương lịch.

1.21. *Ngày khởi công* là ngày được thông báo theo khoản 8.2 [Ngày khởi công, thời gian thực hiện hợp đồng] [quy định tại ĐKCT].

1.22. *Ngày làm việc* là ngày dương lịch, trừ ngày chủ nhật, ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật.

1.23. *Nhà thầu* là ..... (*tên giao dịch của Nhà thầu*) [quy định tại ĐKCT].

1.24. *Nhà thầu phụ* là Nhà thầu ký hợp đồng với Nhà thầu để thi công một phần công

việc của Nhà thầu.

1.25. *Nhà tư vấn* là tổ chức, cá nhân do Chủ đầu tư ký hợp đồng thuê để thực hiện một hoặc một số công việc chuyên môn liên quan đến việc quản lý thực hiện hợp đồng (Nhà tư vấn có thể là tư vấn quản lý dự án hoặc tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình).

1.26. *Rủi ro và bất khả kháng* được định nghĩa tại Điều 21 [Rủi ro và bất khả kháng].

1.27. *Thay đổi* là sự thay đổi (điều chỉnh) phạm vi công việc, chỉ dẫn kỹ thuật, bản vẽ thiết kế, giá hợp đồng hoặc tiến độ thi công, các nội dung khác của hợp đồng có sự chấp thuận bằng văn bản của Chủ đầu tư.

1.28. *Thiết bị của Chủ đầu tư* là máy móc, phương tiện do Chủ đầu tư cấp cho Nhà thầu sử dụng để thi công công trình, như đã nêu trong Phụ lục số ... [Hồ sơ mời thầu (*hoặc Hồ sơ yêu cầu*) của Chủ đầu tư].

1.29. *Thiết bị của Nhà thầu* là toàn bộ thiết bị máy móc, phương tiện, xe cộ và các phương tiện, thiết bị khác yêu cầu phải có để Nhà thầu thi công, hoàn thành công trình và sửa chữa bất cứ sai sót nào (nếu có).

1.30. *Tư vấn thiết kế* là tư vấn thực hiện việc thiết kế xây dựng công trình.

## **Điều 2. Hồ sơ hợp đồng và thứ tự ưu tiên**

2.1. Hồ sơ hợp đồng xây dựng gồm thỏa thuận hợp đồng này và các tài liệu kèm theo hợp đồng [quy định tại **ĐKCT**].

2.2. Tất cả các tài liệu nêu tại khoản 2.3 Điều này (bao gồm cả các phần của tài liệu) sẽ cấu thành hợp đồng để tạo thành thể thống nhất, có tính tương hỗ, bổ sung và giải thích cho nhau.

2.3. Các tài liệu kèm theo hợp đồng là một bộ phận không tách rời của hợp đồng, bao gồm:

- a) Hợp đồng, các tài liệu kèm theo hợp đồng và các phụ lục hợp đồng (Thông số kỹ thuật, bản vẽ thiết kế, mô tả công việc mời thầu nêu trong bảng tổng hợp giá dự thầu,...);
- b) Thư chấp thuận HSDT và trao hợp đồng;
- c) Biên bản thương thảo;
- d) Biên bản hoàn thiện hợp đồng;
- đ) Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
- e) HSDT và các văn bản làm rõ HSDT của nhà thầu;
- g) HSMT và các tài liệu bổ sung HSMT (nếu có);
- h) Các tài liệu khác có liên quan.

2.4. Thứ tự ưu tiên áp dụng các tài liệu kèm theo hợp đồng do các bên thỏa thuận áp dụng, trường hợp các bên không thỏa thuận thì áp dụng theo thứ tự ưu tiên quy định tại khoản 2.3 Điều này [quy định tại **ĐKCT**].

## **Điều 3. Luật và ngôn ngữ sử dụng**

3.1. Hợp đồng này chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam [quy định tại **ĐKCT**].

3.2. Ngôn ngữ sử dụng cho hợp đồng là tiếng Việt. Trường hợp có sử dụng từ hai thứ ngôn ngữ trở lên thì các bên phải thỏa thuận về ngôn ngữ sử dụng trong quá trình giao dịch hợp đồng và thứ tự ưu tiên sử dụng ngôn ngữ để giải quyết tranh chấp hợp đồng xây dựng.

#### **Điều 4. Thông báo**

4.1. Bất cứ thông báo nào của một bên gửi cho bên kia liên quan đến hợp đồng phải được thể hiện bằng văn bản. Thuật ngữ “bằng văn bản” hay “văn bản” là bản ghi bằng tay, đánh máy, được in ra hoặc thông qua phương tiện điện tử dưới hình thức thông điệp dữ liệu theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử và sau đó được lưu trữ lâu dài.

4.2. Thông báo của một bên phải được người đại diện có thẩm quyền hoặc người được ủy quyền ký kết sẽ được coi là có hiệu lực tại thời điểm ... (do hai bên ấn định trên cơ sở quy định tại khoản 2 Điều 388 Bộ Luật Dân sự) [quy định tại **ĐKCT**].

#### **Điều 5. Bảo đảm thực hiện và bảo lãnh tạm ứng hợp đồng**

##### **5.1. Bảo đảm thực hiện hợp đồng**

Nhà thầu phải nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng tương đương 10% giá trị hợp đồng cho Chủ đầu tư trong vòng ... ngày trước thời điểm hợp đồng có hiệu lực. Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được Chủ đầu tư chấp thuận và phải tuân theo mẫu ở Phụ lục số ... [Bảo đảm thực hiện hợp đồng] (hoặc theo mẫu khác được Chủ đầu tư chấp thuận). Trường hợp Nhà thầu là Nhà thầu liên danh thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 16 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ.

Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải có giá trị và có hiệu lực tới khi Nhà thầu đã thi công, hoàn thành công trình, hoặc hạng mục công trình tương ứng với hợp đồng đã ký kết được Chủ đầu tư nghiệm thu và chuyển sang nghĩa vụ bảo hành công trình. Nếu các điều khoản của bảo đảm thực hiện hợp đồng nêu rõ ngày hết hạn và Nhà thầu chưa hoàn thành các nghĩa vụ của hợp đồng vào thời điểm ... ngày trước ngày hết hạn, Nhà thầu sẽ phải gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng cho tới khi công việc đã được hoàn thành và mọi sai sót đã được sửa chữa xong.

Nhà thầu sẽ không được nhận lại bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp từ chối thực hiện hợp đồng đã có hiệu lực và các trường hợp .... (do các bên thỏa thuận). Chủ đầu tư phải hoàn trả cho Nhà thầu bảo đảm thực hiện hợp đồng khi Nhà thầu đã hoàn thành các công việc theo hợp đồng và chuyển sang nghĩa vụ bảo hành.

##### **5.2. Bảo lãnh tiền tạm ứng (trường hợp các bên thỏa thuận phải có bảo lãnh tiền tạm ứng)**

Trước khi Chủ đầu tư tạm ứng hợp đồng cho Nhà thầu thì Nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư bảo lãnh tạm ứng hợp đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 18 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 6 Điều 1 Nghị định số 50/2021/NĐ-CP [quy định tại **ĐKCT**].

Bảo lãnh tiền tạm ứng phải được phát hành bởi một ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và có hiệu lực cho đến khi hoàn trả hết khoản tiền tạm ứng; giá trị của bảo lãnh tiền tạm ứng sẽ được giám dần theo số tiền tạm ứng mà Nhà thầu hoàn trả. Không tính lãi đối với tiền tạm ứng.

Giá trị của bảo lãnh tạm ứng hợp đồng bao gồm cả dự phòng (nếu có) sẽ được khấu trừ tương ứng với giá trị giảm trừ tiền tạm ứng qua mỗi lần thanh toán (theo thỏa thuận của các bên) và đảm bảo theo quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 18 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP.

##### **5.3. Mức tạm ứng hợp đồng là mức tối đa theo thẩm quyền quy định tại pháp luật hợp đồng**

#### **Điều 6. Nội dung và khối lượng công việc**

6.1. Nhà thầu thực hiện việc thi công xây dựng công trình theo bản vẽ thiết kế (kể cả

phần sửa đổi được Chủ đầu tư chấp thuận), chỉ dẫn kỹ thuật được mô tả trong Phụ lục số ... [Hồ sơ mời thầu (hoặc Hồ sơ yêu cầu) của Chủ đầu tư]; Phụ lục số ... [Hồ sơ dự thầu (hoặc Hồ sơ đề xuất) của Nhà thầu] được Chủ đầu tư chấp thuận và biên bản đàm phán hợp đồng, đảm bảo chất lượng, tiến độ, giá cả, an toàn và các thỏa thuận khác trong hợp đồng.

6.2. Nội dung và khối lượng công việc của hợp đồng thi công xây dựng được quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP và có thể bao gồm toàn bộ hoặc một số công việc sau:

- a) Bàn giao và tiếp nhận, quản lý mặt bằng xây dựng, tiếp nhận và bảo quản tim, cốt, mốc giới công trình;
- b) Cung cấp vật liệu xây dựng, nhân lực, máy và thiết bị thi công để thi công xây dựng công trình theo hợp đồng;
- c) Thi công xây dựng công trình theo đúng hồ sơ thiết kế được phê duyệt và quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng hiện hành;
- d) Thực hiện trắc đạc, quan trắc công trình theo yêu cầu thiết kế. Thực hiện thí nghiệm, kiểm tra chạy thử đơn động và chạy thử liên động theo kế hoạch trước khi đề nghị nghiệm thu;
- d) Kiểm soát chất lượng công việc xây dựng và lắp đặt thiết bị; giám sát thi công xây dựng công trình đối với công việc xây dựng do Nhà thầu phụ thực hiện trong trường hợp là Nhà thầu chính hoặc tổng thầu;
- e) Xử lý, khắc phục các sai sót, khiếm khuyết về chất lượng trong quá trình thi công xây dựng (nếu có);
- g) Thí nghiệm kiểm tra chất lượng vật liệu xây dựng, cấu kiện xây dựng;
- h) Thực hiện nghiệm thu công việc chuyển bước thi công, nghiệm thu giai đoạn thi công xây dựng hoặc bộ phận công trình xây dựng, nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng;
- i) Thực hiện các công tác bảo đảm an toàn, bảo vệ và vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ;
- k) Bảo vệ công trường, mặt bằng thi công trong phạm vi hợp đồng thi công;
- l) Thực hiện các công tác bảo đảm an ninh trật tự cho khu vực công trường;
- m) Hợp tác với các Nhà thầu khác trên công trường (nếu có);
- n) Thu dọn công trường và bàn giao sản phẩm xây dựng sau khi hoàn thành;
- o) Các công việc khác trong quá trình thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận của hợp đồng, các tài liệu kèm theo hợp đồng và quy định của pháp luật.

6.3. Phạm vi công việc thực hiện đối với hợp đồng thi công xây dựng: Là việc cung cấp vật liệu xây dựng, nhân lực, máy và thiết bị thi công và thi công xây dựng công trình theo đúng hồ sơ thiết kế được phê duyệt [quy định tại ĐKCT].

## **Điều 7. Yêu cầu về chất lượng sản phẩm và nghiệm thu, bàn giao sản phẩm hợp đồng thi công xây dựng**

7.1. Yêu cầu về chất lượng sản phẩm của hợp đồng thi công xây dựng

Yêu cầu về chất lượng sản phẩm của hợp đồng thi công xây dựng quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP như sau:

- a) Công trình phải được thi công theo bản vẽ thiết kế (kể cả phần sửa đổi được Chủ đầu tư chấp thuận), chỉ dẫn kỹ thuật được nêu trong hồ sơ mời thầu (hoặc hồ sơ yêu cầu) phù

hợp với hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn được áp dụng cho dự án và các quy định về chất lượng công trình, xây dựng của nhà nước có liên quan; Nhà thầu phải có sơ đồ và thuyết minh hệ thống quản lý chất lượng thi công, giám sát chất lượng thi công của mình.

b) Nhà thầu phải cung cấp cho Chủ đầu tư các kết quả thí nghiệm vật liệu, sản phẩm của công việc hoàn thành. Các kết quả thí nghiệm này phải được thực hiện bởi phòng thí nghiệm hợp chuẩn theo quy định.

c) Nhà thầu đảm bảo vật tư, thiết bị được cung cấp có nguồn gốc xuất xứ như quy định của hồ sơ hợp đồng.

#### 7.2. Kiểm tra, giám sát của Chủ đầu tư

a) Chủ đầu tư được quyền vào các nơi trên công trường và các nơi khai thác nguyên vật liệu tự nhiên của Nhà thầu phục vụ cho gói thầu để kiểm tra;

b) Trong quá trình sản xuất, gia công, chế tạo và xây dựng ở khu vực, trên công trường được quy định trong hợp đồng Chủ đầu tư được quyền kiểm tra, kiểm định, đo lường, thử các loại vật liệu và kiểm tra quá trình gia công, chế tạo thiết bị, sản xuất vật liệu.

Nhà thầu phải tạo mọi điều kiện cho người của Chủ đầu tư để tiến hành các hoạt động này, bao gồm cả việc cho phép ra vào, cung cấp các phương tiện đi lại ở khu vực trên công trường, các giấy phép và thiết bị an toàn. Những hoạt động này không làm giảm nghĩa vụ hoặc trách nhiệm của Nhà thầu.

Đối với các công việc mà người của Chủ đầu tư được quyền xem xét đo lường và kiểm định, Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư biết khi bất kỳ công việc nào như vậy đã xong và trước khi được phủ lập, hoặc không còn được nhìn thấy hoặc đóng gói để lưu kho hoặc vận chuyển. Chủ đầu tư phải tiến hành ngay việc kiểm tra, giám định, đo lường hoặc kiểm định không được chậm trễ mà không cần lý do, hoặc thông báo ngay cho Nhà thầu việc Chủ đầu tư không kiểm tra, giám định, đo lường hoặc kiểm định để Nhà thầu có thể tiếp tục các công việc tiếp theo. Trong trường hợp Chủ đầu tư không tham gia quá trình này thì Chủ đầu tư không được khiếu nại về các vấn đề trên.

7.3. Nghiệm thu sản phẩm các công việc hoàn thành: Theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP và Nghị định số 06/2021/NĐ-CP. Căn cứ nghiệm thu sản phẩm của hợp đồng là các bản vẽ thiết kế (kể cả phần sửa đổi, bổ sung được Chủ đầu tư chấp thuận); thuyết minh kỹ thuật; các quy chuẩn, tiêu chuẩn có liên quan; chứng chỉ kết quả thí nghiệm; biểu mẫu hồ sơ nghiệm thu bàn giao và các quy định khác có liên quan.

#### 7.4. Chạy thử của công trình (nếu có)

Trước khi bắt đầu chạy thử khi hoàn thành, Nhà thầu phải trình Chủ đầu tư các tài liệu hoàn công, các sổ tay vận hành và bảo trì phù hợp với đặc tính kỹ thuật với đầy đủ chi tiết để vận hành, bảo trì, tháo dỡ, lắp đặt, điều chỉnh và sửa chữa.

Nhà thầu phải cung cấp các máy móc, sự trợ giúp, tài liệu và các thông tin khác, điện, thiết bị, nhiên liệu, vật dụng, dụng cụ, người lao động, vật liệu và nhân viên có trình độ và kinh nghiệm cần thiết để tiến hành chạy thử cụ thể một cách hiệu quả. Nhà thầu phải thống nhất với Chủ đầu tư về thời gian, địa điểm tiến hành chạy thử của thiết bị, vật liệu và các hạng mục công trình.

Chủ đầu tư phải thông báo trước .... ngày [quy định tại ĐKCT] cho Nhà thầu về ý định của mình là sẽ tham gia vào lần chạy thử. Nếu Chủ đầu tư không tham gia vào lần chạy thử tại địa điểm và thời gian đã thỏa thuận, Nhà thầu có thể tiến hành chạy thử và việc chạy thử coi như đã được tiến hành với sự có mặt của Chủ đầu tư, trừ khi có thỏa thuận khác giữa các bên.

Nếu Nhà thầu phải chịu sự chậm trễ hay chịu các chi phí do tuân thủ các hướng dẫn



của Chủ đầu tư, hay do sự chậm trễ thuộc trách nhiệm của Chủ đầu tư, Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư biết và được:

- a) Gia hạn thời gian do sự chậm trễ;
- b) Thanh toán mọi chi phí cộng thêm vào giá hợp đồng.

Nhà thầu phải trình cho Chủ đầu tư các báo cáo có xác nhận về các lần chạy thử và các bên ký biên bản chạy thử làm cơ sở thanh lý hợp đồng theo quy định.

#### 7.5. Nghiệm thu, bàn giao công trình và các hạng mục công trình

Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng [quy định tại **ĐKCT**].

#### 7.6. Trách nhiệm của Nhà thầu đối với các sai sót

a) Bằng kinh phí của mình Nhà thầu phải hoàn thành các công việc còn tồn đọng vào ngày đã nêu trong biên bản nghiệm thu, bàn giao trong khoảng thời gian hợp lý mà Chủ đầu tư yêu cầu nhưng đảm bảo không vượt quá khoảng thời gian thực hiện các công việc còn tồn đọng đó quy định trong hợp đồng.

b) Trường hợp không sửa chữa được sai sót

- Nếu Nhà thầu không sửa chữa được các sai sót hay hư hỏng trong khoảng thời gian hợp lý, Chủ đầu tư hoặc đại diện của Chủ đầu tư có thể ấn định ngày để sửa chữa các sai sót hay hư hỏng và thông báo cho Nhà thầu biết về ngày này.

- Nếu Nhà thầu không sửa chữa được các sai sót hay hư hỏng vào ngày đã được thông báo, Chủ đầu tư có thể tự tiến hành công việc hoặc thuê người khác sửa chữa và Nhà thầu phải chịu mọi chi phí (Nhà thầu không được kiến nghị về chi phí sửa chữa nếu không cung cấp được tài liệu chứng minh sự thiếu chính xác trong cách xác định chi phí sửa chữa của Chủ đầu tư), Nhà thầu sẽ không phải chịu trách nhiệm về công việc sửa chữa nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tiếp tục nghĩa vụ của mình đối với công trình theo hợp đồng.

c) Nếu sai sót hoặc hư hỏng dẫn đến việc Chủ đầu tư không sử dụng được công trình hay phần lớn công trình cho mục đích đã định thì Chủ đầu tư sẽ chấm dứt hợp đồng; khi đó, Nhà thầu sẽ phải bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Chủ đầu tư theo hợp đồng và theo các quy định pháp luật.

d) Nếu sai sót hoặc hư hỏng không thể sửa chữa ngay trên công trường được và được Chủ đầu tư đồng ý, Nhà thầu có thể chuyển khỏi công trường thiết bị hoặc cấu kiện bị sai sót hay hư hỏng để sửa chữa.

#### 7.7. Các kiểm định thêm

Nếu việc sửa chữa sai sót hoặc hư hỏng làm ảnh hưởng đến sự vận hành của công trình, Chủ đầu tư có thể yêu cầu tiến hành lại bất cứ cuộc kiểm định nào nêu trong hợp đồng, bao gồm cả các cuộc kiểm định khi hoàn thành và kiểm định sau khi hoàn thành. Yêu cầu này được thông báo trong khoảng thời gian 30 ngày sau khi đã sửa chữa sai sót hoặc hư hỏng.

Các kiểm định này phải được tiến hành theo các điều kiện được áp dụng cho các kiểm định trước, chỉ khác là được tiến hành bằng kinh phí của Nhà thầu.

#### 7.8. Những nghĩa vụ chưa được hoàn thành

Sau khi đã cấp biên bản nghiệm thu, bàn giao, mỗi bên sẽ phải chịu trách nhiệm hoàn thành các nghĩa vụ vẫn chưa được thực hiện tại thời điểm đó. Hợp đồng vẫn được coi là có hiệu lực đối với nội dung và phạm vi của những nghĩa vụ chưa được hoàn thành.

### **Điều 8. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng**

8.1. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng thi công xây dựng theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP .

8.2. Ngày khởi công, thời gian thực hiện hợp đồng

Ngày khởi công công trình là ngày ... tháng ... năm ... [quy định tại **ĐKCT**].

Nhà thầu sẽ bắt đầu tiến hành thi công xây dựng công trình (*ngay sau ngày khởi công*) và sẽ thực hiện thi công xây dựng công trình đúng thời gian thực hiện hợp đồng mà không được chậm trễ.

Nhà thầu phải hoàn thành toàn bộ công việc theo nội dung của hợp đồng trong khoảng thời gian ... ngày kể từ ngày khởi công công trình [quy định tại **ĐKCT**].

8.3. Tiến độ thực hiện hợp đồng

Căn cứ vào thời gian thực hiện hợp đồng Nhà thầu phải lập tiến độ chi tiết để trình cho Chủ đầu tư trong vòng ... ngày [quy định tại **ĐKCT**] sau ngày khởi công Nhà thầu cũng phải trình tiến độ thi công đã được sửa đổi nếu tiến độ thi công trước đó không phù hợp với tiến độ thực tế hoặc không phù hợp với nghĩa vụ của Nhà thầu. Trừ khi được quy định khác trong hợp đồng, mỗi bản tiến độ thi công sẽ bao gồm:

a) Trình tự thực hiện công việc của Nhà thầu và thời gian thi công cho mỗi giai đoạn chính của công trình;

b) Quá trình và thời gian kiểm tra, kiểm định;

c) Báo cáo tiến độ Nhà thầu phải thể hiện:

- Biện pháp tổ chức thi công trên công trường và các giai đoạn chính trong việc thi công công trình;

- Nhà thầu được phép điều chỉnh tiến độ chi tiết theo tuần, tháng nhưng phải phù hợp với tiến độ tổng thể của hợp đồng.

Nhà thầu phải thực hiện theo tiến độ thi công và nghĩa vụ của mình theo hợp đồng. Nếu bản tiến độ thi công này không phù hợp với hợp đồng thì Chủ đầu tư sẽ thông báo cho Nhà thầu trong vòng ... ngày sau khi nhận được bản tiến độ thi công của Nhà thầu và các bên thống nhất về tiến độ thi công phù hợp với thực tế. Chủ đầu tư sẽ được phép dựa vào bản tiến độ thi công phù hợp với thực tế này để yêu cầu Nhà thầu thực hiện theo tiến độ của hợp đồng.

Trường hợp Nhà thầu thông báo cho Chủ đầu tư về các tình huống cụ thể có thể xảy ra trong tương lai có tác động xấu hoặc làm chậm việc thi công công trình hay làm tăng giá hợp đồng. Trong trường hợp đó, Chủ đầu tư hoặc nhà tư vấn có thể yêu cầu Nhà thầu báo cáo về những ảnh hưởng của các tình huống trong tương lai và đề xuất theo khoản 8.4 [Điều chỉnh tiến độ hợp đồng thi công xây dựng]. Nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư một bản tiến độ thi công sửa đổi phù hợp với khoản này.

8.4. Điều chỉnh tiến độ hợp đồng thi công xây dựng

a) Điều chỉnh tiến độ hợp đồng thi công xây dựng theo quy định tại Điều 39 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP [quy định tại **ĐKCT**] và Điều 5 Thông tư này.

b) Chủ đầu tư và Nhà thầu sẽ thương thảo về việc gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng trong các trường hợp sau đây:

- Chủ đầu tư không trao cho Nhà thầu quyền tiếp cận, sử dụng các phần hoặc toàn bộ công trường theo thời gian quy định;

- Chủ đầu tư chậm trễ không có lý do trong việc cấp biên bản nghiệm thu công trình;

- Nhà thầu tuân thủ các hướng dẫn của Chủ đầu tư khi các hướng dẫn của Chủ đầu tư

đúng quy định, mới phát sinh, không nằm trong thỏa thuận đã có trước đó.

c) Nhà thầu được phép theo Điều 24 [Khiếu nại và xử lý các tranh chấp] gia hạn thời gian hoàn thành nếu do một trong những lý do sau đây:

- Có sự thay đổi phạm vi công việc, thiết kế, biện pháp thi công theo yêu cầu của Chủ đầu tư làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng;

- Do ảnh hưởng của các trường hợp bất khả kháng;

- Sự chậm trễ, trở ngại trên công trường do Chủ đầu tư, nhân lực của Chủ đầu tư hay các Nhà thầu khác của Chủ đầu tư gây ra như: việc bàn giao mặt bằng không đúng với các thỏa thuận trong hợp đồng, các thủ tục liên quan ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng mà không do lỗi của Nhà thầu gây ra;

- Do Chủ đầu tư không hoặc chậm thanh toán vốn theo quy định của hợp đồng.

#### 8.5. Đẩy nhanh tiến độ

Trường hợp Chủ đầu tư cần Nhà thầu hoàn thành trước ngày hoàn thành dự kiến, Chủ đầu tư phải yêu cầu Nhà thầu đề xuất các chi phí phát sinh nhằm đẩy nhanh tiến độ. Nếu Chủ đầu tư chấp nhận các chi phí mà Nhà thầu đề xuất thì ngày hoàn thành dự kiến sẽ được điều chỉnh cho phù hợp và được Chủ đầu tư, Nhà thầu xác nhận.

Nếu các chi phí phát sinh do Nhà thầu đề xuất để đẩy nhanh tiến độ được Chủ đầu tư chấp thuận thì giá hợp đồng sẽ được điều chỉnh và các chi phí phát sinh sẽ được xem là một thay đổi của hợp đồng.

#### 8.6. Khắc phục tiến độ chậm trễ

Khi tiến độ đã bị chậm hơn so với tiến độ thi công như các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng của công việc đó mà không phải do những nguyên nhân đã nêu trong khoản 8.4 Điều này, khi đó Chủ đầu tư yêu cầu Nhà thầu trình một bản tiến độ thi công được sửa đổi để thực hiện tiến độ hoàn thành, trong thời gian yêu cầu.

### Điều 9. Giá hợp đồng, tạm ứng và thanh toán

9.1. Loại hợp đồng theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 2 Điều 1 Nghị định số 50/2021/NĐ-CP .

9.2. Giá hợp đồng theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 5 Điều 1 Nghị định số 50/2021/NĐ-CP. Đối với hợp đồng tổng thầu thi công giá hợp đồng đã bao gồm chi phí tổng thầu thi công xây dựng.

Tổng giá trị hợp đồng là ...đồng [quy định tại **ĐKCT**].

(*Bằng chữ:...*)

Chi tiết giá hợp đồng được nêu trong Phụ lục số ....[Giá hợp đồng, tạm ứng, thanh toán].

Giá hợp đồng trên đã bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện công việc theo hợp đồng, bản quyền, lợi nhuận của Nhà thầu và tất cả các loại thuế, phí liên quan đến công việc theo quy định của pháp luật.

Giá hợp đồng chỉ được điều chỉnh theo quy định tại Điều 10 [Điều chỉnh giá hợp đồng].

#### 9.3. Tạm ứng

a) Tiền tạm ứng [quy định tại **ĐKCT**] được thu hồi dần qua các lần thanh toán khối

lượng hoàn thành của hợp đồng và đảm bảo thu hồi hết khi giá trị thanh toán đạt 80% giá hợp đồng đã ký (trừ trường hợp được người có thẩm quyền cho tạm ứng ở mức cao hơn).

b) Tiền tạm ứng phải được hoàn trả bằng cách khấu trừ một tỷ lệ nhất định trong các khoản thanh toán đến hạn cho Nhà thầu, theo bảng kê tỷ lệ phần trăm công việc đã hoàn thành làm cơ sở thanh toán. Khoản tiền tạm ứng hay hoàn trả tiền tạm ứng sẽ không được tính đến khi định giá các công việc đã thực hiện, các thay đổi hợp đồng, các sự kiện bồi thường, thường hợp đồng hoặc bồi thường thiệt hại.

Trường hợp tạm ứng vẫn chưa được hoàn trả trước khi ký biên bản nghiệm thu công trình và trước khi chấm dứt hợp đồng theo Điều 18 [Tạm ngừng và chấm dứt hợp đồng bởi Chủ đầu tư], Điều 19 [Tạm ngừng và chấm dứt hợp đồng bởi Nhà thầu] hoặc Điều 21 [Rủi ro và bất khả kháng] (tùy từng trường hợp), khi đó toàn bộ số tiền tạm ứng chưa thu hồi được này sẽ là nợ đến hạn và Nhà thầu phải chịu trách nhiệm thanh toán cho Chủ đầu tư trong thời gian .... ngày.

c) Nhà thầu phải sử dụng tiền tạm ứng theo đúng quy định tại khoản 6 Điều 18 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP. Tiền tạm ứng chỉ được sử dụng cho việc trả lương cho người lao động, mua hoặc huy động thiết bị, nhà xưởng, vật tư và các chi phí huy động cần thiết cho việc thực hiện hợp đồng.

#### 9.4. Thanh toán [quy định tại ĐKCT]

a) Giá hợp đồng trọn gói:

\* Việc thanh toán được chia làm ... lần:

- Lần 1: Thanh toán ... % giá trị hợp đồng (hoặc giá trị hạng mục hoàn thành) sau khi Nhà thầu hoàn thành hạng mục công trình... (tên hạng mục công trình).

- Lần 2: Thanh toán ... % giá trị hợp đồng (hoặc giá trị hạng mục hoàn thành) sau khi Nhà thầu hoàn thành hạng mục công trình... (tên hạng mục công trình).

- Lần ...

- Lần cuối: Thanh toán ... % giá trị hợp đồng (hoặc toàn bộ giá trị còn lại) sau khi Nhà thầu hoàn thành các công việc và thỏa thuận theo hợp đồng và Chủ đầu tư nhận được bảo lãnh bảo hành.

b) Giá hợp đồng theo đơn giá cố định: Việc thanh toán được thực hiện trên cơ sở khối lượng công việc thực tế hoàn thành được nghiệm thu hàng tháng (hoặc theo thời điểm cụ thể do các bên thỏa thuận) nhân với đơn giá trong hợp đồng.

c) Giá hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh: Việc thanh toán được thực hiện trên cơ sở khối lượng công việc thực tế hoàn thành được nghiệm thu hàng tháng (hoặc theo thời điểm cụ thể do các bên thỏa thuận) nhân với đơn giá đã điều chỉnh theo Điều 10 [Điều chỉnh đơn giá, khối lượng công việc, một số nội dung khác trong hợp đồng và giá hợp đồng xây dựng].

#### 9.5. Thời hạn thanh toán

a) Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho Nhà thầu trong vòng .... ngày làm việc, kể từ ngày Chủ đầu tư nhận được hồ sơ thanh toán hợp lệ của Nhà thầu [quy định tại ĐKCT].

b) Trường hợp Chủ đầu tư thanh toán không đúng thời hạn và không đầy đủ theo thỏa thuận trong hợp đồng thì phải bồi thường cho Nhà thầu theo quy định tại khoản 2 Điều 43 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP .

#### 9.6. Thanh toán tiền bị giữ lại

Chủ đầu tư sẽ thanh toán toàn bộ các khoản tiền bị giữ lại cho Nhà thầu [quy định tại ĐKCT] khi các bên đã đủ căn cứ để xác định giá trị của các lần thanh toán và khi Nhà

thầu hoàn thành nghĩa vụ bảo hành công trình theo quy định tại Điều 19 [Bảo hiểm và bảo hành]

#### 9.7. Đồng tiền và hình thức thanh toán

a) Đồng tiền thanh toán: giá hợp đồng sẽ được thanh toán bằng đồng tiền Việt Nam (VND) và .... *(Ngoại tệ nếu có và ghi rõ thời điểm và ngân hàng, loại ngoại tệ và tỷ giá thanh toán tương ứng).*

b) Hình thức thanh toán: thanh toán bằng hình thức chuyển khoản *(trường hợp khác do các bên thỏa thuận và phù hợp với quy định pháp luật).*

#### 9.8. Hồ sơ thanh toán [quy định tại ĐKCT]

a) Giá hợp đồng trọn gói:

- Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành trong giai đoạn thanh toán *(theo mẫu biên bản nghiệm thu chất lượng có thể ghi khối lượng công việc chi tiết hoặc không ghi khối lượng công việc chi tiết mà ghi tỷ lệ phần trăm hoàn thành hoặc theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu)* có xác nhận của đại diện Chủ đầu tư hoặc đại diện nhà tư vấn *(nếu có)* và đại diện Nhà thầu; biên bản nghiệm thu khối lượng này là bản xác nhận hoàn thành công trình, hạng mục công trình, khối lượng công việc phù hợp với phạm vi công việc phải thực hiện theo hợp đồng mà không cần xác nhận khối lượng hoàn thành chi tiết;

- Bảng xác định giá trị khối lượng phát sinh *(nếu có)* nằm ngoài phạm vi công việc phải thực hiện theo hợp đồng đã ký kết có xác nhận của đại diện Chủ đầu tư hoặc đại diện nhà tư vấn *(nếu có)* và đại diện Nhà thầu;

- Đề nghị thanh toán của Nhà thầu cần thể hiện các nội dung: giá trị khối lượng hoàn thành theo hợp đồng, giá trị khối lượng các công việc phát sinh *(nếu có)*, giảm trừ tiền tạm ứng, giá trị đề nghị thanh toán trong giai đoạn sau khi đã bù trừ các khoản này có xác nhận của đại diện Chủ đầu tư và đại diện Nhà thầu.

b) Giá hợp đồng theo đơn giá cố định:

- Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành thực tế trong giai đoạn thanh toán có xác nhận của đại diện Chủ đầu tư hoặc đại diện nhà tư vấn *(nếu có)* và đại diện Nhà thầu *(theo mẫu biên bản nghiệm thu chất lượng có ghi khối lượng)*;

- Bảng xác định giá trị cho những công việc chưa có đơn giá trong hợp đồng *(nếu có)*, trong đó cần thể hiện cả khối lượng và đơn giá cho các công việc này có xác nhận của đại diện Chủ đầu tư hoặc đại diện nhà tư vấn giám sát thực hiện hợp đồng *(nếu có)* và đại diện Nhà thầu;

- Đề nghị thanh toán của Nhà thầu cần thể hiện các nội dung: Giá trị khối lượng hoàn thành theo hợp đồng, giá trị khối lượng các công việc phát sinh *(nếu có)*, giảm trừ tiền tạm ứng, giá trị đề nghị thanh toán trong giai đoạn sau khi đã bù trừ các khoản này có xác nhận của đại diện Chủ đầu tư và đại diện Nhà thầu.

c) Giá hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh:

- Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành thực tế trong giai đoạn thanh toán có xác nhận của đại diện Chủ đầu tư hoặc đại diện nhà tư vấn *(nếu có)* và đại diện Nhà thầu *(theo mẫu biên bản nghiệm thu chất lượng có ghi khối lượng)*;

- Bảng xác định đơn giá đã điều chỉnh do trượt giá (còn gọi là đơn giá thanh toán) theo Điều 10 [Điều chỉnh đơn giá, khối lượng công việc, một số nội dung khác trong hợp đồng và giá hợp đồng xây dựng] có xác nhận của đại diện Chủ đầu tư, đại diện nhà tư vấn *(nếu có)* và đại diện Nhà thầu;

- Đề nghị thanh toán của Nhà thầu cần thể hiện các nội dung: Giá trị khối lượng hoàn

thành theo hợp đồng, giá trị khối lượng các công việc phát sinh (nếu có), giảm trừ tiền tạm ứng, giá trị đề nghị thanh toán trong giai đoạn sau khi đã bù trừ các khoản này có xác nhận của đại diện Chủ đầu tư và đại diện Nhà thầu.

#### **Điều 10. Điều chỉnh đơn giá, khối lượng công việc, một số nội dung khác trong hợp đồng và giá hợp đồng xây dựng**

10.1. Khi điều chỉnh đơn giá hợp đồng xây dựng theo quy định tại Điều 6 Thông tư hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng xây dựng.

10.2. Việc điều chỉnh khối lượng công việc và một số nội dung khác trong hợp đồng theo quy định tại Điều 4, Điều 5, Điều 6 Thông tư hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng xây dựng [quy định tại **ĐKCT**].

10.3. Điều chỉnh giá hợp đồng xây dựng theo hướng dẫn tại Phụ lục I Thông tư hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng xây dựng [quy định tại **ĐKCT**].

10.4. Giá hợp đồng được điều chỉnh trong một số trường hợp quy định tại Điều 22 [Sự kiện bồi thường].

#### **Điều 11. Quyền và nghĩa vụ chung của Chủ đầu tư**

##### 11.1. Quyền của Chủ đầu tư

a) Chủ đầu tư có quyền kiểm tra, giám sát nhưng không được gây cản trở hoạt động thi công bình thường của Nhà thầu và bất kỳ chậm trễ, trì hoãn hay yêu cầu bổ sung kéo dài nào trong việc kiểm tra/kiểm định của Chủ đầu tư thì đều không được tính vào tiến độ thi công của Nhà thầu;

b) Nếu Chủ đầu tư xét thấy mình có quyền với bất kỳ khoản thanh toán nào theo bất cứ điều nào hoặc các quy định khác liên quan đến hợp đồng thì phải thông báo và cung cấp các chi tiết cụ thể cho Nhà thầu.

c) Trường hợp Chủ đầu tư nhận thấy vấn đề hoặc tình huống dẫn tới khiếu nại phải thông báo cho Nhà thầu càng sớm càng tốt. Các thông tin chi tiết phải xác định cụ thể điều khoản hoặc cơ sở khiếu nại khác và phải bao gồm chứng minh của số tiền và sự kéo dài mà Chủ đầu tư tự cho mình có quyền được hưởng liên quan đến hợp đồng. Chủ đầu tư sau đó phải quyết định:

- Số tiền (nếu có) mà Chủ đầu tư có quyền yêu cầu Nhà thầu thanh toán;
- Kéo dài (nếu có) thời hạn thông báo sai sót;

Chủ đầu tư có thể khấu trừ số tiền này từ bất kỳ khoản nợ hay sẽ nợ nào của Nhà thầu. Chủ đầu tư chỉ được quyền trừ hoặc giảm số tiền từ tổng số được xác nhận khoản nợ của Nhà thầu hoặc theo một khiếu nại nào khác đối với Nhà thầu theo khoản này;

- Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

##### 11.2. Nghĩa vụ của Chủ đầu tư

a) Phải xin giấy phép xây dựng theo quy định;

b) Bàn giao toàn bộ hoặc từng phần mặt bằng xây dựng cho Nhà thầu quản lý, sử dụng phù hợp với tiến độ và các thỏa thuận của hợp đồng;

c) Cử và thông báo bằng văn bản cho Nhà thầu về nhân lực chính tham gia quản lý và thực hiện hợp đồng;

d) Bố trí đủ nguồn vốn để thanh toán cho Nhà thầu theo tiến độ thanh toán trong hợp đồng;

đ) Thuê tư vấn giúp Chủ đầu tư giám sát theo quy định tại Điều 13 hoặc Điều 14 của

hợp đồng này [Quyền và nghĩa vụ của nhà tư vấn];

e) Cung cấp kịp thời hồ sơ thiết kế và các tài liệu có liên quan, vật tư (nếu có) theo thỏa thuận trong hợp đồng và quy định của pháp luật có liên quan;

g) Xem xét và chấp thuận kịp thời trong thời gian ... ngày bằng văn bản các đề xuất liên quan đến thiết kế, thi công của Nhà thầu trong quá trình thi công xây dựng công trình. Nếu trong khoảng thời gian này mà Chủ đầu tư không trả lời thì coi như Chủ đầu tư đã chấp thuận đề nghị hay yêu cầu của Nhà thầu;

h) Chủ đầu tư phải có sẵn để cung cấp cho Nhà thầu toàn bộ các số liệu liên quan mà Chủ đầu tư có về điều kiện địa hình, địa chất, thủy văn và những nội dung của công tác khảo sát về công trường, bao gồm cả các yếu tố môi trường liên quan đến hợp đồng.

## **Điều 12. Quyền và nghĩa vụ chung của Nhà thầu**

### **12.1. Quyền của Nhà thầu**

a) Được quyền đề xuất với Chủ đầu tư về khối lượng phát sinh ngoài hợp đồng quy định tại Điều 4 Thông tư hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng xây dựng; từ chối thực hiện công việc ngoài phạm vi hợp đồng khi chưa được hai bên thống nhất và những yêu cầu trái pháp luật của Chủ đầu tư.

b) Được thay đổi các biện pháp thi công sau khi được Chủ đầu tư chấp thuận nhằm đẩy nhanh tiến độ, bảo đảm chất lượng, an toàn, hiệu quả công trình trên cơ sở giá hợp đồng đã ký kết.

c) Tiếp cận công trường:

- Chủ đầu tư phải bàn giao cho Nhà thầu mặt bằng thi công công trình để Nhà thầu thực hiện hợp đồng trong thời gian ... ngày.

- Trường hợp Nhà thầu không nhận được mặt bằng thi công công trình do sự chậm trễ của Chủ đầu tư và phải gánh chịu chi phí phát sinh trong thời gian này thì Nhà thầu được thanh toán chi phí phát sinh và cộng thêm vào trong giá hợp đồng.

Nếu do sai sót hoặc sự chậm trễ của Nhà thầu thì Nhà thầu sẽ không được quyền hưởng việc gia hạn thời gian, chi phí này.

### **12.2. Nghĩa vụ của Nhà thầu**

a) Nhà thầu phải huy động các nhân sự chủ chốt và sử dụng các thiết bị đã kê khai trong HSDT (HSDX) hoặc đã bổ sung để thực hiện công trình. Chủ đầu tư chỉ chấp thuận đề xuất thay thế nhân sự chủ chốt và thiết bị trong trường hợp kinh nghiệm, năng lực của nhân sự thay thế và chất lượng, tính năng của thiết bị thay thế là tương đương hoặc cao hơn so với đề xuất trong HSDT, đảm bảo đúng quy định.

b) Trường hợp Chủ đầu tư yêu cầu Nhà thầu không sử dụng nhân sự của Nhà thầu cho việc thực hiện hợp đồng của Chủ đầu tư với lý do chính đáng, Nhà thầu phải bảo đảm rằng người đó sẽ rời khỏi công trường trong vòng 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của Chủ đầu tư và không còn được thực hiện bất kỳ công việc nào liên quan đến hợp đồng. Trong trường hợp cần thiết, Nhà thầu phải bổ sung ngay một nhân sự thay thế có năng lực, kinh nghiệm tương đương hoặc cao hơn.

c) Trường hợp Chủ đầu tư xác định một nhân sự của Nhà thầu tham gia các hành vi tham nhũng, gian lận, thông đồng, ép buộc hoặc gây trở ngại trong quá trình thực hiện công trình, các hành vi vi phạm pháp luật khác thì nhân sự đó sẽ bị buộc thôi việc.

d) Nhà thầu phải thi công xây dựng công trình đúng thiết kế, tiêu chuẩn dự án, quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng, bảo đảm chất lượng, tiến độ, an toàn, bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ.

đ) Nhà thầu phải lập biện pháp tổ chức thi công, ghi nhật ký thi công xây dựng công trình, lập hồ sơ thanh toán, lập hồ sơ hoàn công, lập quyết toán hợp đồng, thí nghiệm vật liệu, kiểm định, thiết bị, sản phẩm xây dựng theo đúng quy định của hợp đồng.

e) Nhà thầu phải giữ bí mật thông tin liên quan đến hợp đồng hoặc pháp luật có quy định liên quan đến bảo mật thông tin.

g) Nhà thầu phải trả lời bằng văn bản các đề nghị hay yêu cầu của Chủ đầu tư trong khoảng thời gian ... ngày, nếu trong khoảng thời gian này mà Nhà thầu không trả lời thì được coi như Nhà thầu đã chấp nhận đề nghị hay yêu cầu của Chủ đầu tư.

### 12.3. Quyền và nghĩa vụ của tổng thầu thi công xây dựng

a) Tổng thầu thi công xây dựng có các quyền quy định tại khoản 1 Điều 28 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP và các quyền sau:

- Kiểm soát toàn bộ các phương tiện và biện pháp thi công trong phạm vi công trường của toàn bộ dự án.

- Lựa chọn Nhà thầu phụ thông qua đấu thầu hoặc chỉ định thầu phù hợp với hợp đồng tổng thầu thi công xây dựng đã ký, Điều 47 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP và quy định pháp luật về đấu thầu xây dựng công trình, hợp đồng xây dựng.

- Bổ sung hoặc thay thế các Nhà thầu phụ (nếu cần) để đảm bảo chất lượng, giá cả và tiến độ thực hiện các công việc của hợp đồng sau khi được Chủ đầu tư chấp thuận.

b) Tổng thầu thi công xây dựng có nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 28 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP và các nghĩa vụ sau:

- Tổ chức điều hành công trường, điều phối các Nhà thầu phụ về việc sử dụng hợp lý các công trình phụ trợ, các công trình phục vụ thi công để tránh lãng phí; sử dụng, bảo vệ mặt bằng và giữ gìn an ninh trật tự công trường. Các Nhà thầu phụ phải tuân thủ sự chỉ đạo điều hành của tổng thầu thi công xây dựng về việc điều hành công trường.

- Lập và thỏa thuận với Chủ đầu tư về kế hoạch tiến độ thực hiện các giai đoạn thi công và hạng mục công trình chủ yếu, kế hoạch thanh toán của hợp đồng.

- Tổ chức việc mua sắm, chế tạo và cung ứng vật tư, thiết bị theo yêu cầu và tiến độ thực hiện hợp đồng tổng thầu; thỏa thuận và thống nhất với Chủ đầu tư về nội dung hồ sơ mời thầu mua sắm các thiết bị công nghệ chủ yếu và chi phí mua sắm thiết bị của hợp đồng trên cơ sở kết quả đấu thầu về thiết bị (nếu có thỏa thuận trong hợp đồng).

- Tổ chức hệ thống quản lý chất lượng, đảm bảo chất lượng các công việc thực hiện theo quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng và theo các thỏa thuận hợp đồng.

- Tổ chức, điều phối và quản lý các hoạt động trên công trường; thực hiện biện pháp đảm bảo vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ, an toàn lao động và an ninh trên công trường.

- Chủ động phối hợp với Chủ đầu tư trong việc tổ chức đào tạo cán bộ quản lý và công nhân vận hành sử dụng công trình; thực hiện việc chuyển giao công nghệ, bàn giao các bản vẽ, tài liệu kỹ thuật có liên quan đến vận hành, sử dụng và bảo trì công trình cho Chủ đầu tư.

- Thực hiện các công việc thử nghiệm, hiệu chỉnh, vận hành chạy thử đồng bộ công trình và bàn giao công trình hoàn thành cho Chủ đầu tư theo thỏa thuận hợp đồng và theo quy định của nhà nước.

- Thực hiện bảo hành công trình theo quy định của nhà nước.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Chủ đầu tư về chất lượng, tiến độ thực hiện công việc theo hợp đồng đã ký kết, kể cả phần việc do Nhà thầu phụ thực hiện và phải



bồi thường vật chất cho những thiệt hại do lỗi của mình gây ra.

#### 12.4. Nhân lực của Nhà thầu

Nhân lực của Nhà thầu phải có trình độ chuyên môn, kỹ năng và kinh nghiệm phù hợp về nghề nghiệp, công việc của họ. Chủ đầu tư có thể yêu cầu Nhà thầu sa thải (*hay tác động để sa thải*) bất cứ nhân lực nào ở công trường hay công trình, kể cả đại diện của Nhà thầu nếu những người đó: có thái độ sai trái hoặc thiếu cẩn thận; thiếu năng lực hoặc bất cần; không tuân thủ bất kỳ điều khoản nào của hợp đồng; gây phương hại đến an toàn, sức khỏe hoặc bảo vệ môi trường.

Khi đó, Nhà thầu sẽ chỉ định (*hoặc buộc phải chỉ định*) một người khác thích hợp để thay thế. Nhà thầu phải luôn đảm bảo trật tự, an toàn cho người và tài sản trên công trường.

#### 12.5. Báo cáo về nhân lực và thiết bị của Nhà thầu

Nhà thầu phải trình cho Chủ đầu tư những chi tiết về số lượng nhân lực tối thiểu, thiết bị chủ yếu của Nhà thầu trên công trường.

#### 12.6. Hợp tác

Nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện việc hợp tác trong công việc đối với: nhân lực của Chủ đầu tư; các Nhà thầu khác do Chủ đầu tư thuê;

Các dịch vụ cho những người này và các Nhà thầu khác có thể bao gồm việc sử dụng thiết bị của Nhà thầu, các công trình tạm hoặc việc bố trí đường vào công trường là trách nhiệm của Nhà thầu. Trường hợp các dịch vụ này làm phát sinh chi phí ngoài giá hợp đồng thì các bên xem xét thỏa thuận bổ sung chi phí này.

Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về các hoạt động thi công xây lắp của mình trên công trường, phải phối hợp các hoạt động của mình với hoạt động của các Nhà thầu khác ở phạm vi (*nếu có*) được nêu rõ trong hồ sơ mời thầu (*hoặc hồ sơ yêu cầu*) của Chủ đầu tư.

#### 12.7. Định vị các mốc

Nhà thầu phải định vị công trình theo các mốc và cao trình tham chiếu được xác định trong hợp đồng. Nhà thầu sẽ chịu trách nhiệm về việc định vị đúng tất cả các hạng mục của công trình và phải điều chỉnh sai sót về vị trí, cao độ, kích thước hoặc căn tuyến của công trình.

Chủ đầu tư sẽ phải chịu trách nhiệm về bất kỳ sai sót nào về việc cung cấp thông tin trong các mục được chỉ ra trên đây hoặc các thông báo để tham chiếu đó (*các điểm mốc, tuyến và cao trình chuẩn*), nhưng Nhà thầu phải cố gắng để kiểm chứng độ chính xác của chúng trước khi sử dụng.

Trường hợp, Nhà thầu bị chậm trễ và phải chịu chi phí mà không phải do lỗi của mình gây ra, thì Nhà thầu sẽ thông báo cho Chủ đầu tư và có quyền thực hiện theo Điều 24 của hợp đồng [Khiếu nại và xử lý các tranh chấp].

#### 12.8. Điều kiện về công trường

Nhà thầu được coi là đã thẩm tra và xem xét công trường, khu vực xung quanh công trường, các số liệu và thông tin có sẵn nêu trên và đã được thỏa mãn trước khi nộp thầu, bao gồm:

- a) Địa hình của công trường, bao gồm cả các điều kiện địa chất công trình khi mà trong HSMT (HSYC) hoặc tài liệu làm rõ đã có báo cáo khảo sát địa chất công trình;
- b) Điều kiện địa chất thủy văn và khí hậu;
- c) Mức độ và tính chất của công việc và vật liệu cần thiết cho việc thi công, hoàn thành công trình và sửa chữa sai sót.

d) Các quy định của pháp luật về lao động;

đ) Các yêu cầu của Nhà thầu về đường vào, ăn, ở, phương tiện, nhân lực, điều kiện giao thông, nước và các dịch vụ khác.

Nhà thầu được coi là đã thỏa mãn về tính đúng, đủ của điều kiện công trường để xác định giá hợp đồng.

Nếu Nhà thầu gặp phải các điều kiện địa chất bất lợi mà Nhà thầu cho là không lường trước được, thì Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư biết một cách sớm nhất có thể. Thông báo này sẽ mô tả các điều kiện địa chất sao cho Chủ đầu tư có thể kiểm tra được và phải nêu lý do tại sao Nhà thầu coi các điều kiện địa chất đó là không lường trước được. Nhà thầu phải tiếp tục thi công xây dựng công trình, sử dụng các biện pháp thỏa đáng và hợp lý và thích ứng với điều kiện địa chất đó và phải tuân theo bất kỳ chỉ dẫn nào mà Chủ đầu tư có thể đưa ra. Nếu một chỉ dẫn tạo ra sự thay đổi, thì các bên xem xét tiêu chí để thống nhất áp dụng theo Điều 21 của hợp đồng [Rủi ro và bất khả kháng].

#### 12.9. Đường đi và phương tiện

Nhà thầu phải chịu toàn bộ chi phí và lệ phí cho các quyền về đường đi lại chuyên dùng hoặc tạm thời mà Nhà thầu cần có, bao gồm lối vào công trường. Nhà thầu cũng phải có thêm các phương tiện khác bên ngoài công trường cần cho công việc bằng kinh phí của mình.

Nhà thầu phải nỗ lực để tránh làm hư hỏng đường, cầu do việc sử dụng, đi lại của Nhà thầu hoặc người của Nhà thầu gây ra. Những nỗ lực này phải bao gồm việc sử dụng đúng các phương tiện và tuyến đường thích hợp.

Trừ khi được quy định khác trong các điều kiện và điều khoản này:

a) Nhà thầu không được sử dụng và chiếm lĩnh toàn bộ đường đi, vỉa hè bất kể nó là công cộng hay thuộc quyền kiểm soát của Chủ đầu tư hoặc những người khác;

b) Nhà thầu (*trong quan hệ giữa các bên*) sẽ phải chịu trách nhiệm sửa chữa nếu Nhà thầu làm hỏng khi sử dụng các tuyến đường đó;

c) Nhà thầu phải cung cấp các biển hiệu, biển chỉ dẫn cần thiết dọc tuyến đường và phải xin phép nếu các cơ quan liên quan yêu cầu cho việc sử dụng các tuyến đường, biển hiệu, biển chỉ dẫn;

d) Chủ đầu tư không chịu trách nhiệm về bất cứ khiếu nại nào có thể nảy sinh từ việc sử dụng hoặc các việc liên quan khác đối với các tuyến đường đi lại;

đ) Chủ đầu tư không bảo đảm sự thích hợp hoặc sẵn có các tuyến đường riêng biệt nào;

e) Chi phí do sự không thích hợp hoặc không có sẵn các tuyến đường cho yêu cầu sử dụng của Nhà thầu sẽ do Nhà thầu chịu.

#### 12.10. Vận chuyển vật tư thiết bị (trừ khi có quy định khác)

a) Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư không muộn hơn ... ngày, trước ngày mà mọi vật tư, thiết bị được vận chuyển tới công trường (bao gồm cả đóng gói, xếp hàng, vận chuyển, nhận, dỡ hàng, lưu kho và bảo vệ vật tư thiết bị);

b) Nhà thầu phải bồi thường và gánh chịu thiệt hại cho Chủ đầu tư đối với các hư hỏng, mất mát và chi phí (kể cả lệ phí và phí tư pháp) do việc vận chuyển vật tư thiết bị của Nhà thầu.

#### 12.11. Thiết bị Nhà thầu

Nhà thầu phải chịu trách nhiệm đối với toàn bộ thiết bị của mình. Khi được đưa tới công trình, thiết bị của Nhà thầu phải dùng riêng cho việc thi công công trình. Nhà thầu không

được di chuyển ra khỏi công trường bất kỳ một loại thiết bị chủ yếu nào nếu không được sự đồng ý của Chủ đầu tư. Tuy nhiên, không yêu cầu phải có sự đồng ý của Chủ đầu tư đối với các xe cộ vận chuyển vật tư, thiết bị hoặc nhân lực của Nhà thầu ra khỏi công trường.

#### 12.12. Thiết bị và vật liệu do Chủ đầu tư cấp (nếu có)

a) Chủ đầu tư phải chịu trách nhiệm đối với thiết bị, vật liệu của mình cấp cho Nhà thầu.

b) Nhà thầu phải chịu trách nhiệm đối với từng thiết bị, vật liệu của Chủ đầu tư trong khi người của Nhà thầu vận hành, lái, điều khiển, sử dụng, quản lý hoặc kiểm soát nó.

Số lượng thích hợp và số tiền phải trả (với giá đã nêu) để sử dụng thiết bị của Chủ đầu tư đã được thỏa thuận trong hợp đồng. Nhà thầu phải thanh toán số tiền này cho Chủ đầu tư.

Chủ đầu tư phải cung cấp, miễn phí “các vật liệu do mình cung cấp” (nếu có) theo các chi tiết nêu trong các yêu cầu của Chủ đầu tư. Chủ đầu tư phải chịu rủi ro và dùng chi phí của mình, cung cấp những vật tư này tại thời điểm và địa điểm được quy định trong hợp đồng. Nhà thầu phải kiểm tra những vật liệu này và phải thông báo kịp thời cho Chủ đầu tư về sự thiếu hụt, sai sót hoặc không có của những vật liệu này. Trừ khi hai bên có thỏa thuận khác, Chủ đầu tư phải xác định ngay sự thiếu hụt, sai sót như đã được thông báo.

Sau khi được kiểm tra, vật liệu do Chủ đầu tư cấp sẽ phải được Nhà thầu bảo quản và giám sát cẩn thận. Trách nhiệm kiểm tra, bảo quản của Nhà thầu không làm giảm trách nhiệm của Chủ đầu tư đối với sự thiếu hụt, sai sót, lỗi không thấy rõ khi kiểm tra.

#### 12.13. Hoạt động của Nhà thầu trên công trường

Nhà thầu phải giới hạn các hoạt động của mình trong phạm vi công trường và khu vực bổ sung mà Nhà thầu có và được Chủ đầu tư đồng ý là nơi làm việc. Nhà thầu phải có sự chú ý cần thiết để giữ cho thiết bị của Nhà thầu và nhân lực của Nhà thầu chỉ hoạt động trong phạm vi công trường và các khu vực bổ sung và giữ cho không lấn sang khu vực lân cận. Trong thời gian thi công công trình, Nhà thầu phải giữ cho công trường không có các cản trở không cần thiết, và phải cất giữ hoặc sắp xếp thiết bị hoặc vật liệu thừa của mình. Nhà thầu phải dọn sạch rác và dỡ bỏ công trình tạm ra khỏi công trường khi không cần nữa.

Sau khi biên bản nghiệm thu công trình đã được cấp, Nhà thầu phải dọn sạch và đưa đi tất cả thiết bị của Nhà thầu, nguyên vật liệu thừa, phế thải xây dựng, rác và công trình tạm. Nhà thầu phải để lại những khu vực đó của công trường và công trình trong trạng thái sạch sẽ và an toàn. Tuy nhiên, Nhà thầu có thể để lại công trường, trong giai đoạn thông báo sai sót, những vật tư thiết bị cần để Nhà thầu hoàn thành nghĩa vụ theo hợp đồng.

Nếu tất cả những vật tư, thiết bị này không được dọn khỏi công trường trong vòng ... ngày sau khi Chủ đầu tư cấp biên bản nghiệm thu, bàn giao; Chủ đầu tư có thể bán hoặc thải bỏ vật tư thiết bị, số tiền thu được từ việc bán vật tư, thiết bị sẽ trả cho Nhà thầu sau khi đã thanh toán các chi phí phát sinh cho Chủ đầu tư.

#### 12.14. Các vấn đề khác có liên quan

Tất cả các cổ vật, đồng tiền, đồ cổ hoặc các di vật khác hoặc các hạng mục địa chất hoặc khảo cổ được tìm thấy trên công trường sẽ được đặt dưới sự bảo quản và thẩm quyền của Chủ đầu tư. Nhà thầu phải chú ý không cho người của mình hoặc người khác lấy đi hoặc làm hư hỏng các đồ vật tìm thấy này.

Khi phát hiện ra những đồ vật này, Nhà thầu phải thông báo ngay cho Chủ đầu tư để hướng dẫn giải quyết. Nếu Nhà thầu gặp phải sự chậm trễ và phải chịu chi phí để thực hiện hướng dẫn thì Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư và có quyền theo Điều 24 của hợp đồng [Khiếu nại và xử lý các tranh chấp].

### **Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của Nhà thầu tư vấn (áp dụng đối với trường hợp Chủ đầu tư ký hợp đồng thuê tư vấn quản lý dự án)**

#### **13.1. Quyền của Nhà thầu tư vấn**

Nhà thầu tư vấn sẽ thực hiện các nhiệm vụ do Chủ đầu tư quy định trong hợp đồng. Nhà thầu tư vấn có thể bao gồm những cá nhân có trình độ chuyên môn phù hợp và có đủ năng lực để thực hiện những công việc này.

Nhà thầu tư vấn không có quyền sửa đổi hợp đồng. Nhà thầu tư vấn có thể thực hiện quyền hạn được gắn với chức danh nhà tư vấn như đã được xác định hoặc được bao hàm do thấy cần thiết trong hợp đồng. Nếu Nhà thầu tư vấn được yêu cầu phải có sự chấp thuận của Chủ đầu tư trước khi thực thi một quyền hạn được xác định cụ thể thì những yêu cầu này phải được nói rõ trong hợp đồng. Chủ đầu tư cam kết không áp đặt đối với quyền hạn của Nhà thầu tư vấn, trừ những gì đã thỏa thuận với Nhà thầu.

Tuy nhiên, mỗi khi Nhà thầu tư vấn thực thi một quyền hạn được xác định cụ thể mà cần có sự chấp thuận của Chủ đầu tư (*vì mục đích của hợp đồng*) thì được xem như Chủ đầu tư đã chấp thuận.

Trừ khi được nêu khác đi trong điều kiện này thì:

a) Mỗi khi thực thi nhiệm vụ hoặc thực hiện một quyền hạn đã được xác định cụ thể hoặc bao hàm trong hợp đồng, Nhà thầu tư vấn được xem là làm việc cho Chủ đầu tư;

b) Nhà thầu tư vấn không có quyền giám sát bất kỳ nhiệm vụ, nghĩa vụ hoặc trách nhiệm nào theo hợp đồng hay cho một bên nào;

c) Bất kỳ sự chấp thuận, kiểm tra, xác nhận, đồng ý, xem xét, giám sát, chỉ dẫn, thông báo, đề xuất, yêu cầu, kiểm định hoặc hành động tương tự nào của Nhà thầu tư vấn (bao gồm cả trường hợp không có sự phản đối) cũng không hề miễn cho Nhà thầu khỏi bất kỳ trách nhiệm nào theo hợp đồng, bao gồm cả trách nhiệm đối với các sai sót, bỏ sót, không nhất quán và không tuân thủ đúng.

#### **13.2. Ủy quyền của Nhà thầu tư vấn**

Nhà thầu tư vấn có thể phân công nhiệm vụ và ủy quyền cho một số cá nhân nhất định sau khi được sự chấp thuận của Chủ đầu tư. Những cá nhân này có thể là một Nhà thầu tư vấn thường trú hoặc giám sát viên độc lập được chỉ định để giám sát hoặc chạy thử các hạng mục thiết bị, vật liệu. Sự phân công, ủy quyền hoặc hủy bỏ sự phân công, ủy quyền của nhà tư vấn phải thể hiện bằng văn bản và chỉ có hiệu lực khi nào Chủ đầu tư nhận được văn bản đó. Tuy nhiên, trừ khi có thỏa thuận khác của hai bên trong hợp đồng hoặc của Chủ đầu tư, Nhà thầu tư vấn sẽ không ủy quyền để quyết định bất kỳ vấn đề gì.

Các cá nhân này phải là những người có đủ trình độ, năng lực để thực hiện các nhiệm vụ theo ủy quyền.

Mỗi cá nhân được phân công nhiệm vụ hoặc được ủy quyền, chỉ được quyền đưa ra chỉ dẫn cho Nhà thầu trong phạm vi được xác định trong sự ủy quyền. Bất kỳ sự chấp thuận, kiểm tra, xác nhận, đồng ý, xem xét, giám sát, chỉ dẫn, thông báo, đề xuất, yêu cầu, kiểm định hoặc hành động tương tự nào của một cá nhân phù hợp với sự ủy quyền sẽ có cùng hiệu lực như là việc thực hiện công việc của chính Nhà thầu tư vấn. Tuy nhiên:

a) Bất kỳ một sự không thành công trong công việc, không chấp thuận một công việc, thiết bị hoặc vật liệu nào đó, sẽ không có nghĩa là sự phê duyệt và do vậy, sẽ không phung phí đến quyền của Nhà thầu tư vấn trong việc bác bỏ công việc, thiết bị hoặc vật liệu đó;

b) Nếu Nhà thầu có điều gì hoài nghi đối với một quyết định hoặc chỉ dẫn nào đó của các cá nhân này thì Nhà thầu có thể nêu vấn đề đó với Nhà thầu tư vấn là người sẽ nhanh

chống kháng định, đảo ngược hoặc thay đổi quyết định hoặc chỉ dẫn đó.

### 13.3. Chỉ dẫn của Nhà thầu tư vấn

Nhà thầu tư vấn có thể đưa ra cho Nhà thầu bất kỳ lúc nào các chỉ dẫn và bản vẽ bổ sung hoặc sửa đổi cần thiết cho việc thi công xây dựng công trình và sửa chữa mọi sai sót, tất cả phải phù hợp với hợp đồng. Nhà thầu sẽ chỉ nhận các chỉ dẫn của Nhà thầu tư vấn hoặc người được ủy quyền.

Chủ đầu tư phải tuân theo các chỉ dẫn do nhà tư vấn hoặc người được ủy quyền đưa ra, về bất kỳ vấn đề nào có liên quan đến hợp đồng. Khi có thể, các chỉ dẫn của Nhà thầu tư vấn và người được ủy quyền phải được đưa ra ở dạng văn bản. Trong trường hợp, Nhà thầu tư vấn hoặc một người được ủy quyền:

a) Đưa ra chỉ dẫn bằng lời nói;

b) Nhận được sự đề nghị hoặc yêu cầu bằng văn bản về chỉ dẫn nhưng không trả lời bằng cách đưa ra ý kiến bằng văn bản trong vòng.... ngày làm việc, sau khi nhận được đề nghị hoặc yêu cầu đó;

Thì sự đề nghị hoặc yêu cầu đó chính là chỉ dẫn bằng văn bản của Nhà thầu tư vấn hoặc người được ủy quyền (*trường hợp cụ thể do các bên quy định trong hợp đồng*).

### 13.4. Thay thế Nhà thầu tư vấn

Nếu Chủ đầu tư có ý định thay thế Nhà thầu tư vấn thì không ít hơn ...ngày trước khi dự định thay thế, Chủ đầu tư phải thông báo cho Nhà thầu thông tin chi tiết tương ứng của Nhà thầu tư vấn được dự kiến thay thế. Chủ đầu tư không được thay thế Nhà thầu tư vấn bằng một người mà Nhà thầu có ý kiến từ chối một cách có lý do bằng cách gửi thông báo cho Chủ đầu tư các chi tiết, lý lẽ để giải thích.

13.5. Quyết định của Nhà thầu tư vấn (*trường hợp Chủ đầu tư không thuê Nhà thầu tư vấn thì khoản này áp dụng cho chính Chủ đầu tư*)

Những điều kiện này quy định rằng, Nhà thầu tư vấn (*thay mặt cho Chủ đầu tư*) sẽ tiến hành công việc theo khoản này để đồng ý hay quyết định một vấn đề, nhà tư vấn phải trao đổi ý kiến với từng bên để cố gắng đạt được sự thống nhất chung. Trường hợp không đạt được sự thống nhất, nhà tư vấn sẽ đưa ra một quyết định khách quan phù hợp với hợp đồng, có xem xét thích đáng đến những sự việc có liên quan.

Nhà thầu tư vấn cần thông báo cho hai bên về từng thỏa thuận hay quyết định với lý lẽ bảo vệ của mình. Mỗi bên phải cố gắng tôn trọng hiệu lực của mỗi thỏa thuận hoặc quyết định, trừ khi và cho tới khi được xem xét theo Điều 24 của hợp đồng [Khiếu nại và xử lý các tranh chấp].

## **Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Nhà thầu tư vấn (áp dụng đối với trường hợp Chủ đầu tư ký hợp đồng thuê tư vấn giám sát thi công xây dựng)**

### 14.1. Quyền của Nhà thầu tư vấn giám sát thi công xây dựng (NTVGSTCXD)

Nhà thầu tư vấn giám sát thi công xây dựng là người sẽ thực hiện các nhiệm vụ do Chủ đầu tư giao cho NTVGSTCXD trong hợp đồng và các quy định cụ thể theo quy định của pháp luật. NTVGSTCXD có thể bao gồm những cá nhân có trình độ chuyên môn phù hợp và có đủ năng lực để thực hiện những công việc này.

NTVGSTCXD không có quyền sửa đổi hợp đồng. NTVGSTCXD có thể thực hiện quyền hạn được gán với chức danh NTVGSTCXD như đã được xác định hoặc được bao hàm do thấy cần thiết trong hợp đồng. Nếu NTVGSTCXD được yêu cầu phải có sự chấp thuận của Chủ đầu tư trước khi thực thi một quyền hạn được xác định cụ thể thì những yêu cầu này phải được nói rõ trong hợp đồng. Chủ đầu tư cam kết không áp đặt đối với quyền hạn của

NTVGSTCXD, trừ những gì đã thỏa thuận với Nhà thầu.

Trừ khi được nêu khác đi trong điều kiện này thì:

a) NTVGSTCXD không có quyền giám sát bất kỳ nhiệm vụ, nghĩa vụ hoặc trách nhiệm nào theo hợp đồng hay cho một bên nào;

b) Bất kỳ sự chấp thuận, kiểm tra, xác nhận, đồng ý, xem xét, giám sát, thông báo, yêu cầu, kiểm định hoặc hành động tương tự nào của NTVGSTCXD (bao gồm cả trường hợp không có sự phản đối) cũng không hề miễn cho Chủ đầu tư khỏi bất kỳ trách nhiệm nào theo hợp đồng, bao gồm cả trách nhiệm đối với các sai sót, bỏ sót, không nhất quán và không tuân thủ đúng.

#### 14.2. Trách nhiệm của NTVGSTCXD

Giám sát chất lượng thi công xây dựng công trình *(nếu không thuê tư vấn giám sát thi công việc này thuộc trách nhiệm của Chủ đầu tư)*.

Nội dung giám sát chất lượng thi công xây dựng công trình thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng.

#### 14.3. Thay thế NTVGSTCXD

Nếu Chủ đầu tư có ý định thay thế NTVGSTCXD thì không ít hơn ... ngày trước khi dự định thay thế, Chủ đầu tư phải thông báo cho Nhà thầu thông tin chi tiết tương ứng của NTVGSTCXD được dự kiến thay thế. Chủ đầu tư không được thay thế NTVGSTCXD bằng một người mà Nhà thầu có ý kiến từ chối một cách có lý do bằng cách gửi thông báo cho Chủ đầu tư các chi tiết, lý lẽ để giải thích.

### **Điều 15. Nhà thầu phụ**

15.1. Khi ký hợp đồng thầu phụ [quy định tại **ĐKCT**], Nhà thầu phải thực hiện theo các quy định sau:

a) Đối với các Nhà thầu phụ không có trong danh sách thầu phụ kèm theo hợp đồng thì phải được Chủ đầu tư chấp thuận [quy định tại **ĐKCT**];

b) Nhà thầu phải chịu trách nhiệm trước Chủ đầu tư về khối lượng, tiến độ, chất lượng, an toàn lao động, bảo vệ môi trường và sai sót của mình và các công việc/nghĩa vụ khác đối với phần việc do các Nhà thầu phụ thực hiện;

c) Nhà thầu không được giao cho Nhà thầu phụ thực hiện vượt quá...% giá trị hợp đồng.

#### 15.2. Nhà thầu phụ do Chủ đầu tư chỉ định *(nếu có)*

a) Nhà thầu phụ do Chủ đầu tư chỉ định là một Nhà thầu được Chủ đầu tư chỉ định cho Nhà thầu thuê làm Nhà thầu phụ để thực hiện một số phần việc chuyên ngành có yêu cầu kỹ thuật cao hoặc khi Nhà thầu không đáp ứng được tiến độ thực hiện hợp đồng sau khi Chủ đầu tư đã yêu cầu.

b) Nhà thầu có quyền từ chối Nhà thầu phụ do Chủ đầu tư chỉ định nếu công việc Nhà thầu đang thực hiện vẫn tuân thủ đúng các thỏa thuận trong hợp đồng hoặc có đầy đủ cơ sở cho rằng Nhà thầu phụ do Chủ đầu tư chỉ định không đáp ứng được các yêu cầu theo hợp đồng.

15.3. Chủ đầu tư có thể thanh toán trực tiếp cho Nhà thầu phụ trên cơ sở đề xuất thanh toán của Nhà thầu *(hoặc theo thỏa thuận khác của các bên)*.

#### 15.4. Hợp tác với Nhà thầu khác.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Nhà thầu phải hợp tác với các Nhà thầu khác và

các đơn vị liên quan cùng làm việc trên công trường trong khoảng thời gian làm việc của các Nhà thầu, đơn vị liên quan đó theo kế hoạch. Trường hợp thay đổi kế hoạch làm việc của các Nhà thầu khác, Chủ đầu tư sẽ thông báo bằng văn bản cho Nhà thầu về những thay đổi đó.

Trường hợp có quy định trong thông số kỹ thuật hoặc theo yêu cầu của Chủ đầu tư, Nhà thầu phải hợp tác và tạo điều kiện phù hợp cho nhân sự của Chủ đầu tư và các nhân sự khác tiến hành đánh giá tác động môi trường và xã hội. Chủ đầu tư phải thông báo trước cho Nhà thầu về việc này.

15.5. Hợp đồng thầu phụ thực hiện theo quy định tại Điều 47 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP và các quy định pháp luật khác có liên quan. Các nội dung trong hợp đồng thầu phụ có thể tham khảo các mẫu hợp đồng tại phụ lục kèm theo Thông tư hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng xây dựng.

## **Điều 16. An toàn lao động, bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ**

### **16.1. An toàn lao động**

a) Nhà thầu phải lập các biện pháp an toàn cho người và công trình trên công trường xây dựng, kể cả các công trình phụ cận.

b) Biện pháp an toàn, nội quy về an toàn lao động phải được thể hiện công khai trên công trường xây dựng để mọi người biết và chấp hành; những vị trí nguy hiểm trên công trường phải bố trí người hướng dẫn, cảnh báo đề phòng tai nạn.

c) Các bên có liên quan phải thường xuyên kiểm tra giám sát công tác an toàn lao động trên công trường. Khi phát hiện có vi phạm về an toàn lao động thì phải đình chỉ thi công xây dựng. Tổ chức, cá nhân để xảy ra vi phạm về an toàn lao động thuộc phạm vi quản lý của mình phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

d) Nhà thầu có trách nhiệm đào tạo, hướng dẫn, phổ biến các quy định về an toàn lao động cho người lao động của mình. Đối với một số công việc yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động thì người lao động phải có giấy chứng nhận đào tạo về an toàn lao động.

đ) Nhà thầu có trách nhiệm cấp đầy đủ các trang bị bảo hộ lao động, an toàn lao động cho người lao động.

Khi có sự cố về an toàn lao động, Nhà thầu thi công xây dựng và các bên có liên quan có trách nhiệm tổ chức xử lý và báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về an toàn lao động theo quy định của pháp luật đồng thời chịu trách nhiệm khắc phục và bồi thường những thiệt hại do Nhà thầu không bảo đảm an toàn lao động gây ra.

### **16.2. Bảo vệ môi trường**

a) Nhà thầu phải thực hiện các biện pháp bảo đảm về môi trường cho người lao động trên công trường và bảo vệ môi trường xung quanh, bao gồm có biện pháp chống bụi, chống ồn, xử lý phế thải và thu dọn hiện trường. Phải thực hiện các biện pháp bao che, thu dọn phế thải đưa đến đúng nơi quy định.

b) Trong quá trình vận chuyển vật liệu xây dựng, phế thải phải có biện pháp che chắn bảo đảm an toàn, vệ sinh môi trường.

c) Các bên phải có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện bảo vệ môi trường xây dựng, đồng thời chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý nhà nước về môi trường. Trường hợp Nhà thầu thi công xây dựng không tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường thì Chủ đầu tư, cơ quan quản lý nhà nước về môi trường có quyền tạm ngừng thi công xây dựng và yêu cầu Nhà thầu thực hiện đúng biện pháp bảo vệ môi trường.

d) Tổ chức, cá nhân để xảy ra các hành vi làm tổn hại đến môi trường trong quá trình thi công xây dựng công trình phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại do

lỗi của mình gây ra.

### 16.3. Phòng chống cháy nổ

Các bên tham gia hợp đồng xây dựng phải tuân thủ các quy định của nhà nước về phòng chống cháy nổ.

## **Điều 17. Điện, nước và an ninh công trường**

### 17.1. Điện, nước trên công trường

Trừ trường hợp quy định ở dưới đây, Nhà thầu phải chịu trách nhiệm cung cấp điện, nước và các dịch vụ khác mà Nhà thầu cần.

Nhà thầu có quyền sử dụng việc cung cấp điện, nước và dịch vụ khác có thể có trên công trường cho mục đích thi công công trình mà các chi tiết và giá đã được đưa ra trong các yêu cầu của Chủ đầu tư; Nhà thầu có trách nhiệm bảo vệ nguồn điện, nước để phục vụ thi công công trình. Nhà thầu phải tự mình chịu rủi ro và dùng chi phí của mình, cung cấp máy móc thiết bị cần thiết để sử dụng những dịch vụ này và để đo số lượng tiêu thụ. Số lượng tiêu thụ và số tiền phải trả cho các dịch vụ trên Nhà thầu phải thanh toán theo quy định của hợp đồng.

### 17.2. An ninh công trường

Trừ khi có quy định khác trong những điều kiện riêng:

a) Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về việc cho phép những người không có nhiệm vụ vào công trường;

b) Những người có nhiệm vụ được vào công trường gồm nhân lực của Nhà thầu và của Chủ đầu tư và những người khác do Chủ đầu tư (hoặc người thay mặt) thông báo cho Nhà thầu biết.

## **Điều 18. Tạm dừng và chấm dứt hợp đồng bởi Chủ đầu tư**

### 18.1. Tạm dừng thực hiện công việc của hợp đồng bởi Chủ đầu tư:

Nếu Nhà thầu không thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng, Chủ đầu tư có thể ra thông báo yêu cầu Nhà thầu phải thực hiện và sửa chữa các sai hỏng trong khoảng thời gian hợp lý, cụ thể.

Chủ đầu tư quyết định dừng thực hiện công việc trong hợp đồng và yêu cầu khắc phục hậu quả khi Nhà thầu không đáp ứng các yêu cầu về chất lượng công trình, an toàn lao động, bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ và tiến độ theo hợp đồng đã ký kết.

Trước khi tạm dừng, Chủ đầu tư thông báo bằng văn bản cho Nhà thầu không ít hơn ... ngày và trong thông báo sẽ nêu rõ lý do tạm dừng.

### 18.2. Chấm dứt hợp đồng bởi Chủ đầu tư

Chủ đầu tư sẽ được quyền chấm dứt hợp đồng nếu Nhà thầu:

a) Không thực hiện theo bảo đảm thực hiện hợp đồng hoặc một thông báo theo khoản 18.1 của hợp đồng này [Tạm dừng thực hiện công việc của Hợp đồng bởi Chủ đầu tư];

b) Bỏ dở công trình hoặc thể hiện rõ ràng ý định không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng;

c) Không có lý do chính đáng mà .... ngày liên tục không thực hiện công việc theo Hợp đồng;

d) Giao thầu phụ lớn hơn ...% giá trị công trình hoặc chuyển nhượng hợp đồng mà không có sự thỏa thuận của Chủ đầu tư;



đ) Bị phá sản hoặc vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản, phải thương lượng với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự giám sát của người quản lý tài sản, người được ủy quyền hoặc người quản lý vì lợi ích của chủ nợ hoặc đã có hành động hoặc sự kiện nào xảy ra (theo các luật được áp dụng) có ảnh hưởng tương tự tới các hoạt động hoặc sự kiện này;

Nếu có ở một trong những trường hợp này, Chủ đầu tư có thể bằng cách thông báo cho Nhà thầu trước ... ngày, chấm dứt hợp đồng và trục xuất Nhà thầu ra khỏi công trường. Tuy nhiên, trong trường hợp của điểm (đ) Chủ đầu tư có thể thông báo chấm dứt hợp đồng ngay lập tức.

Sự lựa chọn của Chủ đầu tư trong việc quyết định chấm dứt hợp đồng sẽ không được làm ảnh hưởng đến các quyền lợi khác của Chủ đầu tư theo hợp đồng.

Nhà thầu phải rời công trường và chuyển các vật tư, vật liệu cần thiết, các tài liệu của Nhà thầu và các hồ sơ thiết kế khác của Nhà thầu cho Chủ đầu tư. Tuy nhiên, Nhà thầu sẽ cố gắng hết mức để tuân thủ ngay lập tức các hướng dẫn hợp lý được nêu trong thông báo, bảo vệ tính mạng và tài sản hay cho sự an toàn của công trình.

Sau khi chấm dứt hợp đồng, Chủ đầu tư có thể hoàn thành công trình và sắp đặt cho các đơn vị khác thực hiện. Chủ đầu tư và các đơn vị này khi đó có thể sử dụng bất cứ vật tư, vật liệu, tài liệu nào của Nhà thầu và các tài liệu thiết kế khác do Nhà thầu thực hiện hoặc do đại diện Nhà thầu thực hiện.

Chủ đầu tư sẽ thông báo cho Nhà thầu giải phóng các thiết bị, công trình tạm của nhà thầu ở tại hoặc gần công trường. Ngay khi nhận được thông báo, trong thời gian .... ngày, Nhà thầu phải tiến hành tháo dỡ, di chuyển các thiết bị, công trình tạm này.

### 18.3. Xác định giá vào ngày chấm dứt hợp đồng

Ngay khi thông báo chấm dứt theo khoản 18.2 của hợp đồng [Chấm dứt hợp đồng bởi Chủ đầu tư] có hiệu lực, Chủ đầu tư sẽ xem xét đồng ý hoặc xác định giá trị của công trình, vật tư, vật liệu và tài liệu của Nhà thầu và các khoản tiền phải thanh toán cho Nhà thầu cho các công việc được thực hiện theo đúng hợp đồng.

### 18.4. Thanh toán sau khi chấm dứt hợp đồng

Sau khi thông báo chấm dứt hợp đồng theo khoản 18.2 của hợp đồng này [Chấm dứt Hợp đồng bởi Chủ đầu tư] có hiệu lực, Chủ đầu tư có thể:

a) Không thanh toán thêm cho Nhà thầu cho đến khi chi phí thi công, hoàn thành và sửa chữa các sai sót và hư hỏng do chậm trễ trong thời gian hoàn thành (nếu có) và các chi phí khác mà Chủ đầu tư chấp thuận đã được xác định;

b) Thu lại từ Nhà thầu các phí tổn do hư hỏng, mất mát mà Chủ đầu tư phải chịu và các chi phí thêm khác của việc hoàn thành công trình, sau khi tính đến bất kỳ một khoản nợ nào đối với Nhà thầu. Sau khi đã thu hồi lại từ các mất mát, hư hỏng và các chi phí thêm, Chủ đầu tư sẽ thanh toán phần tiền còn lại cho Nhà thầu.

## **Điều 19. Tạm dừng và chấm dứt hợp đồng bởi Nhà thầu**

### 19.1. Quyền tạm dừng công việc của Nhà thầu

Nếu Chủ đầu tư không tuân thủ khoản 9.5 của hợp đồng [Thời hạn thanh toán] vượt quá .... ngày; Nhà thầu có thể, sau khi thông báo cho Chủ đầu tư không muộn hơn ... ngày, sẽ tạm dừng công việc (hoặc giám ty lệ công việc) trừ khi và cho đến khi Nhà thầu được thanh toán theo các điều khoản của hợp đồng, tùy từng trường hợp và như đã mô tả trong thông báo.

Việc tạm dừng công việc của Nhà thầu theo khoản này không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Nhà thầu đối với các chi phí tài chính và để chấm dứt hợp đồng theo khoản 19.2 của Hợp đồng [Chấm dứt hợp đồng bởi Nhà thầu].

Nếu Nhà thầu tiếp đó nhận được thanh toán trước khi thông báo chấm dứt hợp đồng, Nhà thầu phải tiếp tục tiến hành công việc trở lại như bình thường ngay khi có thể được.

Nếu Nhà thầu phải chịu sự chậm trễ và các chi phí phát sinh là hậu quả của việc tạm dừng công việc (*hoặc do giám tỷ lệ công việc*) theo khoản này, Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư và theo Điều 24 của Hợp đồng [Khiếu nại và xử lý các tranh chấp].

#### 19.2. Chấm dứt hợp đồng bởi Nhà thầu

Nhà thầu được quyền chấm dứt hợp đồng nếu:

a) Nhà thầu không nhận được số tiền được thanh toán trong vòng 45 ngày kể từ ngày Chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ;

b) Chủ đầu tư về cơ bản không thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng;

c) Việc tạm ngừng bị kéo dài quá 45 ngày;

d) Chủ đầu tư bị phá sản, vỡ nợ, đóng cửa, bị quản lý tài sản phải điều đình với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự điều hành của người được ủy thác hoặc người đại diện cho quyền lợi của chủ nợ hoặc nếu đã có hành động hoặc sự kiện nào đó xảy ra (theo các Luật hiện hành) có tác dụng tương tự tới các hành động hoặc sự kiện đó.

Trong bất cứ sự kiện hoặc trường hợp nào được nêu trên, Nhà thầu có thể bằng thông báo trước ... ngày cho Chủ đầu tư để chấm dứt hợp đồng. Tuy nhiên trong trường hợp của điểm d Nhà thầu có thể thông báo chấm dứt hợp đồng ngay lập tức.

#### 19.3. Dừng công việc và di dời thiết bị Nhà thầu

Sau khi nhận được thông báo chấm dứt hợp đồng, Nhà thầu sẽ ngay lập tức:

a) Dừng tất cả các công việc thêm, ngoại trừ các công việc đã được Chủ đầu tư hướng dẫn để bảo vệ con người và tài sản hoặc an toàn của công trình;

b) Chuyển giao cho Chủ đầu tư toàn bộ tài liệu của Nhà thầu, thiết bị, các vật liệu và các công việc khác mà Nhà thầu đã được thanh toán;

c) Di dời tất cả vật tư, vật liệu khỏi công trường, ngoại trừ các thứ cần thiết cho việc an toàn và rời khỏi công trường.

#### 19.4. Thanh toán khi chấm dứt hợp đồng

Sau khi thông báo chấm dứt hợp đồng theo khoản 19.2 của Hợp đồng [Chấm dứt hợp đồng bởi Nhà thầu] đã có hiệu lực, Chủ đầu tư sẽ ngay lập tức:

a) Trả lại bảo lãnh thực hiện cho Nhà thầu;

b) Thanh toán cho Nhà thầu.

### **Điều 20. Bảo hiểm và bảo hành**

20.1. Bảo hiểm và bảo hành theo hợp đồng xây dựng thực hiện theo quy định tại Điều 46 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP và các quy định tại khoản 20.2, khoản 20.3 Điều này.

#### 20.2. Bảo hiểm

- Chủ đầu tư phải mua bảo hiểm công trình xây dựng theo quy định. Chủ đầu tư đã mua bảo hiểm công trình, khi có tổn thất, thiệt hại xảy ra đối với công trình, mà tổn thất, thiệt hại đó thuộc phạm vi công việc của Nhà thầu, Nhà thầu phải thực hiện các thủ tục cần thiết theo quy định để được bồi thường. Chủ đầu tư sẽ không chịu trách nhiệm đối với những trường hợp Nhà thầu không thực hiện những thủ tục trên. Trường hợp Nhà thầu được bồi thường thì Nhà thầu phải chịu mức khấu trừ theo quy định của hợp đồng cung cấp dịch vụ bảo hiểm xây dựng công trình ký giữa Chủ đầu tư và đơn vị cung cấp dịch vụ bảo hiểm;

- Nhà thầu phải thực hiện mua bảo hiểm đối với các thiết bị, nhân lực của Nhà thầu, bảo hiểm đối với bên thứ 3.

### 20.3. Bảo hành

Sau khi nhận được biên bản nghiệm thu công trình, hạng mục công trình để đưa vào sử dụng, Nhà thầu phải:

- Thực hiện việc bảo hành công trình trong thời gian ..... tháng (tối thiểu là 24 tháng) đối với các công trình cấp đặc biệt, cấp 1, ....tháng (tối thiểu 12 tháng) đối với các công trình cấp 2, cấp 3 và cấp 4, cụ thể do các bên thỏa thuận.

- Trường hợp, Chủ đầu tư trả tiền giữ lại trong các giai đoạn thanh toán cho bảo hành thì Nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư bảo lãnh để thực hiện nghĩa vụ bảo hành công trình trong vòng 21 ngày trước ngày nhận được biên bản nghiệm thu công trình, hạng mục công trình để đưa vào sử dụng. Bảo lãnh bảo hành phải có giá trị cho đến hết thời gian bảo hành và phải do một thể nhân hoặc pháp nhân cấp và phải theo mẫu quy định như trong Phụ lục số... [các biểu mẫu] hoặc mẫu khác thì phải được Chủ đầu tư chấp thuận.

- Trong thời gian bảo hành công trình Nhà thầu phải sửa chữa mọi sai sót, khiếm khuyết do lỗi của Nhà thầu gây ra trong quá trình thi công công trình bằng chi phí của Nhà thầu. Việc sửa chữa các lỗi này phải được bắt đầu trong vòng không quá 21 ngày sau khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư về các lỗi này. Nếu quá thời hạn này mà Nhà thầu không bắt đầu thực hiện các công việc sửa chữa thì Chủ đầu tư có quyền thuê một Nhà thầu khác (bên thứ ba) thực hiện các công việc này và toàn bộ chi phí cho việc sửa chữa để chi trả cho bên thứ ba sẽ do Nhà thầu chịu và được khấu trừ vào tiền bảo hành của Nhà thầu và thông báo cho Nhà thầu giá trị trên, Nhà thầu buộc phải chấp thuận giá trị trên.

### **Điều 21. Rủi ro và bất khả kháng**

#### 21.1. Rủi ro và bất khả kháng

Rủi ro và bất khả kháng thực hiện theo quy định tại Điều 51 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP .

#### 21.2. Hậu quả của các rủi ro

Nếu và trong chừng mực nào đó mọi rủi ro được liệt kê trong khoản 21.1 của hợp đồng này dẫn đến mất mát hay hư hỏng cho công trình, bất động sản, vật tư thiết bị hay các tài liệu của Nhà thầu, thì Nhà thầu phải ngay lập tức gửi thông báo cho Chủ đầu tư và sửa chữa những mất mát, hư hỏng trong phạm vi Chủ đầu tư yêu cầu.

#### 21.3. Trách nhiệm của Nhà thầu đối với rủi ro

Nhà thầu sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với việc bảo đảm công trình và hàng hóa từ ngày khởi công cho đến ngày phát hành biên bản nghiệm thu hoặc coi như được phát hành theo khoản 7.5 của hợp đồng [Nghiệm thu, bàn giao công trình và các hạng mục công trình] cho công trình, khi trách nhiệm được chuyển qua Chủ đầu tư. Nếu biên bản nghiệm thu được phát hành (hoặc coi như đã phát hành) cho bất cứ hạng mục hay công trình nào, thì trách nhiệm bảo đảm bất kỳ hạng mục nào của công trình đó được chuyển cho Chủ đầu tư.

Sau khi trách nhiệm được chuyển một cách phù hợp cho Chủ đầu tư, Nhà thầu sẽ nhận trách nhiệm bảo đảm đến bất kỳ công việc nào còn tồn tại chưa giải quyết xong vào ngày được nêu trong biên bản nghiệm thu cho đến khi các công việc này được hoàn thành.

Nếu bất cứ việc mất mát hay hư hỏng nào xảy ra cho công trình, vật tư, thiết bị hoặc tài liệu của Nhà thầu nào trong khoảng thời gian Nhà thầu đang chịu trách nhiệm bảo đảm, được liệt kê trong khoản 21.3 của hợp đồng [Trách nhiệm của Nhà thầu đối với rủi ro], Nhà thầu sẽ phải sửa những mất mát hay hư hỏng bằng sự rủi ro và chi phí của Nhà thầu, để công

trình, vật tư, thiết bị và tài liệu của Nhà thầu đúng với hợp đồng.

Nhà thầu phải chịu trách nhiệm đối với bất cứ một hỏng hóc hay mất mát xảy ra sau khi biên bản nghiệm thu đã được phát hành và cả những việc xảy ra trước đó thuộc trách nhiệm của Nhà thầu và quy định tại khoản 1 Điều 51 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP.

#### 21.4. Bồi thường rủi ro

Nhà thầu phải bồi thường và gánh chịu những tổn hại cho Chủ đầu tư, các nhân viên của Chủ đầu tư đối với các khiếu nại, hỏng hóc, mất mát và các chi phí (bao gồm phí và các chi phí pháp lý) có liên quan đến:

a) Tổn hại thân thể, bệnh tật, ốm đau hay chết của bất cứ người nào xảy ra do nguyên nhân thi công, hoàn thành công trình và sửa chữa các sai sót, trừ khi có thể quy cho việc cầu thả, cố ý làm hoặc vi phạm hợp đồng bởi Chủ đầu tư, các nhân viên của Chủ đầu tư hoặc bất kỳ đại diện riêng nào của họ;

b) Hỏng hóc hay mất mát của bất cứ tài sản nào, là bất động sản hay của cá nhân (không phải là công trình), ở phạm vi mà những hỏng hóc hay mất mát này:

- Phát sinh từ hoặc trong quá trình tiến hành hoặc do nguyên nhân của thi công và hoàn thành công trình và sửa chữa các sai sót;

- Được quy cho sự bất cẩn, cố ý làm hoặc vi phạm hợp đồng bởi Nhà thầu, nhân lực của Nhà thầu hoặc bất cứ người nào trực tiếp hay gián tiếp được họ thuê.

Chủ đầu tư phải bồi thường và gánh chịu những tổn hại cho Nhà thầu, các nhân viên của Nhà thầu đối với các khiếu nại, thiệt hại, mất mát, chi phí, phí (gồm phí và các chi phí pháp lý) liên quan đến tổn hại thân thể, ốm đau, bệnh, tật hay chết được quy cho sự cầu thả, cố ý làm hoặc vi phạm hợp đồng bởi Chủ đầu tư, các nhân viên của Chủ đầu tư.

#### 21.5. Thông báo về bất khả kháng

Nếu một bên bị cản trở thực hiện bất cứ nghĩa vụ của mình theo hợp đồng do tình trạng bất khả kháng, bên đó phải gửi thông báo cho bên kia về sự việc hoặc trường hợp gây nên tình trạng bất khả kháng và phải nêu rõ các nghĩa vụ, công việc đã và sẽ bị cản trở. Thông báo phải được gửi sớm nhất sau khi bên đó nhận biết được tình trạng hoặc lẽ ra đã nhận biết được về sự việc hoặc trường hợp gây nên tình trạng bất khả kháng.

Bên đó, khi đã thông báo, phải được miễn cho việc thực hiện công việc thuộc nghĩa vụ trong thời gian mà tình trạng bất khả kháng cản trở việc thực hiện của họ.

Dẫu cho có các quy định nào khác của khoản này, thì bất khả kháng cũng không áp dụng đối với các nghĩa vụ thanh toán tiền của bất cứ bên nào cho bên kia theo hợp đồng.

#### 21.6. Các hậu quả của bất khả kháng

Nếu Nhà thầu bị cản trở thực hiện bất kỳ nhiệm vụ nào của mình theo hợp đồng do bất khả kháng mà đã thông báo theo khoản 21.5 của hợp đồng [Thông báo về bất khả kháng] và chịu sự chậm trễ và chịu chi phí do bất khả kháng, Nhà thầu sẽ có quyền theo Điều 24 của hợp đồng [Khiếu nại và xử lý các tranh chấp]:

a) Kéo dài thời gian do sự chậm trễ này, nếu việc hoàn thành bị và sẽ bị chậm trễ theo khoản 8.3 của hợp đồng [Gia hạn thời gian hoàn thành];

b) Nếu sự việc hay trường hợp thuộc loại được mô tả trong khoản 21.1 của hợp đồng [Rủi ro và bất khả kháng] được thanh toán các chi phí này.

Sau khi nhận được thông báo này, Chủ đầu tư phải xem xét để nhất trí hay quyết định các vấn đề này.

#### 21.7. Chấm dứt hợp đồng do bất khả kháng, thanh toán, hết trách nhiệm nếu việc thực

hiện công trình cơ bản đang được tiến hành bị cản trở liên tục trong thời gian ... ngày do bất khả kháng đã được thông báo theo khoản 21.5 của hợp đồng [Thông báo về bất khả kháng] hoặc trong nhiều khoảng thời gian mà tổng số là trên ... ngày do bất khả kháng đã được thông báo, thì một trong hai bên có thể gửi thông báo chấm dứt hợp đồng cho bên kia. Trong trường hợp này, việc chấm dứt hợp đồng sẽ có hiệu lực ... ngày sau khi có thông báo.

Đối với trường hợp chấm dứt này, Chủ đầu tư sẽ phải thanh toán cho Nhà thầu:

a) Các khoản thanh toán cho bất kỳ công việc nào đã được thực hiện mà giá đã được nêu trong hợp đồng;

b) Chi phí cho thiết bị và vật tư được đặt hàng cho công trình đã được chuyển tới cho Nhà thầu, hoặc những thứ Nhà thầu có trách nhiệm chấp nhận giao hàng; thiết bị và vật tư này sẽ trở thành tài sản (và là rủi ro) của Chủ đầu tư khi đã được Chủ đầu tư thanh toán và Nhà thầu sẽ để cho Chủ đầu tư tùy ý sử dụng;

c) Mọi chi phí hoặc trách nhiệm khác mà trong trường hợp bất khả kháng Nhà thầu phải chịu để hoàn thành công trình;

d) Chi phí di chuyển các công trình tạm và thiết bị của Nhà thầu khỏi công trình;

d) Chi phí bồi thường cho đội ngũ nhân viên và người lao động được Nhà thầu thuê trong toàn bộ thời gian liên quan đến công trình vào thời điểm chấm dứt hợp đồng.

## **Điều 22. Sự kiện bồi thường**

22.1. Các sự kiện sau đây sẽ được xem là sự kiện bồi thường

a) Chủ đầu tư không giao một phần mặt bằng công trường vào ngày tiếp nhận công trường theo quy định;

b) Chủ đầu tư sửa đổi lịch hoạt động của các Nhà thầu khác, làm ảnh hưởng đến công việc của Nhà thầu trong hợp đồng này;

c) Chủ đầu tư thông báo trì hoãn công việc hoặc không cấp bản vẽ, thông số kỹ thuật hay các chỉ thị cần thiết để thực hiện công trình đúng thời hạn;

d) Chủ đầu tư yêu cầu Nhà thầu tiến hành các thử nghiệm bổ sung nhưng kết quả không tìm thấy sai sót;

đ) Chủ đầu tư không phê chuẩn hợp đồng sử dụng Nhà thầu phụ mà không có lý do xác đáng, hợp lý;

e) Điều kiện nền đất công trường xấu hơn nhiều so với dự kiến tại thời điểm trước khi có thư chấp thuận mà dự kiến đó đã được đưa ra một cách hợp lý dựa trên các thông tin cung cấp cho các Nhà thầu (bao gồm các Báo cáo khảo sát công trường), các thông tin có sẵn khác và kết quả thị sát công trường.

g) Chủ đầu tư yêu cầu giải quyết tình huống đột xuất hoặc công việc phát sinh cần thiết để bảo đảm an toàn công trình hoặc các lý do khác;

h) Các Nhà thầu khác và cơ quan, đơn vị liên quan hoặc Chủ đầu tư không làm việc vào các ngày đã nêu trong hợp đồng và không làm việc trong các điều kiện đã nêu trong hợp đồng, gây ra chậm trễ hoặc làm phát sinh chi phí cho Nhà thầu.

i) Tạm ứng chậm;

k) Nhà thầu chịu ảnh hưởng từ rủi ro của Chủ đầu tư;

l) Chủ đầu tư chậm cấp giấy chứng nhận hoàn thành công trình mà không có lý do hợp lý.

22.2. Nếu sự kiện bồi thường [quy định tại ĐKCT] làm tăng chi phí hay cản trở việc

hoàn thành công việc trước ngày hoàn thành dự kiến, thì giá hợp đồng sẽ được điều chỉnh tăng lên, thời gian thực hiện hợp đồng sẽ được gia hạn. Chủ đầu tư phải xem xét quyết định việc điều chỉnh giá hợp đồng và gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng.

22.3. Sau khi Nhà thầu cung cấp thông tin chứng minh ảnh hưởng của từng sự kiện bồi thường đối với dự toán chi phí của Nhà thầu, Chủ đầu tư phải xem xét, đánh giá và điều chỉnh giá hợp đồng cho phù hợp. Nếu dự toán của Nhà thầu không hợp lý thì Chủ đầu tư sẽ điều chỉnh giá hợp đồng dựa trên dự toán phù hợp theo đúng quy định do Chủ đầu tư lập.

Nhà thầu có thể không được bồi thường khi các quyền lợi của Chủ đầu tư bị ảnh hưởng nặng nề do việc Nhà thầu không cảnh báo sớm hoặc không hợp tác với Chủ đầu tư.

### **Điều 23. Thương hợp đồng, phạt vi phạm hợp đồng**

#### 23.1. Thương hợp đồng

Trường hợp Nhà thầu hoàn thành các nghĩa vụ của hợp đồng sớm hơn so với thời hạn quy định trong hợp đồng này, mang lại hiệu quả cho Chủ đầu tư thì cứ mỗi ... tháng (khoảng thời gian) Chủ đầu tư sẽ thưởng cho Nhà thầu... % mỗi ... tháng (khoảng thời gian) và mức thưởng tối đa không quá ... % giá trị phần hợp đồng làm lợi.

- Mức thưởng: *[ghi mức thưởng đối với việc hoàn thành sớm công trình, sáng kiến của Nhà thầu. Trường hợp không áp dụng thưởng hợp đồng thì nêu rõ]*.

- Tổng số tiền thưởng tối đa: *[ghi tổng số tiền thưởng tối đa, (nếu có)]*.

#### 23.2. Phạt vi phạm hợp đồng

Đối với Nhà thầu: nếu chậm tiến độ ... ngày thì phạt... % giá hợp đồng cho ... ngày chậm nhưng tổng số tiền phạt không quá ... % giá trị hợp đồng bị vi phạm theo quy định tại Điều 42 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 15 Điều 1 Nghị định số 50/2021/NĐ-CP .

*[Ghi nội dung phạt, mức phạt và tổng giá trị phạt tối đa phù hợp với quy định của pháp luật về xây dựng]*.

### **Điều 24. Khiếu nại và xử lý các tranh chấp**

#### 24.1. Khiếu nại

Thực hiện theo quy định tại Điều 44 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP .

#### 24.2. Xử lý các tranh chấp

Thực hiện theo quy định tại Điều 45 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP .

Khi có tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên sẽ cố gắng thương lượng để giải quyết bằng biện pháp hòa giải **[quy định tại ĐKCT]**.

Trường hợp thương lượng không có kết quả thì trong vòng... ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp hợp đồng không thể hòa giải, các bên sẽ gửi vấn đề lên trọng tài để xử lý tranh chấp theo các quy tắc của Việt Nam **[quy định tại ĐKCT]**. Quyết định của trọng tài (hoặc Tòa án Nhân dân) là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc với các bên.

24.3. Hợp đồng bị vô hiệu, chấm dứt không ảnh hưởng đến hiệu lực của các điều khoản về giải quyết tranh chấp.

### **Điều 25. Quyết toán và thanh lý hợp đồng**

#### 25.1. Quyết toán hợp đồng

Quyết toán hợp đồng xây dựng theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 7 Điều 1 Nghị định số 50/2021/NĐ-CP ,

quy định pháp luật khác có liên quan và gồm các quy định sau:

Trong vòng ..... ngày [quy định tại **ĐKCT**] sau khi nhận được biên bản nghiệm thu đã hoàn thành toàn bộ nội dung công việc theo quy định của hợp đồng, Nhà thầu sẽ trình cho Chủ đầu tư ... (bộ) quyết toán hợp đồng với các tài liệu trình bày chi tiết theo mẫu mà Chủ đầu tư đã chấp thuận, bao gồm các tài liệu sau:

- Biên bản nghiệm thu hoàn thành toàn bộ công việc thuộc phạm vi hợp đồng;
- Bảng xác nhận giá trị khối lượng công việc phát sinh (nếu có) ngoài phạm vi hợp đồng;
- Bảng tính giá trị quyết toán hợp đồng, trong đó nêu rõ phần đã thanh toán và giá trị còn lại mà Chủ đầu tư có trách nhiệm thanh toán cho Nhà thầu;
- Hồ sơ hoàn công, nhật ký thi công xây dựng công trình;
- Các tài liệu khác theo thỏa thuận trong hợp đồng (nếu có).

Thời hạn Nhà thầu giao nộp hồ sơ quyết toán hợp đồng không được quá ... ngày kể từ ngày nghiệm thu hoàn thành toàn bộ nội dung công việc cần thực hiện theo hợp đồng, bao gồm cả công việc phát sinh (nếu có).

### 25.2. Thanh lý hợp đồng

Thanh lý hợp đồng xây dựng theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 8 Điều 1 Nghị định số 50/2021/NĐ-CP và các quy định sau:

a) Hợp đồng được thanh lý trong trường hợp:

- Các bên hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký;
- Hợp đồng bị chấm dứt (hủy bỏ) theo quy định của Điều 18 của hợp đồng [Tạm dừng và chấm dứt Hợp đồng bởi Chủ đầu tư], Điều 19 của hợp đồng [Tạm dừng và chấm dứt hợp đồng bởi Nhà thầu].

b) Việc thanh lý hợp đồng phải được hoàn tất trong thời hạn ... ngày [quy định tại **ĐKCT**] kể từ ngày các bên tham gia hợp đồng hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc hợp đồng bị chấm dứt (hủy bỏ) theo điểm a khoản 2 Điều này.

### 25.3. Chấm dứt trách nhiệm của Chủ đầu tư

Chủ đầu tư sẽ không chịu trách nhiệm với Nhà thầu về bất cứ việc gì và vấn đề gì theo hợp đồng hoặc liên quan đến hợp đồng sau khi thanh lý hợp đồng.

## **Điều 26. Hiệu lực của hợp đồng**

26.1. Hai bên cam kết thực hiện đúng những điều đã quy định trong hợp đồng này. Số bản, trang, Phụ lục và ngôn ngữ hợp đồng [quy định tại **ĐKCT**].

26.2. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ thời điểm [quy định tại **ĐKCT**] và sau khi Chủ đầu tư đã nhận được bảo đảm thực hiện hợp đồng.

### 26.3. Tính pháp lý của hợp đồng xây dựng:

a) Hợp đồng có hiệu lực là cơ sở pháp lý mà Chủ đầu tư, Nhà thầu và các bên liên quan có nghĩa vụ thực hiện;

b) Hợp đồng có hiệu lực là cơ sở để giải quyết tranh chấp giữa các bên. Các tranh chấp phát sinh ngoài hợp đồng sẽ được giải quyết trên cơ sở các quy định, của pháp luật có liên quan.

## **Điều 27. Điều khoản chung**

27.1. Hai bên cam kết thực hiện đúng những Điều đã quy định trong hợp đồng này. Khi một bên có kiến nghị, đề xuất, yêu cầu thì bên kia phải có trách nhiệm trả lời.

27.2. Hợp đồng này bao gồm ... trang và ...phụ lục được lập thành ... bản bằng tiếng Việt. Chủ đầu tư sẽ giữ ... bản tiếng Việt, Nhà thầu sẽ giữ ... bản tiếng Việt (*Trường hợp có sử dụng từ hai thứ ngôn ngữ trở lên thì các bên quy định thêm về số bản hợp đồng bằng các ngôn ngữ khác*).

## PHẦN 4. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

### Điều 1. Giải thích từ ngữ

Trong hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1.6. Chủ đầu tư là \_\_\_\_\_ [*Tên giao dịch của Chủ đầu tư*].

1.7. Công trình bao gồm [*Ghi tóm tắt sơ lược về tên, địa điểm thi công gói thầu, bao gồm cả thông tin về quan hệ với các gói thầu khác trong dự án*].

1.10. Công trường [*Ghi địa chỉ của công trường*] và được xác định trong bản vẽ số [*Ghi số*].

Thông tin về công trường là: [*Liệt kê các thông tin và dữ liệu về công trường*].

1.21. Ngày khởi công là: \_\_\_\_\_ [*Ghi ngày*].

1.23. Nhà thầu là: \_\_\_\_\_ [*Ghi tên hợp pháp đầy đủ của Nhà thầu*].

### Điều 2. Hồ sơ hợp đồng và thứ tự ưu tiên

2.1. Hồ sơ hợp đồng: \_\_\_\_\_ [*Ghi đầy đủ các tài liệu của hồ sơ hợp đồng*].

2.4. Thứ tự ưu tiên: \_\_\_\_\_ [*Ghi các tài liệu của hồ sơ hợp đồng theo thứ tự ưu tiên nếu có*].

### Điều 3. Luật và ngôn ngữ sử dụng

3.1. Hợp đồng này chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; đối với dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ chính thức, vốn vay ưu đãi phát sinh từ Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên [*Ghi rõ nguồn vốn hỗ trợ chính thức, vốn vay ưu đãi*].

### Điều 4. Thông báo

4.2. Thông báo của một bên phải được người đại diện có thẩm quyền hoặc người được ủy quyền ký kết sẽ được coi là có hiệu lực tại thời điểm [*Ghi rõ thời điểm*].

### Điều 5. Bảo đảm thực hiện và bảo lãnh tạm ứng hợp đồng

5.1. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng là \_\_\_\_\_ [*Ghi cụ thể là bao nhiêu % trên giá trị hợp đồng*] tương đương \_\_\_\_\_ [*Ghi cụ thể giá trị và loại tiền tệ*].

- Thời gian gửi bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Chủ đầu tư là \_\_\_\_\_ [*Ghi cụ thể thời gian là bao nhiêu ngày sau khi cả hai bên đã ký hợp đồng*].

- Thời gian Nhà thầu phải gia hạn bảo đảm thực hiện là \_\_\_\_\_ [*Ghi cụ thể thời gian là bao nhiêu ngày trước ngày hết hạn bảo đảm thực hiện*].

- Thời gian thanh toán nợ cho Chủ đầu tư là \_\_\_\_\_ [*Ghi cụ thể thời gian là bao nhiêu ngày sau khi thỏa thuận hoặc quyết định phải trả*].

- Thời gian sửa chữa sai sót là \_\_\_\_\_ [*Ghi cụ thể thời gian là bao nhiêu ngày kể từ*



ngày nhận được thông báo của Chủ đầu tư].

- Thời gian trả lại bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Nhà thầu là \_\_\_\_\_ [Ghi cụ thể thời gian là bao nhiêu ngày sau khi cấp biên bản nghiệm thu hoàn thành và đã nhận được bảo đảm bảo hành].

5.2. Bảo lãnh tiền tạm ứng (Trường hợp các bên thỏa thuận phải có bảo lãnh tiền tạm ứng)

Thời gian nộp bảo lãnh tiền tạm ứng là \_\_\_\_\_ [Ghi cụ thể thời gian là bao nhiêu ngày sau khi hợp đồng có hiệu lực].

#### **Điều 6. Nội dung và khối lượng công việc**

6.3. Trường hợp Chủ đầu tư cung cấp một số hay toàn bộ vật tư, máy thi công thì các bên cần thể hiện rõ trong hợp đồng; bao gồm cả về khối lượng, chất lượng, thời gian, địa điểm cung cấp.

**Điều 7. Yêu cầu về chất lượng sản phẩm và nghiệm thu, bàn giao sản phẩm hợp đồng thi công xây dựng**

7.4. Chạy thử của công trình (nếu có)

Thời gian chạy thử là \_\_\_\_\_ [Ghi cụ thể thời gian là bao nhiêu ngày sau ngày đã thông báo hoặc vào ngày yêu cầu].

7.5. Nghiệm thu, bàn giao công trình và các hạng mục công trình

Thời gian phản hồi Nhà thầu là \_\_\_\_\_ [Ghi cụ thể thời gian là bao nhiêu ngày sau ngày kể từ khi nhận được đề nghị nghiệm thu công trình của Nhà thầu].

#### **Điều 8. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng**

8.2. Ngày khởi công, thời gian thực hiện hợp đồng

- Ngày bắt đầu công việc là \_\_\_\_\_ [Ghi cụ thể thời gian bao gồm ngày, tháng, năm].

- Thời gian thông báo trước cho Nhà thầu về ngày bắt đầu công việc là \_\_\_\_\_ [Ghi cụ thể thời gian là bao nhiêu ngày].

- Ngày hợp đồng bắt đầu có hiệu lực là \_\_\_\_\_ [Ghi cụ thể thời gian là bao nhiêu ngày].

- Thời gian hoàn thành toàn bộ công việc là \_\_\_\_\_ [Ghi cụ thể thời gian bao gồm ngày, tháng, năm].

8.3. Tiến độ thực hiện hợp đồng

- Thời gian trình tiến độ chi tiết thực hiện công việc là \_\_\_\_\_ [Ghi cụ thể thời gian là bao nhiêu ngày sau ngày bắt đầu công việc].

- Thời gian phản hồi cho Nhà thầu về tiến độ đề xuất là \_\_\_\_\_ [Ghi cụ thể thời gian là bao nhiêu ngày kể từ ngày Chủ đầu tư nhận được bảng tiến độ của Nhà thầu].

8.4 Điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng

Các trường hợp khác: \_\_\_\_\_ [Ghi các trường hợp gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng khác (nếu có)].

#### **Điều 9. Giá Hợp đồng, tạm ứng và thanh toán**

9.2. Giá hợp đồng

a) Hợp đồng này là hợp đồng \_\_\_\_\_ [Ghi cụ thể loại giá hợp đồng]

b) Giá hợp đồng gồm:

(i) Bảng Việt Nam Đồng: \_\_\_\_\_ Đồng.

(ii) Bảng Ngoại tệ: \_\_\_\_\_ [Ghi tên đồng ngoại tệ sử dụng].

iii) Khoản bổ sung hay giảm trừ:

9.3. Bảo lãnh tạm ứng, tạm ứng

- Thời gian nộp bảo lãnh tiền tạm ứng là \_\_\_\_\_ [Ghi cụ thể thời gian là bao nhiêu ngày sau khi hợp đồng có hiệu lực].

- Thời gian bảo lãnh tiền tạm ứng hợp đồng hết hiệu lực khi Chủ đầu tư chấp thuận bằng văn bản.

- Chủ đầu tư sẽ chuyển tiền tạm ứng vào ngân hàng ... (do Chủ đầu tư và Nhà thầu thống nhất trước khi ký hợp đồng) trong thời gian ... ngày sau khi Nhà thầu nộp Bảo lãnh tiền tạm ứng tương đương với khoản tiền tạm ứng.

- Tạm ứng: \_\_\_\_\_ [Ghi số tiền tạm ứng bao gồm thuế VAT (nếu có), các chứng từ để tạm ứng, phương thức tạm ứng... phù hợp quy định của pháp luật về xây dựng].

- Thời gian tạm ứng: \_\_\_\_\_ ngày \_\_\_\_\_ tháng \_\_\_\_\_ năm \_\_\_\_\_ [Ghi cụ thể thời gian tạm ứng].

9.4. Thanh toán

Đồng tiền sử dụng để thanh toán hợp đồng xây dựng là đồng tiền Việt Nam và \_\_\_\_\_ [Ghi cụ thể loại ngoại tệ sử dụng trong thanh toán].

- Hình thức thanh toán \_\_\_\_\_ [Bằng chuyển khoản hoặc bằng hình thức khác do các bên tự thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan].

9.5. Thời hạn thanh toán

Tiến độ thanh toán được chia làm \_\_\_\_\_ [Ghi cụ thể số lần thanh toán].

9.6. Thanh toán tiền bị giữ lại

Phần tiền giữ lại từ số tiền thanh toán là: \_\_\_\_\_ [Ghi tỷ lệ phần trăm]

[Số tiền giữ lại thường xấp xỉ 5% và không vượt quá 10% trong mọi trường hợp].

9.8. Hồ sơ thanh toán

- Hồ sơ thanh toán \_\_\_\_\_ [Ghi cụ thể bao nhiêu bộ hồ sơ].

Hồ sơ thanh toán bao gồm các tài liệu chủ yếu sau \_\_\_\_\_ [Ghi cụ thể tên các tài liệu].

- Thời hạn thanh toán là \_\_\_\_\_ [Ghi cụ thể thời gian là bao nhiêu ngày sau khi nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ theo quy định của hợp đồng].

**Điều 10. Điều chỉnh đơn giá, khối lượng công việc, một số nội dung khác trong hợp đồng và giá hợp đồng xây dựng**

10.2. Việc điều chỉnh khối lượng công việc và một số nội dung khác trong hợp đồng.

Khối lượng điều chỉnh [Ghi cụ thể các trường hợp điều chỉnh khối lượng công việc hoặc phân công việc thi công xây dựng thay đổi, điều chỉnh, bổ sung thiết kế và phạm vi công việc khác với quy định của hợp đồng].

Đối với điều chỉnh một số nội dung khác trong hợp đồng [Ghi cụ thể nguyên tắc điều chỉnh, phương pháp, công thức, nguồn dữ liệu và trách nhiệm của các bên theo quy định pháp luật].

10.3. Điều chỉnh giá hợp đồng xây dựng

Trường hợp điều chỉnh giá hợp đồng: \_\_\_\_\_ [Ghi cụ thể các trường hợp được điều chỉnh giá hợp đồng gắn với nội dung, phương pháp, thời gian, công thức, nguồn dữ liệu điều chỉnh và các nội dung có liên quan đảm bảo phù hợp với nguyên tắc điều chỉnh của từng loại giá hợp đồng theo quy định pháp luật].

Phương pháp điều chỉnh theo hướng dẫn tại Phụ lục I Thông tư hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng xây dựng.

### **Điều 15. Nhà thầu phụ**

15.1. Danh sách Nhà thầu phụ: \_\_\_\_\_ [Ghi danh sách Nhà thầu phụ phù hợp với danh sách Nhà thầu phụ nêu trong HSDT].

Giá trị công việc mà Nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: \_\_\_\_\_ giá hợp đồng [Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà ghi tỷ lệ % theo tỷ lệ quy định pháp luật].

15.5. Nêu các yêu cầu cần thiết khác về Nhà thầu phụ [Ghi yêu cầu khác về Nhà thầu phụ (nếu có)].

### **Điều 22. Sự kiện bồi thường**

22.2. Bồi thường thiệt hại: .... [Ghi “Áp dụng” hoặc “Không áp dụng”]. Trường hợp áp dụng bồi thường thiệt hại thì căn cứ vào quy mô, tính chất của gói thầu quy định bồi thường thiệt hại theo một trong hai cách sau:

- Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế;
- Bồi thường thiệt hại trên cơ sở một mức xác định. Trong trường hợp này nêu rõ mức bồi thường, phương thức bồi thường... phù hợp với pháp luật dân sự.

[Ghi nội dung bồi thường thiệt hại, mức bồi thường thiệt hại và tổng giá trị bồi thường thiệt hại tối đa phù hợp với quy định của pháp luật].

### **Điều 24. Khiếu nại và xử lý các tranh chấp**

#### **24.2. Xử lý các tranh chấp**

- Thời gian tiến hành Trọng tài phân xử là \_\_\_\_\_ [Ghi cụ thể thời gian là bao nhiêu ngày sau ngày kể từ khi thông báo không thỏa mãn được đưa ra bởi một bên].

- Hình thức giải quyết tranh chấp \_\_\_\_\_ [Ghi cụ thể hình thức giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc Trọng tài và thông tin cụ thể đối với hình thức xử lý tranh chấp lựa chọn bao gồm nhưng không giới hạn Trọng tài viên, Tòa án].

### **Điều 25. Quyết toán và thanh lý hợp đồng**

#### **25.1. Quyết toán hợp đồng**

- Thời gian trình hồ sơ quyết toán hợp đồng là \_\_\_\_\_ [Ghi cụ thể thời gian là bao nhiêu ngày kể từ ngày nhận được biên bản nghiệm thu và xác nhận của Chủ đầu tư].

- Số lượng hồ sơ quyết toán hợp đồng là \_\_\_\_\_ [Ghi cụ thể là bao nhiêu bộ].

#### **25.2. Thanh lý hợp đồng**

Thời gian tiến hành thanh lý hợp đồng là \_\_\_\_\_ [Ghi cụ thể thời gian là bao nhiêu ngày nhưng không quá .... ngày]

### **Điều 26. Hiệu lực của hợp đồng**

26.1. Hợp đồng này bao gồm \_\_\_\_\_ [Ghi cụ thể là bao nhiêu trang], và \_\_\_\_\_ [Ghi cụ thể là bao nhiêu Phụ lục] được lập thành \_\_\_\_\_ [Ghi cụ thể là bao nhiêu bản] bằng tiếng Việt có hiệu lực pháp lý như nhau, và \_\_\_\_\_ [Ghi cụ thể là bao nhiêu bản] bằng tiếng \_\_\_\_\_ [Ghi cụ thể ngôn ngữ hợp đồng khác ngoài tiếng Việt].

Chủ đầu tư sẽ giữ \_\_\_\_\_ [*Ghi cụ thể là bao nhiêu bản*] bằng tiếng Việt và \_\_\_\_\_ [*Ghi cụ thể là bao nhiêu bản*] bằng tiếng \_\_\_\_\_ [*Ghi cụ thể ngôn ngữ hợp đồng khác ngoài tiếng Việt*].

Nhà thầu sẽ giữ \_\_\_\_\_ [*Ghi cụ thể là bao nhiêu bản*] bằng tiếng Việt và \_\_\_\_\_ [*Ghi cụ thể là bao nhiêu bản*] bằng tiếng \_\_\_\_\_ [*Ghi cụ thể ngôn ngữ hợp đồng khác ngoài tiếng Việt*].

26.2. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ \_\_\_\_\_ [*Ghi cụ thể thời gian ngày, tháng, năm*] và sau khi Chủ đầu tư đã nhận được bảo đảm thực hiện hợp đồng theo Điều 5 Hợp đồng.

**CHỦ ĐẦU TƯ  
HOẶC ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP  
CỦA CHỦ ĐẦU TƯ**  
(Ghi tên, chức danh, ký tên, đóng dấu)

**NHÀ THẦU  
HOẶC ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP  
CỦA NHÀ THẦU**  
(Ghi tên, chức danh, ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 23

### BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG<sup>(2)</sup>

\_\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

Kính gửi: \_\_\_\_\_ [*ghi tên Chủ đầu tư*]

(sau đây gọi là Chủ đầu tư)

Theo đề nghị của \_\_\_\_\_ [*ghi tên Nhà thầu*] (sau đây gọi là Nhà thầu) là Nhà thầu đã trúng thầu gói thầu \_\_\_\_\_ [*ghi tên gói thầu*] và cam kết sẽ ký kết hợp đồng xây lắp cho gói thầu trên (sau đây gọi là hợp đồng);<sup>(3)</sup>

Theo quy định trong HSMT (*hoặc hợp đồng*), Nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, \_\_\_\_\_ [*ghi tên của ngân hàng*] ở \_\_\_\_\_ [*ghi tên quốc gia hoặc vùng lãnh thổ*] có trụ sở đăng ký tại \_\_\_\_\_ [*ghi địa chỉ của ngân hàng*<sup>(4)</sup>] (sau đây gọi là “Ngân hàng”), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của Nhà thầu với số tiền là \_\_\_\_\_ [*ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng như yêu cầu quy định tại Mục 5 ĐKCT*]. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn \_\_\_\_\_ [*ghi số tiền bảo lãnh*] như đã nêu trên, khi có văn bản của Chủ đầu tư thông báo Nhà thầu vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

2Chi áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng là thư bảo lãnh của ngân hàng hoặc tổ chức tài chính.

3 Nếu ngân hàng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo lãnh thì Bên mời thầu sẽ báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định. Trong trường hợp này, đoạn trên có thể sửa lại như sau:

“Theo đề nghị của \_\_\_\_\_ [*ghi tên Nhà thầu*] (sau đây gọi là Nhà thầu) là Nhà thầu trúng thầu gói thầu \_\_\_\_\_ [*ghi tên gói thầu*] đã ký hợp đồng số [*ghi số hợp đồng*] ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ (sau đây gọi là Hợp đồng).”

4Địa chỉ ngân hàng: Ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_.<sup>(5)</sup>

**Đại diện hợp pháp của ngân hàng**

*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

---

<sup>5</sup>Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu quy định .

**BẢO LÃNH TIỀN TẠM ỨNG<sup>(1)</sup>**

\_\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

Kính gửi: \_\_\_\_\_ [ghi tên Chủ đầu tư]

(sau đây gọi là Chủ đầu tư)

[ghi tên hợp đồng, số hợp đồng]

Theo điều khoản về tạm ứng nêu trong điều kiện cụ thể của hợp đồng, \_\_\_\_ [ghi tên và địa chỉ của Nhà thầu] (sau đây gọi là Nhà thầu) phải nộp cho Chủ đầu tư một bảo lãnh ngân hàng để bảo đảm Nhà thầu sử dụng đúng mục đích khoản tiền tạm ứng \_\_\_\_ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng] cho việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, \_\_\_\_ [ghi tên của ngân hàng] ở \_\_\_\_ [ghi tên quốc gia hoặc vùng lãnh thổ] có trụ sở đăng ký tại \_\_\_\_ [ghi địa chỉ của ngân hàng<sup>(6)</sup>] (sau đây gọi là “Ngân hàng”), theo yêu cầu của Chủ đầu tư, đồng ý vô điều kiện, không hủy ngang và không yêu cầu Nhà thầu phải xem xét trước, thanh toán cho Chủ đầu tư khi Chủ đầu tư có yêu cầu với một khoản tiền không vượt quá \_\_\_\_ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng như yêu cầu quy định tại Mục 36 ĐKCT].

Ngoài ra, chúng tôi đồng ý rằng các thay đổi, bổ sung hoặc điều chỉnh các điều kiện của hợp đồng hoặc của bất kỳ tài liệu nào liên quan đến hợp đồng được ký giữa Nhà thầu và Chủ đầu tư sẽ không làm thay đổi bất kỳ nghĩa vụ nào của chúng tôi theo bảo lãnh này.

Giá trị của bảo lãnh này sẽ được giảm dần tương ứng với số tiền tạm ứng mà Chủ đầu tư thu hồi qua các kỳ thanh toán quy định tại Mục 36 ĐKCT của Hợp đồng sau khi Nhà thầu xuất trình văn bản xác nhận của Chủ đầu tư về số tiền đã thu hồi trong các kỳ thanh toán.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày Nhà thầu nhận được khoản tạm ứng theo hợp đồng cho đến ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_<sup>(7)</sup> hoặc khi Chủ đầu tư thu hồi hết số tiền tạm ứng, tùy theo ngày nào đến sớm hơn.

**Đại diện hợp pháp của ngân hàng**

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

<sup>6</sup>Địa chỉ ngân hàng: Ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

<sup>7</sup>Ngày quy định tại Mục 36 ĐKCT.

## PHỤ LỤC BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

(Kèm theo hợp đồng số \_\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_)

Phụ lục này được lập trên cơ sở yêu cầu nêu trong HSMT, HSDT và những thỏa thuận đã đạt được trong quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng, bao gồm giá (thành tiền) cho từng hạng mục, nội dung công việc. Giá (thành tiền) cho từng hạng mục, nội dung công việc đã bao gồm các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định và chi phí dự phòng.

### BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

STT	Mô tả công việc	Yêu cầu kỹ thuật/ Chi dẫn kỹ thuật	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	D	E	1	2=Ex1
	<b>Các hạng mục (I+I+I)</b>					
<b>I</b>	<b>Các hạng mục xây dựng</b>					
<b>I.1</b>	<b>Hạng mục 1:</b> [Ghi tên hạng mục]					
<b>I.1.1</b>	<b>Phần ....</b>					
1	Ghi tên hạng mục công việc 1		Ghi đơn vị	Ghi khối lượng	Ghi đơn giá	Thành tiền
2	Ví dụ: phá dỡ ....		m <sup>3</sup>	3.450		
3						
4						
<b>I.1.2</b>	<b>Hạng mục 2:</b> [Ghi tên hạng mục]					
	....					
....						
<b>Giá hợp đồng</b>						
(Kết chuyển sang Điều 5 của Hợp đồng)						

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ THẦU**

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CHỦ ĐẦU TƯ**

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

